洪吟

（四）

Hồng ngâm 4

李洪志

Lý Hồng Chí

MỤC LỤC

(Bản dịch draft0 8-2020)

1. Chí Kiên 6
2. Hồi Quy 7
3. Chân Tướng Tảo Dĩ Thuyết Minh Bạch 9
4. Giải Khai Nhĩ Đích Mê Bán 11
5. Thiên Lộ Tại Hà Phương 13
6. Tái Huy Hoàng 16
7. Thần Tại Tuyển Trạch Sinh Mệnh 18
8. Suy Khai Mê Trung Môn..... 20
9. Cứu Nhĩ Vi Hà Nan 22
10. Cảm Khái 24
11. Nhân Vi Ngã Môn Ước Hảo 26
12. Đới Thượng Ngã Đích Tâm Nguyện 28
13. Giá Thị Chân Âm 30
14. Nhân Sinh Lộ Hữu Đa Trường 32
15. Đại Pháp Khai Truyền Nhĩ Hoàn Mê 34
16. Thần Phật Chỉ Đích Đạo 36
17. Ngã Tâm Lý Đích Ca 38
18. Bát Nguyệt Thập Ngũ Tuỳ Bút 40
19. Tuỳ Bút 42
20. Sinh Mệnh Lai Tự Thiên Thượng 44
21. Nhân Tại Tố Thần Tại Khán 46
22. Chân Ngôn 48
23. Tuyển Trạch 50
24. Nhân Tùng Nả Lý Lai 52
25. Xướng Đích Thị Chân Tướng 54
26. Sinh Mệnh Đích Quy Túc 56
27. Dụng Ca Thanh Cáo Tố Nhĩ 58
28. Khán Phá Bất Thị Mê 60
29. Trung Thu Ngâm 62
30. Quan Nguyệt 64
31. Giá Thị Nhĩ Đích Phúc Âm 66
32. Cao Ca Nhất Khúc Hoán Thế Nhân 68
33. Thiên Cơ 70
34. Cứu Chúng Sinh 72
35. Sinh Mệnh Đích Chân Đế 74
36. Vi Nhĩ Môn Ca Xướng 76

37. Giá Thị Ngã Đích Túc Nguyện …….. 78
38. Nhân Tâm Đáng Đạo 80
39. Pháp Thuyền Khởi Hàng Đăng Bất Đăng 82
40. Chúng Quy ……..... 84
41. Đại Pháp Đồ Đích Từ Bi 86
42. Thế Thượng Kỷ Nhân Tỉnh ……..... 88
43. Truyền Thần ……..... 90
44. Trà Liêu ……..... 92
45. Nguyệt Minh ……..... 93
46. Đối Liên ……..... 94
47. Vi Hà Bất Yếu ……..... 95
48. Cửu Viễn Đích Mộng ……..... 97
49. Nhân Sinh Chân Ý …..... 99
50. Nhĩ Cửu Đẳng Đích Ca …..... 101
51. Giá Thị Chân Tướng …..... 103
52. Vi Hà Cự Tuyệt Chiêu Hoán …..... 105
53. Quan Sơn …..... 107
54. Tuyển Trạch Vị Lai 108
55. Sáng Thế Chủ Tại Bả Nhĩ Hô Hoán 110
56. Sáng Thế Chủ Tài Thị Nhân Đích Hy Vọng 112
57. Bất Yếu Mê Thất …..... 114
58. Chân Tướng …..... 116
59. Giá Thị Nhĩ Đẳng Đích Ca 118
60. Xướng Cấp Nhĩ Đích Ca 120
61. Tiên Vận 122
62. Chân Thực Đích Lý 124
63. Đại Hải Thị Ngã Đích Hung Hoài 126
64. Cứu Độ 128
65. Tổ Bối Lưu Hạ Đích Ca 130
66. Thần Một Thất Ngôn 132
67. Tỉnh Lai Ba 134
68. Hồng Ân Hạo Đãng 136
69. Sáng Thế Chủ Tại Chiêu Hoán 138
70. Tùy Bút 140
71. Ngã Tại Bang Nhĩ 142
72. Ngã Gia Hương Đích Truyền Thuyết 144
73. Chính Niệm 146
74. Thiêu Hồng Ma Luyện Kim Cương 147
75. Tổ Bối Đích Ca 149
76. Thực Hiện Ngã Đích Mộng Tưởng 151
77. Truy Tùy Nhĩ ── Đại Pháp Đồ 153

78. Tín Thần Tựu An Thần Thuyết Đích Tố 155
79. Thần Thánh Đích Ca 157
80. Thần Chi Vận 159
81. Lộ Quá Đổ Thành 161
82. Bang Nhĩ Ly Khai Hiểm Nạn 163
83. Nhĩ Tái Cuồng 165
84. Kỳ Vọng 167
85. Nhân Sinh Thị Quá Khách 169
86. Đối Liên 171
87. Nhân Sinh Ý Nghĩa 172
88. Đại Pháp Đệ Tử Một Thuyết Thác 174
89. Tâm nguyện 176
90. Luân Hồi 178
91. Lai Thế Tựu Vi Giá Nhất Hồi 180
92. Sáng Thế Chủ Dĩ Lai 182
93. Lịch Sử Đích Giáo Huấn 184
94. Hoàn Hữu Hy Vọng 186
95. Vấn Thiên 188
96. Đồng Nhất Điều Lộ 190
97. Vân Du 192
98. Đại Pháp Đồ Đích Tâm 194
99. Vi Nhĩ Phóng Thanh Ca Xướng 196
100. Đảo Xuất Tà Đảng Đích Quán Thâu 198
101. Thôi Xúc 200
102. Đối Liên 202
103. Đối Liên 203
104. Đối Liên 204
105. Sứ Mệnh 205
106. Ngã Bang Nhĩ Thanh Tẩy 207
107. Nhất Huy Gian 209
108. Tọa Quan Hồng Trần 211
109. Nhĩ Đích Chúng Sinh Tại Đẳng Nhĩ 213
110. Hồi Thiên Lộ 215
111. Tỉnh Lai Ba Trung Hoa Dân Tộc 217
112. Thần Vận Đới Ngã Hồi Hán Đình 219
113. Thần Vận Tú Xuất Tiên Giới Tại Nhân Gian 221
114. Thần Vận Tú Cổ Phong 223
115. Thần Vận Đả Khai Truyền Thống Môn 225
116. Chân Thành 227
117. Tái Hưng Bang 229
118. Tái Nhất Thứ Tuyển Trạch 231

119. Lĩnh Nhĩ Hồi Thiên Đường 233
120. Thự Quang 235
121. Trung Quốc Chi Ca 237
122. Hà Thời Tỉnh 239
123. Thần Vận Vũ Đạo 241
124. Hồi Quy Chính Đạo 242
125. Chính Tại Cứu Độ Cơ Duyên Nhất Siếp Na 243
126. Linh Bất Linh 245
127. Chẩm Ma Biện 246
128. Minh Bạch Chân Tướng Dĩ Bị Cứu 247
129. Ngã Môn Triển Hiện Đích Thị Chân Tướng 249
130. Thần Vũ Tiên Vận 251
131. Dụng Ca Thanh Hoán Khởi Hy Vọng 253
132. Thiền Đình Hạ 255
133. Tín Bất Tín Do Nhĩ 256
134. Báo Ứng 258
135. Sử Hướng Thần Chỉ Đích Ngạn 260
136. Thiên Quốc Nhạc Đoàn 262
137. Kỷ Nhân Tỉnh 263
138. Dữ Thần Cộng Vũ Giá Thiên Kiều 265
139. Nguyệt Vi Thùy Viên 267
140. Nguyệt Vi Nhân Minh 269
141. Trung Thu Liên Hoan 271

志 堅

生在苦難中
掙扎以求生
一朝得大法
回歸步別停

二零零四年七月十九日

Phiên âm:

Chí Kiên

Sinh tại khổ nan trung
Tránh trát dĩ cầu sinh
Nhất triêu đắc đại pháp
Hồi quy bộ biệt đình

Nhị linh linh tứ niên thất nguyệt thập cửu nhật

Diễn nghĩa:

Ý chí kiên định

Sinh ở trong khổ nạn
Tranh giành để cầu sinh
Một khi đắc Đại Pháp
Bước chân trở về chớ dừng lại

Ngày 19 tháng 07 năm 2004

回 歸

茫茫人海我在呼喊
末劫的法輪已在轉
為法下世是你的願
千年輪迴中你在盼
為了你天國的眾生
別叫謊言把你搞亂
是神叫我們傳真相
那是創世主的呼喚

二零零九年春

Phiên âm:

Hồi Quy

Mang mang nhân hải ngã tại hô hảm
Mạt kiếp đích Pháp Luân dĩ tại chuyển
Vi Pháp hạ thế thị nhĩ đích nguyện
Thiên niên luân hồi trung nhĩ tại phán
Vi liễu nhĩ Thiên quốc đích chúng sinh
Biệt khiếu hoang ngôn bả nhĩ cảo loạn
Thị Thần khiếu ngã môn truyền chân tướng
Na thị Sáng Thế Chủ đích hô hoán

Nhị linh linh cửu niên Xuân

Diễn nghĩa:

Trở về

[Trong] biển người mênh mông tôi kêu gọi
Pháp Luân trong thời mạt kiếp đã xoay chuyển
Nguyện của bạn là xuống thế gian vì Pháp này
Trong [hàng] nghìn năm luân hồi bạn đang mong chờ
Vì chúng sinh trong Thiên quốc của bạn
Đừng để những lừa dối vu khống khiến bạn [rối] loạn
Là Thần bảo chúng tôi truyền chân tướng
Ấy là lời hiệu triệu của Sáng Thế Chủ

Mùa Xuân năm 2009

真相早已説明白

穿雲破霧下天外
四海漂泊塵中埋
歲月滄桑輪迴轉
只為得法入世來

人海茫茫何處尋
天蒼地老人心敗
神佛來世傳大法
真相早已説明白

二零零九年秋

Phiên âm:

Chân Tướng Tảo Dĩ Thuyết Minh Bạch

Xuyên vân phá vụ hạ thiên ngoại
Tứ hải phiêu bạc trần trung mai
Tuế nguyệt thương tang luân hồi chuyển
Chỉ vi đắc Pháp nhập thế lai

Nhân hải mang mang hà xứ tầm
Thiên thương địa lão nhân tâm bại
Thần Phật lai thế truyền Đại Pháp
Chân tướng tảo dĩ thuyết minh bạch

Nhị linh linh cửu niên Thu

Diễn nghĩa:

Chân tướng đã sớm được nói rõ ra rồi

Xuyên qua mây khói hạ xuống từ Thiên thượng

Phiêu bạt bốn biển chôn vùi trong hồng trần

Luân hồi chuyển sinh qua bao năm tháng bể dâu

Chỉ vì đắc Pháp [mà] đến thế gian

Biển người mênh mông biết tìm ở đâu

Trời đất thăm thẳm già cỗi, nhân tâm bại hoại

Thần Phật [đã] tới thế gian truyền Đại Pháp

Chân tướng đã sớm được nói rõ ra rồi

Mùa Thu năm 2009

解開你的迷絆

幸福是人的心願
不幸是人的常伴
無論你怎樣強悍
無論你多麼謙卑會幹
命運總是把你輕看
不要抱怨
守住你的善
是你忘了來時的真願與期盼
願我的歌聲能幫你打開心鎖
願我的歌聲幫你解開迷絆

二零零九年冬

Phiên âm:

Giải Khai Nhĩ Đích Mê Bán

Hạnh phúc thị nhân đích tâm nguyện
Bất hạnh thị nhân đích thường bạn
Vô luận nhĩ chẩm dạng cường hãn
Vô luận nhĩ đa ma khiêm ty hội can
Mệnh vận tổng thị bả nhĩ khinh khán
Bất yếu bão oán
Thủ trụ nhĩ đích Thiện
Thị nhĩ vong liễu lai thời đích chân nguyện dữ kỳ phán
Nguyện ngã đích ca thanh năng bang nhĩ đả khai tâm toả
Nguyện ngã đích ca thanh bang nhĩ giải khai mê bán

Nhị linh linh cửu niên Đông

Diễn nghĩa:

Giải khai sự mê mờ trói buộc của bạn

Hạnh phúc là tâm nguyện của con người

Bất hạnh luôn là bạn của con người

Dù bạn có mạnh mẽ thế nào

Dù bạn có khiêm tốn, tài giỏi đến đâu

Vận mệnh vẫn luôn xem thường bạn

Đừng mang oán hận

Giữ vững sự thiện lương của bạn

Là bạn đã quên đi chân nguyện và sự mong mỏi khi đến đây

Mong rằng tiếng hát của tôi có thể giúp bạn đả khai cái khóa trong tâm

Mong rằng tiếng hát của tôi có thể giúp bạn giải khai [khỏi] sự mê mờ trói buộc

Mùa Đông năm 2009

天路在何方

天路在何方
情幻把路擋
為何不見神
跳出名利眼不盲
人多來自天堂
為見創世主把人當
末後會救天眾凡人來世上
無神論進化論是說謊
科學把人領向危險的迷航
回頭找尋傳統路
眾神都在路盡處

二零零九年冬

Phiên âm:

Thiên Lộ Tại Hà Phương

Thiên lộ tại hà phương
Tình huyễn bả lộ đáng
Vi hà bất kiến Thần
Khiêu xuất danh lợi nhãn bất manh
Nhân đa lai tự Thiên đường
Vi kiến Sáng Thế Chủ bả nhân đương
Mạt hậu hội cứu thiên chúng phàm nhân lai thế thượng
Vô Thần luận Tiến hóa luận thị thuyết hoang
Khoa học bả nhân lĩnh hướng nguy hiểm đích mê hàng
Hồi đầu trảo tầm truyền thống lộ
Chúng Thần đô tại lộ tận xứ

Nhị linh linh cửu niên Đông

Diễn nghĩa:

Đường lên trời tại nơi nào

Đường lên trời tại nơi nào
Huyễn ảo của tình đã chặn mất con đường
Tại sao không nhìn thấy Thần
Nhảy thoát khỏi danh lợi mắt không [bị] mù
Đa phần con người là đến từ Thiên đường
Vì để gặp đức Sáng Thế Chủ nên [xuống] làm người
Thời mạt hậu [Ông] sẽ cứu chúng sinh và người trời đến thế gian
Vô Thần luận và Tiến hóa luận là giả dối
Khoa học dẫn dắt con người theo con đường nguy hiểm
[Hãy] quay đầu lại tìm con đường truyền thống
Chư Thần đều đang [đợi] ở cuối con đường

Mùa Đông năm 2009

再輝煌

破除四舊
臭老九
五千文明
成腐朽
運動不斷
千萬冤鬼
江河斷流土地貧
神州大地滿瘡痍
黨文化
鬥爭邪惡說
綑牢人
六四血
法徒魂
與天鬥
與地鬥
邪膽大
佛弟子也敢殺
騎虎難下邪招盡
大限已到滅紅朝
無處逃
真相展世人
再輝煌

二零一零年元旦

Phiên âm:

Tái Huy Hoàng

Phá trừ tứ cựu

Xú lão cửu

Ngũ thiên văn minh

Thành hủ hủ

Vận động bất đoạn

Thiên vạn oan quỷ

Giang hà đoạn lưu thổ địa bần

Thần Châu đại địa mãn sang di

Đảng văn hóa

Đấu tranh tà ác thuyết

Khổn lao nhân

Lục tứ huyết

Pháp đồ hồn

Dữ thiên đấu

Dữ địa đấu

Tà đảm đại

Phật đệ tử dã cảm sát

Kỵ hổ nan hạ tà chiêu tận

Đại hạn dĩ đáo diệt hồng triều

Vô xứ đào

Chân tướng triển thế nhân

Tái huy hoàng

Nhị linh nhất linh niên Nguyên Đán

Diễn nghĩa:

Tái huy hoàng

Phá trừ "tứ cựu"

'Xú lão cửu' [đàn áp trí thức]

Văn minh năm nghìn năm

Thành hủ bại

[Các cuộc] Vận động không ngừng nghỉ

[Hàng] Nghìn vạn oan hồn

Ngăn dòng sông hồ [khiến] đất đai nghèo nàn

Miền đất Thần Châu khắp nơi điêu tàn

Văn hóa đảng

Thuyết đấu tranh tà ác

Cầm tù con người

Máu chảy thời 'Lục tứ'

[Linh] hồn [của] đồ đệ Đại Pháp

Đấu với trời

Đấu với đất

Gan tà ác lớn

Đệ tử của Phật cũng dám giết

Cưỡi hổ khó xuống dùng hết chiêu tà ác

Đại nạn đã tới diệt trừ triều đại đỏ

Không có chỗ để trốn

Chân tướng hiển lộ cho con người thế gian

Lại [trở nên] huy hoàng

Nguyên Đán năm 2010

神在選擇生命

別被權錢把眼蒙
人的職位不神聖
權錢能使人橫行
事無常終還是夢
相見無求別太冷
法徒都在救眾生
亂世神在選生命
善輩才把渡船乘

二零一零年三月三日

Phiên âm:

Thần Tại Tuyển Trạch Sinh Mệnh

Biệt bị quyền tiền bả nhãn mông
Nhân đích chức vị bất thần thánh
Quyền tiền năng sử nhân hoành hành
Sự vô thường chung hoàn thị mộng
Tương kiến vô cầu biệt thái lãnh
Pháp đồ đô tại cứu chúng sinh
Loạn thế Thần tại tuyển sinh mệnh
Thiện bối tài bả độ thuyền thừa

Nhị linh nhất linh niên tam nguyệt tam nhật

Diễn nghĩa:

Thần Đang Lựa Chọn Sinh Mệnh

Chớ bị quyền lực, tiền tài che mờ mắt

Chức vị của con người không thần thánh

Quyền [và] tiền có thể khiến người ta lộng hành

Mọi sự [chỉ là] vô thường cuối cùng thì vẫn chỉ là giấc mộng

Gặp nhau không cầu [điều gì], đừng quá lạnh lùng

Đồ đệ Đại Pháp đều đang cứu chúng sinh

Thời loạn thế Thần đang lựa chọn sinh mệnh

Người Thiện mới lên được thuyền cứu độ

Ngày 03 tháng 03 năm 2010

推開迷中門

世人原是天上來
為得大法入迷塵
歷經古今多少世
末後已到尋主神
都知此時法開傳
真真假假亂世人
誰善誰惡要分清
真相推開迷中門

二零一零年春

Phiên âm:

Suy Khai Mê Trung Môn

Thế nhân nguyên thị Thiên thượng lai
Vi đắc Đại Pháp nhập mê trần
Lịch kinh cổ kim đa thiểu thế
Mạt hậu dĩ đáo tầm Chủ Thần
Đô tri thử thời Pháp khai truyền
Chân chân giả giả loạn thế nhân
Thuỳ thiện thuỳ ác yếu phân thanh
Chân tướng suy khai mê trung môn

Nhị linh nhất linh niên Xuân

Diễn nghĩa:

Mở ra cánh cửa trong mê

Con người thế gian nguyên là đến từ Thiên thượng
Vì để đắc Đại Pháp mà nhập cõi mê hồng trần
Trải qua kim cổ bao nhiêu kiếp
Thời mạt hậu đã đến, tìm Chủ Thần
Đều biết thời này Pháp [đã] khai truyền
Thật thật giả giả [làm] loạn con người thế gian
Ai thiện ai ác cần phải phân biệt rõ
Chân tướng mở ra cánh cửa trong mê

Mùa Xuân năm 2010

救你為何難

古今預言是仙賢
眾生已在危難前
網開一面有真相
用心了解別敷衍
世人為何難救度
邪黨喉舌灌謊言
人人都知紅黨惡
為何助紂心不憐

二零一零年四月六日

Phiên âm:

Cứu Nhĩ Vi Hà Nan

Cổ kim dự ngôn thị tiên hiền
Chúng sinh dĩ tại nguy nan tiền
Võng khai nhất diện hữu chân tướng
Dụng tâm liễu giải biệt phu diễn
Thế nhân vi hà nan cứu độ
Tà đảng hầu thiệt quán hoang ngôn
Nhân nhân đô tri hồng đảng ác
Vi hà trợ Trụ tâm bất liên

Nhị linh nhất linh niên tứ nguyệt lục nhật

Diễn nghĩa:

Cứu bạn vì sao lại khó

Dự ngôn xưa nay là của [các bậc] Tiên hiền
Chúng sinh đã ở trước nguy nan
"Võng khai nhất diện" có chân tướng
Dụng tâm liễu giải đừng qua loa
Người thế gian vì sao khó cứu độ
Miệng lưỡi tà đảng rót [đầy] lừa dối
Ai ai cũng biết tà đảng đỏ [là] ác
Vì sao trợ Trụ [mà] tâm không biết thương xót

Ngày 06 tháng 04 năm 2010

感慨

風雨十年蓮滿庭
橙黃紫綠九霄明
金剛百煉清純現
真念化開滿天晴
法徒慈悲世間行
善念救人除邪靈
一路正念神在世
滿載而歸眾神迎

二零一零年六月二十九日

Phiên âm:

Cảm Khái

Phong vũ thập niên liên mãn đình
Chanh hoàng tử lục cửu tiêu minh
Kim cương bách luyện thanh thuần hiện
Chân niệm hóa khai mãn thiên tình
Pháp đồ từ bi thế gian hành
Thiện niệm cứu nhân trừ tà linh
Nhất lộ chính niệm Thần tại thế
Mãn tải nhi quy chúng Thần nghinh

Nhị linh nhất linh niên lục nguyệt nhị thập cửu nhật

Diễn nghĩa:

Cảm khái

Mười năm mưa gió hoa sen [nở] khắp đình
Cam, vàng, tím, xanh chín tầng trời trong sáng
Kim cương luyện [qua] trăm lần hiện ra [vẻ] thuần khiết
Chân niệm hóa mở khắp trời trong xanh
Đồ đệ Đại Pháp từ bi thế gian hành
Thiện niệm cứu người [diệt] trừ tà linh
Con đường chính niệm [là] Thần tại thế gian
Đầy [thuyền] trở về, chúng Thần nghênh đón

Ngày 29 tháng 06 năm 2010

因為我們約好

下世前我們約好
誰先得法把另一個找
此時給你真相為何不要
你被打壓謊言灌的太飽
法輪功你了解多少
修煉人走的是神的道
世人的大難已到
裝著毒素會隨紅魔解體
救人我們在爭分奪秒
你能得救我的心願才會了
為了救人我不畏強暴
因為下世前我們約好

二零一零年八月十六日

Phiên âm:

Nhân Vi Ngã Môn Ước Hảo

Hạ thế tiền ngã môn ước hảo
Thuỳ tiên đắc Pháp bả lánh nhất cá trảo
Thử thời cấp nhĩ chân tướng vi hà bất yếu
Nhĩ bị đả áp hoang ngôn quán đích thái bão
Pháp Luân Công nhĩ liễu giải đa thiểu
Tu luyện nhân tẩu đích thị Thần đích đạo
Thế nhân đích đại nạn dĩ đáo
Trang trước độc tố hội tuỳ hồng ma giải thể
Cứu nhân ngã môn tại tranh phân đoạt miểu
Nhĩ năng đắc cứu ngã đích tâm nguyện tài hội liễu
Vi liễu cứu nhân ngã bất uý cường bạo
Nhân vi hạ thế tiền ngã môn ước hảo

Nhị linh nhất linh niên bát nguyệt thập lục nhật

Diễn nghĩa:

Bởi vì chúng ta đã từng ước hẹn

Trước khi hạ thế chúng ta đã ước hẹn
Ai đắc Pháp trước sẽ đi tìm người khác
Bây giờ đưa chân tướng vì sao bạn không nhận
Bạn bị đàn áp [và] lời dối trá nhồi nhét quá nhiều
Bạn đã hiểu biết được bao nhiêu về Pháp Luân Công
Người tu luyện đi là con đường của Thần
Đại nạn của thế nhân đã tới
Mang theo nhân tố độc [hại] sẽ [bị] giải thể theo ma đỏ
Chúng tôi đang giành giật từng phút giây để cứu người
Bạn có thể được đắc cứu thì tâm nguyện của tôi mới hoàn thành
Vì để cứu người [mà] tôi không sợ cường bạo
Bởi vì trước khi hạ thế chúng ta đã từng ước hẹn

Ngày 16 tháng 08 năm 2010

帶上我的心願

藍天上飄過的白雲
請把喜悅帶給我心上的人
千萬年的等待沒有白費心
大法洪傳我接上了緣份
從此不再迷茫中找尋
藍天上飄去的雲
請把我的心願帶給親愛的人
我要與她共同精進共同耕耘

二零一一年夏

Phiên âm:

Đới Thượng Ngã Đích Tâm Nguyện

Lam Thiên thượng phiêu quá đích bạch vân
Thỉnh bả hỷ duyệt đới cấp ngã tâm thượng đích nhân
Thiên vạn niên đích đẳng đãi một hữu bạch phí tâm
Đại Pháp hồng truyền ngã tiếp thượng liễu duyên phận
Tùng thử bất tái mê mang trung trảo tầm
Lam Thiên thượng phiêu khứ đích vân
Thỉnh bả ngã đích tâm nguyện đới cấp thân ái đích nhân
Ngã yếu dữ tha cộng đồng tinh tấn cộng đồng canh vân

Nhị linh nhất nhất niên Hạ

Tam dịch:

Mang theo tâm nguyện của tôi

Mây trắng bay qua trên nền trời xanh

Xin hãy mang sự hân hoan đến cho người trong tim tôi

Nghìn vạn năm chờ đợi không hề uổng phí

Đại Pháp hồng truyền tôi đã kết nối được với duyên phận

Từ giờ không còn phải tìm trong mê mang nữa

Mây bay đi trên [nền] trời xanh

Xin hãy mang tâm nguyện của tôi đến người thân yêu

Tôi và cô ấy sẽ cùng nhau tinh tấn cùng nhau tu luyện

Mùa Hè năm 2011

這是真音

我不知你是誰
無論你在哪個角落
我知道世人多來自天上
為了等待創世主
消去罪業才能重返天堂
神佛來世魔必狂
別信紅魔的謊言
為的是不叫你接上聖緣
快找大法徒了解真相
那是你千萬年的等待
那是你最後的希望

二零一一年夏

Phiên âm:

Giá Thị Chân Âm

Ngã bất tri nhĩ thị thuỳ
Vô luận nhĩ tại nả cá giác lạc
Ngã tri đạo thế nhân đa lai tự Thiên thượng
Vi liễu đẳng đãi Sáng Thế Chủ
Tiêu khứ tội nghiệp tài năng trùng phản Thiên đường
Thần Phật lai thế ma tất cuồng
Biệt tín hồng ma đích hoang ngôn
Vi đích thị bất khiếu nhĩ tiếp thượng thánh duyên
Khoái trảo Đại Pháp đồ liễu giải chân tướng
Na thị nhĩ thiên vạn niên đích đẳng đãi
Na thị nhĩ tối hậu đích hy vọng

Nhị linh nhất nhất niên Hạ

Diễn nghĩa:

Đây là chân âm

Tôi không biết bạn là ai

Dù cho bạn ở góc phố nào

Tôi biết thế nhân đa phần đến từ Thiên thượng

Vì để chờ đợi Sáng Thế Chủ

Tiêu trừ tội nghiệp mới có thể lại quay về Thiên đường

Thần Phật đến thế gian ma [quỷ] tất cuồng

Đừng tin vào lừa dối của ma đỏ

Là vì không để cho bạn nối tiếp thánh duyên

Hãy mau tìm đồ đệ Đại Pháp [để] liễu giải chân tướng

Đó là sự chờ đợi [hằng] nghìn vạn năm của bạn

Đó là hy vọng cuối cùng của bạn

Mùa Hè năm 2011

人生路有多長

人在世間為誰忙
末世好景幾多長
不知前程有多遠
多少危難在身旁
油燈燃盡突然亮
回光反襯樓成行
大難已到神也到
真相解憂通天堂

二零一一年七月二十三日

Phiên âm:

Nhân Sinh Lộ Hữu Đa Trường

Nhân tại thế gian vi thuỳ mang
Mạt thế hảo cảnh kỷ đa trường
Bất tri tiền trình hữu đa viễn
Đa thiểu nguy nạn tại thân bàng
Du đăng nhiên tận đột nhiên lượng
Hồi quang phản sấn lâu thành hành
Đại nạn dĩ đáo Thần dã đáo
Chân tướng giải ưu thông Thiên đường

Nhị linh nhất nhất niên thất nguyệt nhị thập tam nhật

Diễn nghĩa:

Đường đời có bao xa

Người tại thế gian hỏi vì ai mà bận rộn

Cảnh đẹp [thời] mạt thế còn được bao lâu

Không biết con đường phía trước còn bao xa

Bao nhiêu nguy nan ở bên cạnh

Đèn dầu cháy hết đột nhiên sáng

Hồi quang phản chiếu [những] tòa nhà [xếp trật tự] thành hàng [lối]

Đại nạn đã đến, Thần cũng đến

Chân tướng giải ưu [lo], thông [đến] Thiên đường

Ngày 23 tháng 07 năm 2011

大法開傳你還迷

朝陽東起一路西
成住壞滅在變異
眾神下世等大法
得法回天是本意
別被金錢迷住眼
百年空去白費力
苦海輪迴在此時
大法開傳你還迷

二零一一年秋

Phiên âm:

Đại Pháp Khai Truyền Nhĩ Hoàn Mê

Triêu Dương Đông khởi nhất lộ Tây
Thành-trụ-hoại-diệt tại biến dị
Chúng Thần hạ thế đẳng Đại Pháp
Đắc Pháp hồi thiên thị bản ý
Biệt bị kim tiền mê trụ nhãn
Bách niên không khứ bạch phí lực
Khổ hải luân hồi tại thử thời
Đại Pháp khai truyền nhĩ hoàn mê

Nhị linh nhất nhất niên Thu

Diễn nghĩa:

Đại Pháp khai truyền bạn vẫn mê

Mặt trời mọc ở [phương] Đông di chuyển một đường về [phía] Tây
Thành-trụ-hoại-diệt đang biến dị
Chúng Thần hạ thế đợi Đại Pháp
Đắc Pháp hồi thiên là nguyện ý ban đầu
Đừng để tiền bạc [làm] mê mờ mắt
Trăm năm tay trắng ra đi thảy đều phí công
Luân hồi trong bể khổ tại thời khắc này
Đại Pháp khai truyền [mà] bạn vẫn mê

Mùa Thu năm 2011

神佛指的道

世人啊
為了救你我無畏紅魔的殘暴
給你的真相那是希望
它能使人吐出被灌輸的迷藥
看到回天的大法
聽到創世主的呼叫
為了這你才下世苦熬
危難中救世人是我的誓約
這是神佛指的道

二零一一年秋

Phiên âm:

Thần Phật Chỉ Đích Đạo

Thế nhân a
Vi liễu cứu nhĩ ngã vô uý hồng ma đích tàn bạo
Cấp nhĩ đích chân tướng na thị hy vọng
Tha năng sử nhân thổ xuất bị quán thâu đích mê dược
Khán đáo hồi thiên đích Đại Pháp
Thính đáo Sáng Thế Chủ đích hô khiếu
Vi liễu giá nhĩ tài hạ thế khổ ngao
Nguy nan trung cứu thế nhân thị ngã đích thệ ước
Giá thị thần Phật chỉ đích đạo

Nhị linh nhất nhất niên Thu

Diễn nghĩa:

Con đường mà Thần Phật chỉ ra

Hỡi con người thế gian

Vì để cứu các bạn mà tôi không sợ sự tàn bạo của ma đỏ

Chân tướng đưa cho bạn - đó là hy vọng

Nó có thể giúp người ta nhổ ra thuốc mê đã bị nhồi nhét vào

Nhìn thấy Đại Pháp đưa [lối] về trời

Nghe được lời hiệu triệu của Sáng Thế Chủ

Vì điều này mà bạn mới xuống thế gian chịu khổ

Cứu thế nhân trong nguy nan [đó] là thệ ước của tôi

Đây là con đường [mà] Thần Phật chỉ ra

Mùa Thu năm 2011

我心裏的歌

我生命深處有支古老的歌
旋律間流淌著嚮往
每當我身心受傷
每當人生出現迷茫
我心中都會默默的唱
保持善良就會有希望
我們的家在天堂
這旋律我永遠不會忘

二零一一年秋

Phiên âm:

Ngã Tâm Lý Đích Ca

Ngã sinh mệnh thâm xứ hữu chi cổ lão đích ca
Toàn luật gian lưu thảng trước hướng vãng
Mỗi đương ngã thân tâm thụ thương
Mỗi đương nhân sinh xuất hiện mê mang
Ngã tâm trung đô hội mặc mặc đích xướng
Bảo trì thiện lương tựu hội hữu hy vọng
Ngã môn đích gia tại Thiên đường
Giá toàn luật ngã vĩnh viễn bất hội vong

Nhị linh nhất nhất niên Thu

Diễn nghĩa:

Bài hát trong tâm tôi

Sâu thẳm trong sinh mệnh tôi có một bài hát cổ xưa
Giữa những giai điệu tuôn chảy ra sự mong mỏi
Mỗi khi thân [và] tâm của tôi bị tổn thương
Mỗi khi cuộc đời xuất hiện mê mang
Trong tâm tôi đều lặng lẽ hát lên
Bảo trì thiện lương thì sẽ có hy vọng
Nhà của chúng ta ở Thiên đường
Giai điệu ấy tôi sẽ vĩnh viễn không quên

Mùa Thu năm 2011

八月十五隨筆

圓月高懸幾時有
龍泉祖廷過仲秋
銀光之下夜還寒
中華兒女歡伴憂
月照長空氣漸清
紅潮消退鬼欲溜
正法洪勢蓋天地
除盡邪惡才罷休
還我三界復正氣
法正人間再今秋

二零一一年八月仲秋

Phiên âm:

Bát Nguyệt Thập Ngũ Tuỳ Bút

Viên nguyệt cao huyền kỷ thời hữu
Long Tuyền tổ đình quá Trung Thu
Ngân quang chi hạ dạ hoàn hàn
Trung Hoa nhi nữ hoan bạn ưu
Nguyệt chiếu trường không khí tiệm thanh
Hồng triều tiêu thoái quỷ dục lưu
Chính Pháp hồng thế cái thiên địa
Trừ tận tà ác tài bãi hưu
Hoàn ngã Tam giới phục chính khí
Pháp Chính Nhân Gian tái kim Thu

Nhị linh nhất nhất niên bát nguyệt Trung Thu

Diễn nghĩa:

Tuỳ bút 15 tháng 8

Trăng tròn treo cao [đã] có từ khi nào
Đón Trung Thu ở tổ đình Long Tuyền
Dưới ánh sáng bạc đêm vẫn còn lạnh
Những người con trai con gái Trung Hoa hân hoan [vẫn vướng] ưu sầu
Trăng chiếu trời cao [không] khí dần dần trong
Triều đại đỏ suy thoái [bọn] quỷ muốn chuồn đi
Hồng thế Chính Pháp quét khắp thiên địa
Trừ tận tà ác mới ngừng nghỉ
Trả lại Tam giới khôi phục chính khí cho ta
Pháp Chính Nhân Gian [rồi] hãy lại đón Thu này

Trung Thu tháng 08 năm 2011

隨筆

何為天
何為地
人眼識人理
何為神
何為魂
愚鬼神不分
時空繁多人不識
眾生身體互穿梭
你的教堂他的豬窩
你的飯桌他的廁所
你重現實有人說你蠢貨
人的慧根有靈拙

二零一二年一月四日

Phiên âm:

Tuỳ Bút

Hà vi thiên
Hà vi địa
Nhân nhãn thức nhân lý
Hà vi thần
Hà vi hồn
Ngu quỷ Thần bất phân
Thời không phồn đa nhân bất thức
Chúng sinh thân thể hỗ xuyên thoa
Nhĩ đích giáo đường tha đích trư oa
Nhĩ đích phạn trác tha đích xí sở
Nhĩ trọng hiện thực hữu nhân thuyết nhĩ xuẩn hóa
Nhân đích huệ căn hữu linh chuyết

Nhị linh nhất nhị niên nhất nguyệt tứ nhật

Diễn nghĩa:

Tuỳ bút

Thế nào là trời

Thế nào là đất

Trong mắt con người [chỉ] nhận thức được cái lý của con người

Thế nào là Thần

Thế nào là hồn

[Lũ] quỷ ngu muội không thể phân biệt được Thần

Thời không nhiều lắm con người không biết được

Thân thể chúng sinh xuyên chéo lẫn nhau

Giáo đường của bạn [là] chuồng lợn của người kia

Bàn ăn của bạn [là] nhà vệ sinh của người kia

Bạn coi trọng hiện thực [thì] có người bảo bạn là đồ ngốc

Huệ căn của con người [ít nhiều] có thiếu hụt

Ngày 4 tháng Giêng năm 2012

生命來自天上

人生如迷向何去
我從何來似雲煙
輪迴轉生換膚色
君王庶民貧富變換被誰牽
世人多是在天堂
掉下重塑再回天
輾轉人世為等法
大法能煉正覺仙

二零一二年初

Phiên âm:

Sinh Mệnh Lai Tự Thiên thượng

Nhân sinh như mê hướng hà khứ
Ngã tùng hà lai tự vân yên
Luân hồi chuyển sinh hoán phu sắc
Quân vương thứ dân bần phú biến hoán bị thuỳ khiên
Thế nhân đa thị tại Thiên đường
Điệu hạ trùng tố tái hồi thiên
Triển chuyển nhân thế vi đẳng Pháp
Đại Pháp năng luyện Chính Giác Tiên

Nhị linh nhất nhị niên sơ

Diễn nghĩa:

Sinh mệnh đến từ Thiên thượng

Đời người như mê đi về đâu

Ta từ đâu đến tựa mây khói

Luân hồi trở qua trở lại đổi màu da

Hoán đổi vua chúa - thứ dân, giàu - nghèo là do ai dẫn dắt

Thế nhân đa phần là từ Thiên đường

Rớt xuống khôi phục lại [Thần thể] rồi quay về trời

Trở qua trở lại trong nhân thế là để đợi Pháp

Đại Pháp có thể luyện thành [bậc] Tiên Chính Giác

Đầu năm 2012

人在做神在看

大江東去不回頭
時過境遷不再有
人做神看帳上留
迫害法徒誰出糗
紅朝謊言欺世人
倒轉乾坤小丑扭
法輪再轉看人心
末世邪風不會久

二零一二年春

Phiên âm:

Nhân Tại Tố Thần Tại Khán

Đại giang Đông khứ bất hồi đầu
Thời quá cảnh thiên bất tái hữu
Nhân tố Thần khán trướng thượng lưu
Bách hại Pháp đồ thuỳ xuất khứu
Hồng triều hoang ngôn khi thế nhân
Đảo chuyển càn khôn tiểu sửu nữu
Pháp Luân tái chuyển khán nhân tâm
Mạt thế tà phong bất hội cửu

Nhị linh nhất nhị niên Xuân

Diễn nghĩa:

Người đang làm Thần đang nhìn

Sông lớn chảy về Đông chẳng quay đầu
Thời gian qua đi cảnh vật biến đổi sẽ không còn lại nữa
Người làm Thần nhìn lưu lại trên sổ sách
Bức hại đồ đệ Đại Pháp người đó tự thấy hổ thẹn
Triều đại đỏ bịa đặt lừa dối thế nhân
Đảo loạn càn khôn [là] những tên hề xấu
Pháp Luân lại xoay chuyển lần nữa xem nhân tâm
Tà phong thời mạt thế sẽ không còn lâu

Mùa Xuân năm 2012

真 言

成住壞滅規律在
天體最後有末災
為救天眾尋大法
萬神下世苦中挨
千年等待別錯過
創世神主早已來
洪傳大法救眾生
紅魔謊言撒塵埃
真假難辨看人心
不見天門萬古開
迷中忘記我是誰
大法真相把謎拆
天國親人在等待
快上法船脫凡胎

二零一二年三月十五日

Phiên âm:

Chân Ngôn

Thành trụ hoại diệt quy luật tại
Thiên thể tối hậu hữu mạt tai
Vi cứu thiên chúng tầm Đại Pháp
Vạn Thần hạ thế khổ trung ai
Thiên niên đẳng đãi biệt thác quá
Sáng Thế Thần Chủ tảo dĩ lai
Hồng truyền Đại Pháp cứu chúng sinh
Hồng ma hoang ngôn tản trần ai
Chân giả nan biện khán nhân tâm
Bất kiến thiên môn vạn cổ khai
Mê trung vong ký ngã thị thuỳ
Đại Pháp chân tướng bả mê sách
Thiên quốc thân nhân tại đẳng đãi
Khoái thượng Pháp thuyền thoát phàm thai

Nhị linh nhất nhị niên tam nguyệt thập ngũ nhật

Diễn nghĩa:

Chân ngôn

Quy luật thành-trụ-hoại-diệt [còn] tại đó
Thiên thể [lúc] tối hậu có tai nạn cuối
Vì cứu người trời, tìm Đại Pháp
Vạn Thần hạ thế mà trải qua trong khổ nạn
Nghìn năm chờ đợi đừng bỏ lỡ
Sáng Thế Thần Chủ đã tới từ lâu
Hồng truyền Đại Pháp cứu chúng sinh
Lời dối trá của ma đỏ tản ra [như] bụi trần
Thật giả khó phân, nhìn nhân tâm
Không thấy [được] cổng trời từ vạn cổ [đã] khai mở
Trong mê quên mất mình là ai
Chân tướng Đại Pháp giải ẩn đố
Người thân [ở] Thiên quốc đang chờ đợi
Mau lên thuyền Pháp thoát khỏi thân xác phàm này

Ngày 15 tháng 03 năm 2012

選擇

救世的大法出生在東方
但不是中共邪黨
創世主為何選擇那塊土壤
因為用燃燒邪黨錘煉金剛
大法徒與受難的覺者有甚麼兩樣
人不要選錯了方向
討好邪政會上魔鬼的當
大法從中國已傳向西方
了解真相才是得救的希望

二零一二年五月三日

Phiên âm:

Tuyển Trạch

Cứu thế đích Đại Pháp xuất sinh tại Đông phương
Đãn bất thị Trung Cộng tà đảng
Sáng Thế Chủ vi hà tuyển trạch na khối thổ nhưỡng
Nhân vi dụng nhiên thiêu tà đảng chuỳ luyện kim cương
Đại Pháp đồ dữ thụ nạn đích Giác Giả hữu thậm ma lưỡng dạng
Nhân bất yếu tuyển thác liễu phương hướng
Thảo hảo tà chính hội thượng ma quỷ đích đương
Đại Pháp tùng Trung Quốc dĩ truyền hướng Tây phương
Liễu giải chân tướng tài thị đắc cứu đích hy vọng

Nhị linh nhất nhị niên ngũ nguyệt tam nhật

Diễn nghĩa:

Lựa chọn

Đại Pháp cứu rỗi thế giới được xuất sinh ở Đông phương
Nhưng không phải tà đảng Trung Cộng [có khả năng cứu độ thế giới]
Sáng Thế Chủ vì sao lựa chọn miền đất ấy
Vì lấy việc thiêu tà đảng để rèn luyện kim cương
Đồ [đệ] Đại Pháp nào khác chi những Giác Giả đã từng chịu nạn
Con người chớ chọn lựa sai phương hướng
Thoả theo nhóm chính trị tà ác sẽ lọt vào thành ma quỷ
Đại Pháp đã truyền từ Trung Quốc sang Tây Phương
Liễu giải chân tướng thì mới có hy vọng được cứu

Ngày 03 tháng 05 năm 2012

人從哪裏來

南飛的大雁從北方來
人可知道你的家是天上的宮宅
是甚麼使你下世塵中埋
輪迴輾轉是誰在安排
為何對神佛有種特殊的情懷
法輪大法能把真相說明白
不要只看我們在迫害中苦挨
那是為救你們趕起的塵埃

二零一二年夏

Phiên âm:

Nhân Tùng Nả Lý Lai

Nam Phi đích đại nhạn tùng Bắc phương lai
Nhân khả tri đạo nhĩ đích gia thị Thiên thượng đích cung trạch
Thị thậm ma sử nhĩ hạ thế trần trung mai
Luân hồi triển chuyển thị thuỳ tại an bài
Vi hà đối Thần Phật hữu chủng đặc thù đích tình hoài
Pháp Luân Đại Pháp năng bả chân tướng thuyết minh bạch
Bất yếu chỉ khán ngã môn tại bách hại trung khổ ải
Na thị vi cứu nhĩ môn nhạ khởi đích trần ai

Nhị linh nhất nhị niên Hạ

Diễn nghĩa:

Con người từ đâu đến

Đại nhạn bay về Nam là tới từ phương Bắc
Con người có biết chăng nhà của bạn là ở cung đình trên trời
Điều gì khiến bạn hạ thế vùi lấp nơi bụi trần
Luân hồi trở qua trở lại là [do] ai an bài
Vì sao có một loại cảm tình đặc thù với Thần Phật
Pháp Luân Đại Pháp có thể nói rõ ra chân tướng
Đừng chỉ thấy chúng tôi chịu khổ trong bức hại
Là vì để cứu các bạn [nên mới] khuấy động bụi trần

Mùa Hè năm 2012

唱的是真相

我用歌聲告訴你真相
人生不是貢獻給邪黨
你我都是來自天上
輪迴輾轉不是為了爭強
等的是創世的法王
不要聽信紅魔謊言
為救你們才推倒紅牆
迫害是表相
邪惡一直在向神較量
不要錯過這千古的機緣
我唱的是你久等的希望

二零一二年七月一日

Phiên âm:

Xướng Đích Thị Chân Tướng

Ngã dụng ca thanh cáo tố nhĩ chân tướng
Nhân sinh bất thị cống hiến cấp tà đảng
Nhĩ ngã đô thị lai tự Thiên thượng
Luân hồi triển chuyển bất thị vi liễu tranh cường
Đẳng đích thị Sáng Thế đích Pháp Vương
Bất yếu thính tín hồng ma hoang ngôn
Vi cứu nhĩ môn tài suy đảo hồng tường
Bách hại thị biểu tướng
Tà ác nhất trực tại hướng Thần giảo lượng
Bất yếu thác quá giá thiên cổ đích cơ duyên
Ngã xướng đích thị nhĩ cửu đẳng đích hy vọng

Nhị linh nhất nhị niên thất nguyệt nhất nhật

Diễn nghĩa:

[Điều tôi] hát là chân tướng

Tôi dùng tiếng hát nói cho bạn chân tướng
Đời người không phải là [để] cống hiến cho tà đảng
Bạn [và] tôi đều là đến từ Thiên thượng
Luân hồi trở qua trở lại không phải là để tranh cường
Điều chờ đợi là Pháp Vương Sáng Thế
Chớ có nghe theo lừa dối của ma đỏ
Vì cứu các bạn mới đẩy đổ bức tường đỏ
Bức hại là hình tướng bề mặt
Tà ác vẫn luôn giao tranh với chư Thần
Đừng để lỡ mất cơ duyên thiên cổ này
Điều tôi hát chính là hy vọng [mà] bạn đã chờ đợi từ rất lâu

Ngày 01 tháng 07 năm 2012

生命的歸宿

歲月匆匆太倉促
心願未了年已暮
太多的遺憾
太多的感觸
人生只是幾日小住
忘記的是來世的原故
帶著天國的囑託與求度
為了得到創世主的幫助
層層下走你義無反顧
人世的假相使人迷路
名利的成就不算數
得法回天才是你的歸宿

二零一二年七月八日

Phiên âm:

Sinh Mệnh Đích Quy Túc

Tuế nguyệt thông thông thái thương xúc
Tâm nguyện vị liễu niên dĩ mộ
Thái đa đích di hám
Thái đa đích cảm xúc
Nhân sinh chỉ thị kỷ nhật tiểu trụ
Vong ký đích thị lai thế đích nguyên cố
Đới trước Thiên quốc đích chúc thác dữ cầu độ
Vi liễu đắc đáo Sáng Thế Chủ đích bang trợ
Tầng tầng hạ tẩu nhĩ nghĩa vô phản cố
Nhân thế đích giả tướng sử nhân mê lộ
Danh lợi đích thành tựu bất toán số
Đắc Pháp hồi thiên tài thị nhĩ đích quy túc

Nhị linh nhất nhị niên thất nguyệt bát nhật

Diễn nghĩa:

Nơi trở về của sinh mệnh

Tháng năm vội vã trôi qua quá nhanh

Tâm nguyện chưa xong [mà] tuổi đã xế chiều

Quá nhiều ân hận

Quá nhiều cảm xúc

Đời người chỉ là nghỉ trọ mấy ngày

Quên mất nguyên cớ đến thế gian này

Mang theo gửi gắm và mong cầu [được] cứu độ của Thiên quốc

Vì để có được sự trợ giúp của Sáng Thế Chủ

Tầng tầng đi xuống, bạn vì việc nghĩa mà không do dự chùn bước

Giả tướng trong nhân thế khiến con người lạc lối

Thành tựu về danh lợi không là gì hết

Đắc Pháp về trời mới là chốn về của các bạn

Ngày 08 tháng 07 năm 2012

用歌聲告訴你

我穿梭在世界的舞台上
汗水與淚水伴隨著旋律
掌聲與笑聲交匯成共鳴
因為我用歌聲講訴了真相
在舞動中傳遞了希望
創世主的法音已在天地間回蕩
這是世人千萬年的等待
為了你別錯過機緣
我不畏打壓頂著謊言
穿梭在世界的舞臺上
用歌聲告訴你真相

二零一二年秋

Phiên âm:

Dụng Ca Thanh Cáo Tố Nhĩ

Ngã xuyên thoa tại thế giới đích vũ đài thượng
Hãn thuỷ dữ lệ thuỷ bạn tuỳ trước toàn luật
Chưởng thanh dữ tiếu thanh giao hối thành cộng minh
Nhân vi ngã dụng ca thanh giảng tố liễu chân tướng
Tại vũ động trung truyền đệ liễu hy vọng
Sáng Thế Chủ đích Pháp âm dĩ tại thiên địa gian hồi đãng
Giá thị thế nhân thiên vạn niên đích đẳng đãi
Vi liễu nhĩ biệt thác quá cơ duyên
Ngã bất uý đả áp đỉnh trước hoang ngôn
Xuyên thoa tại thế giới đích vũ đài thượng
Dụng ca thanh cáo tố nhĩ chân tướng

Nhị linh nhất nhị niên Thu

Diễn nghĩa:

Dùng tiếng hát nói cho bạn

Tôi qua lại các sân khấu trên thế giới
Mồ hôi và nước mắt đồng hành cùng giai điệu
Tiếng vỗ tay và tiếng cười giao hội thành cộng hưởng
Bởi vì tôi dùng tiếng hát [để] nói ra chân tướng
Trong khi nhảy múa mà truyền ra hy vọng
Pháp âm của Sáng Thế Chủ đã vang vọng giữa thiên địa
Đây là điều thế nhân chờ đợi [hằng] nghìn vạn năm
Vì để bạn không bị lỡ mất cơ duyên
Tôi không sợ đàn áp [và] chống lại lời dối trá
Qua lại các sân khấu trên thế giới
Dùng tiếng hát để nói cho bạn chân tướng

Mùa Thu năm 2012

看破不是迷

明月常常有
醉酒別問天
天上宮闕人難見
今夕是末年
乘風去的是土
膽小的怕高寒
蹬高攬明月
嫦娥在人間
時而望月圓
得法再回天

二零一二年中秋

註：網傳大魔頭用蘇軾《水調歌頭》詞中一句，它要“乘風歸去”。隨笑而題。

Phiên âm:

Khán Phá Bất Thị Mê

Minh nguyệt thường thường hữu
Tuý tửu biệt vấn thiên
Thiên thượng cung khuyết nhân nan kiến
Kim tịch thị mạt niên
Thừa phong khứ đích thị thổ
Đảm tiểu đích phạ cao hàn
Đăng cao lãm minh nguyệt
Thường Nga tại nhân gian
Thời nhi vọng nguyệt viên
Đắc Pháp tái hồi thiên

Nhị linh nhất nhị niên Trung Thu

Chú: Võng truyền đại ma đầu dụng Tô Thức «Thuỷ Điệu Ca Đầu» từ trung nhất cú, tha yếu “thừa phong quy khứ” . Tùy tiếu nhi đề.

Diễn nghĩa:

Nhìn ra rồi, không là mê

Trăng sáng vẫn luôn có

Rượu say đừng hỏi trời

Cung điện trên trời con người khó thấy lắm

Đêm nay là năm cuối

Cưỡi gió đi [chỉ] là đất thôi

Kẻ gan nhỏ sợ cái rét trên cao

Lên cao ngắm trăng sáng

Hằng Nga tại nhân gian

Đôi lúc lại ngắm trăng tròn

Đắc Pháp lại hồi thiên

Trung Thu năm 2012

Ghi chú (của tác giả): Trên Internet truyền rằng tên đại ma đầu [họ Giang] dùng một câu trong bài từ «Thuỷ Điệu Ca Đầu» của Tô Thức; nó là muốn "thừa phong quy khứ" (cưỡi gió trở về). Mỉm cười mà viết bài này.

Ghi chú (của dịch giả): Tám câu đầu của bài từ này là ứng đối với tám câu đầu của bài từ «Thuỷ Điệu Ca Đầu» của Tô Thức, rất nổi tiếng. Xin dẫn ra đây để đọc giả tham khảo, từ đó rõ được ý tứ của bài "Khán Phá Bất Thị Mê" này.

Thuỷ Điệu Ca Đầu: Minh nguyệt kỷ thời hữu? Bả tửu vấn thanh thiên.Bất tri Thiên thượng cung khuyết. Kim tịch thị hà niên? Ngã dục thừa phong quy khứ. Hựu khủng quỳnh lâu ngọc vũ. Cao xứ bất thắng hàn. Khởi vũ lộng thanh ảnh. Hà tự tại nhân gian?

Bài Thuỷ Điệu Ca Đầu, Trung Thu: Trăng sáng bao giờ có? Nâng chén hỏi trời xanh. Không biết cung điện trên trời ra sao. Đêm nay là năm nào? Ta muốn cưỡi gió trở về. Nhưng lại e ngại lầu son gác ngọc. Lên cao [nơi đó] không chịu được rét (ý nói lên cung trăng thì tuy đẹp nhưng cô tịch quá). Múa dưới anh [trăng] loang loáng. Lẽ nào được như cõi người?

中秋吟

清秋明月輪迴轉
浪跡人間千百輾
風雲人物知多少
明月高垂盡收攬
末世危難到眼前
昔日豪傑待圓滿
助師救人修大法
亮過明月神光閃
開創乾坤換天地
再造明月夜不晚

二零一二年中秋

Phiên âm:

Trung Thu Ngâm

Thanh thu minh nguyệt luân hồi chuyển
Lãng tích nhân gian thiên bách triển
Phong vân nhân vật tri đa thiểu
Minh nguyệt cao thuỳ tận thâu lãm
Mạt thế nguy nạn đáo nhãn tiền
Tích nhật hào kiệt đãi viên mãn
Trợ Sư cứu nhân tu Đại Pháp
Lượng quá minh nguyệt Thần quang thiểm
Khai sáng càn khôn hoán thiên địa
Tái tạo minh nguyệt dạ bất vãn

Nhị linh nhất nhị niên Trung Thu

Diễn nghĩa:

Trung Thu ngâm

Thanh thu minh nguyệt trải qua bao luân hồi
Lưu lạc ở cõi người [hằng] trăm nghìn [lần]
Nhân vật phong vân biết được [có] bao nhiêu
[Chỉ có] trăng sáng trên cao nhìn được hết
Nguy nan mạt thế đến trước mắt
Hào kiệt năm xưa [nay] đang đợi viên mãn
Trợ Sư cứu người tu Đại Pháp
Sáng hơn ánh trăng, Thần quang lóe sáng
Khai sáng càn khôn thay đổi thiên địa
Tái tạo trăng sáng đêm không [còn] tối

Trung Thu năm 2012

觀 月

明月伴秋風
嫦娥賦古箏
風搖蒼鈴和
天仙伴笑聲
長空廣萬里
光如雲海燈
夜半天地亮
笑語過三更
月下雲憧憧
輾轉輪迴生
浪跡人世間
為把渡船蹬

二零一二年中秋

Phiên âm:

Quan Nguyệt

Minh nguyệt bạn thu phong
Thường Nga phú cổ tranh
Phong dao thiềm linh hoà
Thiên tiên bạn tiếu thanh
Trường không quảng vạn lý
Quang như vân hải đăng
Dạ bán thiên địa lượng
Tiếu ngữ quá tam canh
Nguyệt hạ vân sung sung
Triển chuyển luân hồi sinh
Lãng tích nhân thế gian
Vi bả độ thuyền đăng

Nhị linh nhất nhị niên Trung Thu

Diễn nghĩa:

Ngắm trăng

Trăng sáng cùng với gió Thu
Hằng Nga chơi đàn tranh
Gió lay chuông gió dưới hiên cùng họa theo
Tiên nhân cùng với tiếng cười
Trời cao rộng vạn dặm
Ánh sáng như ngọn đèn trong biển mây
Nửa đêm trời đất sáng
Tiếng cười nói quá canh ba
Trăng hạ [xuống] mây thấp thoáng
Trải qua bao đời luân hồi trở qua trở lại
Phiêu bạt [ở] thế gian con người
Vì để lên thuyền cứu độ

Trung Thu năm 2012

這是你的福音

人生中我們在等甚麼
天地間是誰在主掌
法輪大法解開了我心中的迷茫
世人多來自天上
為了解救天體的危難來到人間
因為創世主要正宇宙的法
得法重塑才能重回天堂

二零一二年冬

Phiên âm:

Giá Thị Nhĩ Đích Phúc Âm

Nhân sinh trung ngã môn tại đẳng thậm ma
Thiên địa gian thị thùy tại chủ chưởng
Pháp Luân Đại Pháp giải khai liễu ngã tâm trung đích mê mang
Thế nhân đa lai tự Thiên thượng
Vi liễu giải cứu thiên thể đích nguy nan lai đáo nhân gian
Nhân vi Sáng Thế Chủ yếu chính vũ trụ đích Pháp
Đắc Pháp trùng tố tài năng trùng hồi Thiên đường

Nhị linh nhất nhị niên Đông

Diễn nghĩa:

Đây là phúc âm cho bạn

Trong đời người chúng ta đang chờ đợi điều gì
Giữa trời đất này ai đang nắm giữ
Pháp Luân Đại Pháp giải khai mê mang trong tâm ta
Thế nhân đa phần đến từ Thiên thượng
Vì để cứu nguy nan của thiên thể mà đã đến nhân gian
Bởi vì Sáng Thế Chủ muốn chính [lại] Pháp của vũ trụ
Đắc Pháp khôi phục lại [Thần thể] mới có thể quay về Thiên đường

Mùa Đông năm 2012

高歌一曲喚世人

高歌一曲喚世人
危難之前必來神
大法弟子傳真相
那是神在開天門
末世繁華亂象紛
紅魔也在散謊聞
天門不會開太久
幾多歸去幾多煙塵

二零一二年冬

Phiên âm:

Cao Ca Nhất Khúc Hoán Thế Nhân

Cao ca nhất khúc hoán thế nhân
Nguy nan chi tiền tất lai Thần
Đại Pháp đệ tử truyền chân tướng
Na thị Thần tại khai Thiên môn
Mạt thế phồn hoa loạn tượng phân
Hồng ma dã tại tán hoang văn
Thiên môn bất hội khai thái cửu
Kỷ đa quy khứ kỷ đa yên trần

Nhị linh nhất nhị niên Đông

Diễn nghĩa:

Hát vang một bài kêu gọi thế nhân

Hát vang một bài kêu gọi thế nhân
Trước nguy nan tất có Thần đến
Đệ tử Đại Pháp truyền chân tướng
Ấy là Thần đang mở cổng Trời
Mạt thế phồn hoa loạn tượng rối rắm
Ma đỏ cũng đang tung tin lừa dối
Cổng Trời sẽ không mở lâu nữa đâu
Bao nhiêu quay trở về, bao nhiêu [trở thành] khói bụi

Mùa Đông năm 2012

天 機

無論甚麼民族都一樣
我的歌聲會告訴你真相
你可知道自己來自何方
輪迴輾轉為何是人的形像
世人多是天上的王
為救自己的眾生從天降
聖王來世傳大法
兑現誓約你的慧光才會亮

二零一二年冬

Phiên âm:

Thiên Cơ

Vô luận thậm ma dân tộc đô nhất dạng
Ngã đích ca thanh hội cáo tố nhĩ chân tướng
Nhĩ khả tri đạo tự kỷ lai tự hà phương
Luân hồi triển chuyển vi hà thị nhân đích hình tượng
Thế nhân đa thị Thiên thượng đích Vương
Vi cứu tự kỷ đích chúng sinh tùng thiên giáng
Thánh Vương lai thế truyền Đại Pháp
Đoái hiện thệ ước nhĩ đích huệ quang tài hội lượng

Nhị linh nhất nhị niên Đông

Diễn nghĩa:

Thiên cơ

Vô luận [là] dân tộc nào thì đều giống nhau
Tiếng hát của tôi sẽ nói cho bạn chân tướng
Bạn có biết mình đến từ phương nào
Luân hồi trở qua trở lại vì sao [vẫn] là hình tượng con người
Thế nhân đa phần là Vương ở Thiên thượng
Vì cứu chúng sinh của mình [mà] từ trời giáng xuống
Thánh Vương đến thế gian truyền Đại Pháp
Thực hiện thệ ước [thì] huệ quang của bạn mới sáng lên

Mùa Đông năm 2012

Ghi chú (của dịch giả, chỉ để tham khảo):
Huệ quang: Ánh sáng trí huệ

救眾生

人生如戲走串場
名利情仇似雲煙
生生輪迴換角色
君王庶民劇中癲
生命源本在天堂
為尋大法來世間
得法必等創世主
修煉重塑再回天
創世法王已來世
佛法人像攬狂瀾
別被人心擋住路
錯過機緣悔無邊

二零一二年冬

Phiên âm:

Cứu Chúng Sinh

Nhân sinh như hí tẩu xuyên trường
Danh lợi tình cừu tự vân yên
Sinh sinh luân hồi hoán giác sắc
Quân vương thứ dân kịch trung điên
Sinh mệnh nguyên bổn tại Thiên đường
Vi tầm Đại Pháp lai thế gian
Đắc Pháp tất đẳng Sáng Thế Chủ
Tu luyện trùng tố tái hồi thiên
Sáng thế Pháp Vương dĩ lai thế
Phật Pháp nhân tượng lãm cuồng lan
Biệt bị nhân tâm đáng trụ lộ
Thác quá cơ duyên hối vô biên

Nhị linh nhất nhị niên Đông

Diễn nghĩa:

Cứu chúng sinh

Đời người như kịch, đi qua [các] sân khấu
Danh lợi tình thù tựa khói mây
Đời đời luân hồi [hoán] đổi vai diễn
Quân vương - thứ dân đảo điên trong [vở] kịch
Sinh mệnh vốn là ở Thiên đường
Vì tìm Đại Pháp đến thế gian
Đắc Pháp tất [phải] đợi Sáng Thế Chủ
Tu luyện khôi phục lại [Thần thể] rồi về trời
Pháp Vương Sáng Thế đã đến thế gian
[Tu] Phật Pháp [giúp] con người giống như cản sóng lớn
Chớ để nhân tâm ngăn trở lối
Lỡ mất cơ duyên hối hận vô biên

Mùa Đông năm 2012

生命的真諦

天地失正氣
末世紅魔起
創世主已下世
正邪較量驚天動地
這不是在說夢囈
是把真相傳遞
迫害雖然如此卑鄙
救人就會趁起浮塵暴戾
謊言鋪天蓋地
魔難成就著主神的子弟
末世救人是神的旨意
慈悲中我不願把每一個人拋棄
快找真相
那是你生命的真諦

二零一二年冬

Phiên âm:

Sinh Mệnh Đích Chân Đế

Thiên địa thất chính khí
Mạt thế hồng ma khởi
Sáng Thế Chủ dĩ hạ thế
Chính tà giảo lượng kinh thiên động địa
Giá bất thị tại thuyết mộng nghệ
Thị bả chân tướng truyền đệ
Bách hại tuy nhiên như thử ti bỉ
Cứu nhân tựu hội nhạ khởi phù trần bạo lệ
Hoang ngôn phô thiên cái địa
Ma nạn thành tựu trước Chủ Thần đích tử đệ
Mạt thế cứu nhân thị Thần đích chỉ ý
Từ bi trung ngã bất nguyện bả mỗi nhất cá nhân phao khí
Khoái trảo chân tướng
Na thị nhĩ sinh mệnh đích chân đế

Nhị linh nhất nhị niên Đông

Diễn nghĩa:

Ý nghĩa thật sự của sinh mệnh

Trời đất mất đi chính khí
Thời mạt thế ma đỏ khởi lên
Sáng Thế Chủ đã hạ thế
Chính tà giao tranh kinh thiên động địa
Đây không phải là nói mê sảng
Mà là truyền đi chân tướng
Bức hại mặc dù thấp hèn như vậy
Cứu người sẽ dấy khởi lên bụi bặm [và] hung tàn
Lừa dối rợp trời kín đất
Ma nạn thành tựu đệ tử của Chủ Thần
Mạt thế cứu người là ý chỉ của Thần
Trong từ bi tôi không muốn từ bỏ bất kể một người nào
Mau tìm chân tướng
Đó là ý nghĩa thật sự của sinh mệnh bạn

Mùa Đông năm 2012

為你們歌唱

親愛的朋友
我為你歌唱
歌聲傳遞我的真誠
歌聲為你傾訴衷腸
大法弟子是神的使者
為救世人才講訴真相
尼祿是魔王
紅魔也一樣
歷史的教訓不要忘
嘲笑的人總是後悔的前序
覺悟的人總是走在神的路上
親愛的朋友
我在為你們歌唱
這也是你等待的希望

二零一三年一月十日

Phiên âm:

Vi Nhĩ Môn Ca Xướng

Thân ái đích bằng hữu
Ngã vi nhĩ ca xướng
Ca thanh truyền đệ ngã đích chân thành
Ca thanh vi nhĩ khuynh tố chung trường
Đại Pháp đệ tử thị Thần đích sứ giả
Vi cứu thế nhân tài giảng tố chân tướng
Ni Lộc thị ma vương
Hồng ma dã nhất dạng
Lịch sử đích giáo huấn bất yếu vong
Trào tiếu đích nhân tổng thị hậu hối đích tiền tự
Giác ngộ đích nhân tổng thị tẩu tại Thần đích lộ thượng
Thân ái đích bằng hữu
Ngã tại vi nhĩ môn ca xướng
Giá dã thị nhĩ đẳng đãi đích hy vọng

Nhị linh nhất tam niên nhất nguyệt thập nhật

Diễn nghĩa:

Hát vì các bạn

Bạn thân mến

Tôi hát là vì bạn

Tiếng ca truyền đi lòng chân thành của tôi

Tiếng ca giãi bày tâm can của tôi cho bạn

Đệ tử Đại Pháp là sứ giả của Thần

Vì cứu thế nhân mới giảng ra chân tướng

Nero là ma vương

Ma đỏ cũng như thế

Chớ có quên bài học của lịch sử

Kẻ cười chê luôn là [kẻ] hối hận đầu tiên

Người giác ngộ luôn là [người] đi trên con đường của Thần

Bạn thân mến

Tôi đang hát vì các bạn

Đó cũng là hy vọng mà bạn hằng mong chờ

Ngày 10 tháng Giêng năm 2013

這是我的宿願

救眾生我把真相傳
別裝著謊言拒絕招喚
無意改變你的信仰
別被打壓喉舌欺騙
不會求你當大法徒
救人是我對神的誓約
大難前為你解危難
因為你曾求神救你回天

二零一三年二月六日

Phiên âm:

Giá Thị Ngã Đích Túc Nguyện

Cứu chúng sinh ngã bả chân tướng truyền
Biệt trang trước hoang ngôn cự tuyệt chiêu hoán
Vô ý cải biến nhĩ đích tín ngưỡng
Biệt bị đả áp hầu thiệt khi biển
Bất hội cầu nhĩ đương Đại Pháp đồ
Cứu nhân thị ngã đối Thần đích thệ ước
Đại nạn tiền vi nhĩ giải nguy nạn
Nhân vi nhĩ tằng cầu Thần cứu nhĩ hồi thiên

Nhị linh nhất tam niên nhị nguyệt lục nhật

Diễn nghĩa:

Đây là nguyện xưa của tôi

[Vì] cứu chúng sinh tôi truyền ra chân tướng
Đừng nghe theo lời lừa dối [mà] cự tuyệt lời kêu gọi
Không hề có ý thay đổi tín ngưỡng của bạn
Chớ bị miệng lưỡi [của kẻ] đàn áp lừa dối
Không [yêu] cầu các bạn trở thành đồ đệ Đại Pháp
Cứu người là thệ ước của tôi đối với Thần
Giải nguy nạn cho bạn trước đại nạn
Bởi vì bạn đã từng cầu Thần cứu bạn trở về trời

Ngày 06 tháng 02 năm 2013

人心擋道

尋仙求道欲長生
踏遍寺觀歲月增
經藏千卷成學者
空談佛道伴殘燈
終於等來創世主
下世救人紅魔瘋
真言謠言誰能識
考驗人心渡船蹬

二零一三年二月六日

Phiên âm:

Nhân Tâm Đáng Đạo

Tầm Tiên cầu đạo dục trường sinh
Đạp biến tự quán tuế nguyệt tăng
Kinh tạng thiên quyển thành học giả
Không đàm Phật Đạo bạn tàn đăng
Chung ư đẳng lai Sáng Thế Chủ
Hạ thế cứu nhân hồng ma phong
Chân ngôn dao ngôn thùy năng thức
Khảo nghiệm nhân tâm độ thuyền đăng

Nhị linh nhất tam niên nhị nguyệt lục nhật

Diễn nghĩa:

Nhân tâm ngăn trở Đạo

Tìm Tiên cầu Đạo mong muốn trường sinh
Đi khắp các chùa và [Đạo] quán, tuổi tác [gia] tăng
Kinh tạng nghìn quyển thành học giả
Bàn suông [về] Phật Đạo, làm bạn cùng ngọn đèn tàn
Cuối cùng [cũng] đợi được Sáng Thế Chủ tới
Hạ thế cứu người, ma đỏ điên cuồng
Chân ngôn [hay] xảo ngôn ai có thể nhận ra
Khảo nghiệm nhân tâm lên thuyền cứu độ

Ngày 06 tháng 02 năm 2013

法船起航蹬不蹬

下世等法救蒼生
輪迴輾轉迷中矇
尋尋覓覓法何在
空談經藏伴殘燈

創世法王把天撐
末世傳法紅魔瘋
真言謠言叫你識
法船起航蹬不蹬

二零一三年二月六日

Phiên âm:

Pháp Thuyền Khởi Hàng Đăng Bất Đăng

Hạ thế đẳng Pháp cứu thương sinh
Luân hồi triển chuyển mê trung mông
Tầm tầm mịch mịch Pháp hà tại
Không đàm kinh tạng bạn tàn đăng

Sáng Thế Pháp Vương bả thiên sanh
Mạt thế truyền Pháp hồng ma phong
Chân ngôn dao ngôn khiếu nhĩ thức
Pháp thuyền khởi hàng đăng bất đăng

Nhị linh nhất tam niên nhị nguyệt lục nhật

Diễn nghĩa:

Thuyền Pháp khởi hành có lên hay không

Hạ thế đợi Pháp cứu chúng sinh
Luân hồi trở qua trở lại bị lạc trong mê mờ
Tìm tìm kiếm kiếm Pháp ở đâu
Bàn chuyện suông [về] kinh tạng làm bạn [với] ngọn đèn tàn

Pháp Vương Sáng Thế chống đỡ trời
Mạt thế truyền Pháp ma đỏ điên cuồng
Chân ngôn [hay] xảo ngôn [để] bạn tự phân biệt
Thuyền Pháp khởi hành có lên hay không

Ngày 06 tháng 02 năm 2013

眾歸

為救大穹攬狂瀾
法主創世神下凡
世人多是天上客
為救天眾等法傳
下世容易回天難
迷入名利被情纏
造物法主終來世
道破天機設法壇
了解真相上渡船

二零一三年二月七日

Phiên âm:

Chúng Quy

Vi cứu đại khung lãm cuồng lan
Pháp Chủ Sáng Thế Thần hạ phàm
Thế nhân đa thị Thiên thượng khách
Vi cứu thiên chúng đẳng Pháp truyền
Hạ thế dung dị hồi thiên nan
Mê nhập danh lợi bị tình triền
Tạo Vật Pháp Chủ chung lai thế
Đạo phá thiên cơ thiết Pháp đàn
Liễu giải chân tướng thượng độ thuyền

Nhị linh nhất tam niên nhị nguyệt thất nhật

Diễn nghĩa:

Chúng [sinh] trở về

Vì cứu đại khung [mà] ngăn sóng dữ
Pháp Chủ Sáng Thế Thần hạ phàm [trần]
Thế nhân phần nhiều là khách từ Thiên thượng
Vì cứu chúng sinh trên trời [nên] đợi Pháp truyền [ra]
Hạ thế [thì] dễ, về trời [thì] khó
Mê nhập danh lợi bị tình quấn quanh
Pháp Chủ tạo [ra] [vạn] vật cuối cùng đã tới thế gian
Lập Pháp đàn thuyết giảng phá giải thiên cơ
Liễu giải chân tướng [mới được] lên thuyền cứu độ

Ngày 07 tháng 02 năm 2013

大法徒的慈悲

我已經向你開釋
你卻偏信打壓的謊言
救人是我對神的承諾
辛苦中沒人給我一分錢
我只想在危難中把你救
那是大法徒的慈悲
那是你來時的宿願
那是回天的希望
那是創世主的呼喚

二零一三年初

Phiên âm:

Đại Pháp Đồ Đích Từ Bi

Ngã dĩ kinh hướng nhĩ khai thích
Nhĩ khước thiên tín đả áp đích hoang ngôn
Cứu nhân thị ngã đối Thần đích thừa nặc
Tân khổ trung một nhân cấp ngã nhất phân tiền
Ngã chỉ tưởng tại nguy nan trung bả nhĩ cứu
Na thị Đại Pháp đồ đích từ bi
Na thị nhĩ lai thời đích túc nguyện
Na thị hồi thiên đích hy vọng
Na thị Sáng Thế Chủ đích hô hoán

Nhị linh nhất tam niên sơ

Diễn nghĩa:

Từ bi của đồ đệ Đại Pháp

Tôi đã giãi bày với bạn rồi
Bạn lại nghiêng theo lời lừa dối của [kẻ] đàn áp
Cứu người là lời hứa của tôi đối với Thần
Trong vất vả không có ai đưa một đồng tiền nào cho tôi
Tôi chỉ muốn cứu bạn trong nguy nan
Đó là từ bi của đồ đệ Đại Pháp
Đó là nguyện xưa của bạn khi đến [đây]
Đó là hy vọng quay về trời
Đó là lời hiệu triệu của Sáng Thế Chủ

Đầu năm 2013

世上幾人醒

落日照晚霞
夕陽總帶愁
餘暉一時美
暗色染雲頭
中原回光照
末後剩幾樓
人向何處去
明者超王侯

二零一三年初

Phiên âm:

Thế Thượng Kỷ Nhân Tỉnh

Lạc nhật chiếu vãn hà
Tịch dương tổng đới sầu
Dư huy nhất thời mỹ
Ám sắc nhiễm vân đầu
Trung Nguyên hồi quang chiếu
Mạt hậu thặng kỷ lâu
Nhân hướng hà xứ khứ
Minh giả siêu vương hầu

Nhị linh nhất tam niên sơ

Diễn nghĩa:

Trên thế gian mấy người tỉnh

Mặt trời lặn chiếu lên ráng mây chiều
Ánh chiều tà thường mang đến nỗi buồn
Hoàng hôn [chỉ] đẹp trong chốc lát
Sắc tối đã nhuốm lên những đám mây
Hồi quang [phản] chiếu [lên mảnh đất] Trung Nguyên
Sau cùng [thì] còn lại bao nhiêu [nhà] lầu
Con người sẽ đi về đâu
Người minh tỏ vượt hơn cả Vương Hầu [vua quan]

Đầu năm 2013

傳 神

歌非人間曲
舞似天上來
婷婷飛娥在
婀娜飄過臺
仙凡兩相似
神韻舞三才

二零一三年三月二十五日

Phiên âm:

Truyền Thần

Ca phi nhân gian khúc
Vũ tự Thiên thượng lai
Đình đình phi nga tại
A na phiêu quá đài
Tiên phàm lưỡng tương tự
Thần Vận vũ tam tài

Nhị linh nhất tam niên tam nguyệt nhị thập ngũ nhật

Diễn nghĩa:

Truyền Thần

Bài hát không phải là ca khúc của nhân gian

Vũ điệu như là đến từ trên trời

Dáng đẹp tựa phi nga

Thướt tha bay qua sân khấu

Tiên [hay] phàm sao tương tự

Thần Vận múa tam tài

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

茶 聊

一輪明月銀光灑
幾杯清茶伴寺塔
茶中盡説神韻事
成功背後有苦辣

二零一三年六月十九日

Phiên âm:

Trà Liêu

Nhất luân minh nguyệt ngân quang sái
Kỷ bôi thanh trà bạn tự tháp
Trà trung tận thuyết Thần Vận sự
Thành công bối hậu hữu khổ lạt

Nhị linh nhất tam niên lục nguyệt thập cửu nhật

Diễn nghĩa:

Trò chuyện thưởng trà

Một vầng trăng sáng phủ ánh sáng bạc

Mấy chén trà xanh với chùa tháp

Thưởng trà chỉ toàn nói về Thần Vận

Đằng sau thành công [là] bao đắng cay

Ngày 19 tháng 06 năm 2013

月 明

一輪明月照古今
千古長歌頌洪吟
輪迴輾轉為今朝
神路最後是真金

二零一三年六月二十一日

Phiên âm:

Nguyệt Minh

Nhất luân minh nguyệt chiếu cổ kim
Thiên cổ trường ca tụng Hồng Ngâm
Luân hồi triển chuyển vi kim triêu
Thần lộ tối hậu thị chân kim

Nhị linh nhất tam niên lục nguyệt nhị thập nhất nhật

Diễn nghĩa:

Nguyệt minh

Một vầng trăng sáng chiếu cổ kim

Thiên cổ trường ca tụng Hồng Ngâm

Luân hồi trở qua trở lại vì hôm nay

Ở cuối con đường của Thần là chân kim

Ngày 21 tháng 06 năm 2013

對 聯

萬法之宗
真善忍三字聖言法力無限
法輪大法好真念萬劫即變

二零一三年夏

Phiên âm:

Đối Liên

Vạn Pháp chi tông
Chân Thiện Nhẫn tam tự thánh ngôn Pháp lực vô hạn
Pháp Luân Đại Pháp hảo chân niệm vạn kiếp tức biến

Nhị linh nhất tam niên Hạ

Diễn nghĩa:

Câu đối

Tông của Vạn Pháp
Ba chữ thánh ngôn 'Chân Thiện Nhẫn' có vô hạn Pháp lực
Chân niệm 'Pháp Luân Đại Pháp hảo' lập tức biến đổi vạn kiếp

Mùa Hè năm 2013

Ghi chú: (của dịch giả) **tông:** (i) tổ tông; (ii) tông phái.

為何不要

下世前你與創世主約好
大法洪傳一定把你找
此時告訴你真相為何不要
打壓謊言灌滿多少人的腦
善良人別跟著宣傳跑
我們走的是神指的道
救人是我對神的誓約
大難前必須爭分奪秒
為了救人我不畏嘲笑
為了救人我不畏強暴
眾生得法我的心願才會了
眾生得救我的心願才會了

二零一三年夏

Phiên âm:

Vi Hà Bất Yếu

Hạ thế tiền nhĩ dữ Sáng Thế Chủ ước hảo
Đại Pháp hồng truyền nhất định bả nhĩ trảo
Thử thời cáo tố nhĩ chân tướng vi hà bất yếu
Đả áp hoang ngôn quán mãn đa thiểu nhân đích não
Thiện lương nhân biệt cân trước tuyên truyền bào
Ngã môn tẩu đích thị Thần chỉ đích đạo
Cứu nhân thị ngã đối Thần đích thệ ước
Đại nạn tiền tất tu tranh phân đoạt miễu
Vi liễu cứu nhân ngã bất úy trào tiếu
Vi liễu cứu nhân ngã bất úy cường bạo
Chúng sinh đắc Pháp ngã đích tâm nguyện tài hội liễu
Chúng sinh đắc cứu ngã đích tâm nguyện tài hội liễu

Nhị linh nhất tam niên Hạ

Diễn nghĩa:

Tại sao không nhận

Trước khi hạ thế bạn đã ước hẹn với Sáng Thế Chủ
Khi Đại Pháp hồng truyền thì nhất định tìm được bạn
Bây giờ bảo cho bạn chân tướng vì sao không nhận
Đàn áp lừa dối đã rót vào đầu bao nhiêu người rồi
Người lương thiện chớ chạy theo những tuyên truyền [đó]
Chúng tôi đi là con đường mà Thần chỉ ra
Cứu người là thệ ước của tôi đối với Thần
Trước đại nạn nhất định phải tranh giành từng phút từng giây
Vì để cứu người chúng tôi không sợ bị cười chê
Vì để cứu người chúng tôi không sợ cường bạo
Chúng sinh đắc Pháp [thì] tâm nguyện của tôi mới hoàn thành
Chúng sinh đắc cứu thì tâm nguyện của tôi mới hoàn thành

Mùa Hè năm 2013

久遠的夢

我一直在找尋那久遠的夢
像似童話卻無比神聖
那時在天堂簽了一份約定
一路下走就為了兑現使命
輪迴輾轉苦海迷封
終於圓了那久遠的夢
創世主已來傳大法度大乘
為這我才下世把法等
我已兑現了史前的約定
這不是童話正在發生
許多人都有我同樣的夢

二零一三年夏

Phiên âm:

Cửu Viễn Đích Mộng

Ngã nhất trực tại trảo tầm na cửu viễn đích mộng
Tượng tự đồng thoại khước vô tỷ thần thánh
Na thời tại Thiên đường thiêm liễu nhất phần ước định
Nhất lộ hạ tẩu tựu vi liễu đoái hiện sứ mệnh
Luân hồi triển chuyển khổ hải mê phong
Chung ư viên liễu na cửu viễn đích mộng
Sáng Thế Chủ dĩ lai truyền Đại Pháp độ đại thừa
Vi giá ngã tài hạ thế bả Pháp đẳng
Ngã dĩ đoái hiện liễu sử tiền đích ước định
Giá bất thị đồng thoại chính tại phát sinh
Hứa đa nhân đô hữu ngã đồng dạng đích mộng

Nhị linh nhất tam niên Hạ

Diễn nghĩa:

Giấc mộng từ xa xưa

Tôi mãi luôn tìm kiếm giấc mộng từ xa xưa ấy
Giống như cổ tích, nhưng vô cùng thần thánh
Khi đó tại Thiên đường đã ký một ước định
Một đường hạ xuống vì để thực hiện sứ mệnh
Luân hồi trở qua trở lại phong kín trong bể khổ
Cuối cùng giấc mộng xa xưa ấy đã vẹn tròn
Sáng Thế Chủ đã tới truyền Đại Pháp độ Đại Thừa
Vì thế tôi mới hạ thế chờ đợi Pháp
Tôi đã làm tròn được ước định thời tiền sử
Đây không phải cổ tích mà là đang xảy ra
Rất nhiều người đều có giấc mộng giống như tôi

Mùa Hè năm 2013

人生真意

人生變換無常
歡樂總會伴著憂傷
美好常由艱辛鋪墊
希望落空後我常常想
人生到底是甚麼
大法使我明白了真相
人多來自不同的天堂
天體危難時我們來到地上
等待創世主把生命淨化
我沒有了傷感不再失落
因為我等到了創世的法王
因為我已在回家的神路上

二零一三年夏

Phiên âm:

Nhân Sinh Chân Ý

Nhân sinh biến hoán vô thường
Hoan lạc tổng hội bạn trước ưu thương
Mỹ hảo thường do gian tân phô điếm
Hy vọng lạc không hậu ngã thường thường tưởng
Nhân sinh đáo để thị thậm ma
Đại Pháp sử ngã minh bạch liễu chân tướng
Nhân đa lai tự bất đồng đích Thiên đường
Thiên thể nguy nan thời ngã môn lai đáo địa thượng
Đẳng đãi Sáng Thế Chủ bả sinh mệnh tịnh hóa
Ngã một hữu liễu thương cảm bất tái thất lạc
Nhân vi ngã đẳng đáo liễu Sáng Thế đích Pháp Vương
Nhân vi ngã dĩ tại hồi gia đích Thần lộ thượng

Nhị linh nhất tam niên Hạ

Diễn nghĩa:

Ý nghĩa thật sự của nhân sinh

Nhân sinh biến đổi vô thường
Hoan lạc luôn đi cùng với đau buồn
Tốt đẹp thường do gian khổ trải đường
Sau khi hy vọng [bị] tan vỡ tôi thường nghĩ
Nhân sinh rốt cuộc là gì
Đại Pháp đã giúp tôi minh bạch chân tướng
Con người đa phần là đến từ [những] Thiên đường khác nhau
Khi thiên thể [gặp] nguy nan chúng tôi [đã] tới địa cầu
Chờ đợi Sáng Thế Chủ tịnh hóa sinh mệnh
Tôi không còn cảm thấy đau khổ, không còn mất mát
Vì tôi đã đợi được Pháp Vương Sáng Thế
Vì tôi đã đi trên con đường của Thần trở về nhà

Mùa Hè năm 2013

你久等的歌

我的歌會告訴你真相
人生不是為名利爭強
你我都是來自天上
輪迴中在等創世的法王
迫害只是表相
為的是阻擋你看到真相
大難前創世主已來世傳大法
為救你我才推倒謊言的紅牆
我的歌是你久等的希望

Phiên âm:

Nhĩ Cửu Đẳng Đích Ca

Ngã đích ca hội cáo tố nhĩ chân tướng
Nhân sinh bất thị vi danh lợi tranh cường
Nhĩ ngã đô thị lai tự Thiên thượng
Luân hồi trung tại đẳng Sáng Thế đích Pháp Vương
Bách hại chỉ thị biểu tướng
Vi đích thị trở đáng nhĩ khán đáo chân tướng
Đại nạn tiền Sáng Thế Chủ dĩ lai thế truyền Đại Pháp
Vi cứu nhĩ ngã tài thôi đảo hoang ngôn đích hồng tường
Ngã đích ca thị nhĩ cửu đẳng đích hy vọng

Nhị linh nhất tam niên Hạ

Diễn nghĩa:

Bài hát bạn chờ đợi từ lâu

Bài hát của tôi sẽ nói cho bạn chân tướng
Cuộc đời không phải vì danh lợi [mà] tranh cường
Bạn [và] tôi đều là đến từ Thiên thượng
Trong luân hồi đang đợi Pháp Vương Sáng Thế
Bức hại chỉ là hiện tượng [trên] bề mặt
[Thực ra] là vì để ngăn trở bạn nhìn thấy được chân tướng
Trước đại nạn Sáng Thế Chủ đã đến thế gian truyền Đại Pháp
Vì cứu bạn, tôi mới đẩy đổ bức tường đỏ lừa dối
Bài hát của tôi là hy vọng [mà] bạn đã chờ đợi từ lâu

Mùa Hè năm 2013

這是真相

我們雖然不相識
危難中我會伸出手
因為當初世人多來自天上
下世等法救蒼生
重塑神體成就正果回天堂
欲修正果魔必狂
瘋狂打壓播撒謊言
那是不叫你接上聖緣
為了不叫你看到真相
錯過你千萬年的等待
那是你生命的希望

二零一三年夏

Phiên âm:

Giá Thị Chân Tướng

Ngã môn tuy nhiên bất tương thức
Nguy nạn trung ngã hội thân xuất thủ
Nhân vi đương sơ thế nhân đa lai tự Thiên thượng
Hạ thế đẳng Pháp cứu thương sinh
Trùng tố Thần thể thành tựu chính quả hồi Thiên đường
Dục tu chính quả ma tất cuồng
Phong cuồng đả áp bá tản hoang ngôn
Na thị bất khiếu nhĩ tiếp thượng thánh duyên
Vi liễu bất khiếu nhĩ khán đáo chân tướng
Thác quá nhĩ thiên vạn niên đích đẳng đãi
Na thị nhĩ sinh mệnh đích hy vọng

Nhị linh nhất tam niên Hạ

Diễn nghĩa:

Đây là chân tướng

Mặc dù chúng ta không biết nhau

[Nhưng] tôi sẽ vươn tay ra trong nguy nan

Bởi vì thế nhân lúc ban đầu đa phần đều đến từ Thiên thượng

Hạ thế đợi Pháp cứu chúng sinh

Trùng tổ Thần thể thành tựu chính quả trở về Thiên đường

Muốn tu chính quả [thì] ma tất cuồng

Điên cuồng đàn áp gieo rắc lời giả dối

Đó là không cho bạn nối tiếp thánh duyên

Đó là không để cho bạn thấy được chân tướng

Bỏ lỡ [cơ duyên mà] bạn mong đợi [hằng] nghìn vạn năm

Đó là hy vọng của sinh mệnh bạn

Mùa Hè năm 2013

為何拒絕招喚

為何扭過你的臉
不是改變你的信仰
更無意使你成為聖徒
那得看有沒有那份緣
難中救人是我對神的誓約
我只想叫你了解真相
因為你曾經求神救你回天
此刻你聽信謊言拒絕招喚
大法徒講的是你生命的期盼

二零一三年七月六日

Phiên âm:

Vi Hà Cự Tuyệt Chiêu Hoán

Vi hà nữu quá nhĩ đích kiểm
Bất thị cải biến nhĩ đích tín ngưỡng
Cánh vô ý sử nhĩ thành vi Thánh đồ
Na đắc khán hữu một hữu na phần duyên
Nạn trung cứu nhân thị ngã đối Thần đích thệ ước
Ngã chỉ tưởng khiếu nhĩ liễu giải chân tướng
Nhân vi nhĩ tằng kinh cầu Thần cứu nhĩ hồi thiên
Thử khắc nhĩ thính hoang ngôn cự tuyệt chiêu hoán
Đại pháp đồ giảng đích thị nhĩ sinh mệnh đích kỳ phán

Nhị linh nhất tam niên thất nguyệt lục nhật

Diễn nghĩa:

Vì sao cự tuyệt [lời] kêu gọi

Vì sao bạn lại quay mặt đi
Không phải là [muốn] thay đổi tín ngưỡng của bạn
Càng không có ý khiến bạn trở thành Thánh đồ
Đó còn phải xem có cái duyên phận đó không
Trong nạn cứu người là thệ ước của tôi với Thần
Tôi chỉ muốn bạn liễu giải chân tướng
Bởi vì bạn đã từng cầu Thần cứu bạn trở về Trời
Bây giờ bạn [lại] nghe theo lời giả dối cự tuyệt [lời] kêu gọi
Đồ đệ Đại Pháp nói là điều [mà] sinh mệnh bạn mong chờ

Ngày 06 tháng 07 năm 2013

觀 山

霧滿山　雲滿天
山茶氣　伴炊煙
杯中飲　清涼甜
忙中閒　事萬千

二零一三年八月一日

Phiên âm:

Quan Sơn

Vụ mãn sơn Vân mãn thiên
Sơn trà khí Bạn xúy yên
Bôi trung ẩm Thanh lương điềm
Mang trung nhàn Sự vạn thiên

Nhị linh nhất tam niên bát nguyệt nhất nhật

Diễn nghĩa:

Ngắm [cảnh] núi

Sương đầy núi, mây đầy trời
Hơi trà trên núi, quyện cùng khói bếp
Thức uống trong chén, ngọt thanh mát
Nhàn rỗi trong bận rộn, nghìn vạn sự việc

選擇未來

我已經把真相告訴你
真正被迫害的是眾生
我們是在危難前救人
兑現史前對創世主的承諾
雖然艱辛没有報酬
這是大法徒的慈悲
這是你來當人的心願
這是生命的希望
擺脱欺世的謊言
用你的真念選擇未來

Ngày 01 tháng 08 năm 2013

Phiên âm:

Tuyển Trạch Vị Lai

Ngã dĩ kinh bả chân tướng cáo tố nhĩ
Chân chính bị bách hại đích thị chúng sinh
Ngã môn thị tại nguy nạn tiền cứu nhân
Đoái hiện sử tiền đối Sáng Thế Chủ đích thừa nặc
Tuy nhiên gian tân một hữu báo thù
Giá thị Đại Pháp đồ đích từ bi
Giá thị nhĩ lai đương nhân đích tâm nguyện
Giá thị sinh mệnh đích hy vọng
Bãi thoát khi thế đích hoang ngôn

Dụng nhĩ đích chân niệm tuyển trạch vị lai

Nhị linh nhất tam niên Thu

Diễn nghĩa:

Lựa chọn tương lai

Tôi đã nói chân tướng cho bạn
Thực sự bị bức hại chính là chúng sinh
Chúng tôi là đang cứu người trước nguy nạn
Làm tròn lời hứa tiền sử với Sáng Thế Chủ
Mặc dù gian khổ [nhưng] không được thù lao
Đây là từ bi của đồ đệ Đại Pháp
Đây là tâm nguyện mà bạn đến làm người
Đây là hy vọng của sinh mệnh
Thoát khỏi lời dối trá lừa gạt thế giới
[Hãy] dùng chân niệm của bạn [để] lựa chọn tương lai

Mùa Thu năm 2013

創世主在把你呼喚

人的期盼伴隨著大難
神開始為誓約與承諾兑現
無論你是誰
無論你在哪個角落
創世主都在把你呼喚
紅魔也開始欺騙
正邪顛倒叫人好壞難辨
謊言宣傳金錢收買
為的是不叫你得救
不叫你聽到真言
大法弟子講的真相能解開你的迷絆

二零一三年秋

Phiên âm:

Sáng Thế Chủ Tại Bả Nhĩ Hô Hoán

Nhân đích kỳ phán bạn tùy trước đại nạn
Thần khai thủy vi thệ ước dữ thừa nặc đoái hiện
Vô luận nhĩ thị thùy
Vô luận nhĩ tại na cá giác lạc
Sáng Thế Chủ đô tại bả nhĩ hô hoán
Hồng ma dã khai thủy khi phiến
Chính tà điên đảo khiếu nhân hảo hoại nan biện
Hoang ngôn tuyên truyền kim tiền thu mãi
Vi đích thị bất khiếu nhĩ đắc cứu
Bất khiếu nhĩ thính đáo chân ngôn
Đại Pháp đệ tử giảng đích chân tướng năng giải khai nhĩ đích mê bán

Diễn nghĩa:

Sáng Thế Chủ đang kêu gọi bạn

Mong đợi của con người đi cùng với đại nạn
Thần bắt đầu thực hiện lời hứa và thệ ước
Cho dù bạn là ai
Cho dù bạn ở nơi nào
Sáng Thế Chủ đều đang kêu gọi bạn
Ma đỏ cũng bắt đầu lừa dối
Chính tà điên đảo khiến con người khó phân biệt tốt xấu
Tuyên truyền lừa dối dùng tiền để mua chuộc
Là vì để không cho bạn được đắc cứu
Không để cho bạn nghe được chân ngôn
Đệ tử Đại Pháp giảng chân tướng có thể giải khai sự mê mờ của bạn

Mùa Thu năm 2013

創世主才是人的希望

我想飛回天堂没有翅膀
我想出世没有法指航
歷盡世上榮與辱
嚐遍人間苦樂惆悵
創世主何時來
他才是人的希望

二零一三年秋

Phiên âm:

Sáng Thế Chủ Tài Thị Nhân Đích Hy Vọng

Ngã tưởng phi hồi Thiên đường một hữu sí bàng
Ngã tưởng xuất thế một hữu Pháp chỉ hàng
Lịch tận thế thượng vinh dữ nhục
Thường biến nhân gian khổ lạc trù trướng
Sáng Thế Chủ hà thời lai
Tha tài thị nhân đích hy vọng

Nhị linh nhất tam niên Thu

Diễn nghĩa:

Sáng Thế Chủ mới là hy vọng của con người

Tôi muốn bay về Thiên đường [nhưng] không có cánh
Tôi muốn xuất thế [gian] [nhưng] không có Pháp chỉ đường
Từng trải hết vinh và nhục trên thế gian
Nếm trải khổ vui phiền muộn khắp nhân gian
Sáng Thế Chủ khi nào đến
Ông mới là hy vọng của con người

Mùa Thu năm 2013

不要迷失

千年的輪迴
世世的艱辛
拼搏中失去的是本性
找不回的是純真
人生被當成了偶然的幸運
無神論是謊言
進化論是把戲
是創世主開創了人類
還要帶人回到天堂

二零一三年秋

Phiên âm:

Bất Yếu Mê Thất

Thiên niên đích luân hồi
Thế thế đích gian tân
Bính bác trung thất khứ đích thị bản tính
Trảo bất hồi đích thị thuần chân
Nhân sinh bị đương thành liễu ngẫu nhiên đích hạnh vận
Vô Thần luận thị hoang ngôn
Tiến hóa luận thị bả hý
Thị Sáng Thế Chủ khai sáng liễu nhân loại
Hoàn yếu đới nhân hồi đáo Thiên đường

Nhị linh nhất tam niên Thu

Diễn nghĩa:

Đừng mê lạc

Luân hồi nghìn năm
Đời đời gian khổ
Trong phấn đấu tranh giành mất đi bản tính
Không thể tìm lại được sự thuần chân
Coi cuộc đời thành sự may mắn ngẫu nhiên
Vô Thần luận là lời dối trá
Thuyết Tiến hóa là trò hề
Chính là Sáng Thế Chủ đã khai sáng nhân loại
[Rồi] lại còn muốn đưa người trở về Thiên đường

Mùa Thu năm 2013

真 相

你是否已把久遠的記憶打開
下世前的誓約是否還在
輪迴中我們都在等待
期盼的一切早已經到來
真相能開啟久埋的記憶
真相使人免於淘汰
末世的人心被破壞
真相又被太多的執著掩蓋
一旦知道真相就會明白
大法弟子為甚麼被迫害
真相會找回自己
有緣者一定會心潮澎湃

二零一三年秋

Phiên âm:

Chân Tướng

Nhĩ thị phủ dĩ bả cửu viễn đích kí ức đả khai
Hạ thế tiền đích thệ ước thị phủ hoàn tại
Luân hồi trung ngã môn đô tại đẳng đãi
Kỳ phán đích nhất thiết tảo dĩ kinh đáo lai
Chân tướng năng khai khải cửu mai đích ký ức
Chân tướng sử nhân miễn ư đào thải
Mạt thế đích nhân tâm bị phá hoại
Chân tướng hựu bị thái đa đích chấp trước yểm cái
Nhất đán tri đạo chân tướng tựu hội minh bạch
Đại Pháp đệ tử vi thậm ma bị bách hại
Chân tướng trảo hồi tự kỷ
Hữu duyên giả nhất định hội tâm triều bành phái

Nhị linh nhất tam niên Thu

Diễn nghĩa:

Chân tướng

Phải chăng bạn đã đả khai ký ức từ xa xưa
Thệ ước trước khi hạ thế phải chăng vẫn còn
Trong luân hồi chúng ta đều đang chờ đợi
Hết thảy [điều] chờ đợi sớm đã đến
Chân tướng có thể mở ra ký ức chôn vùi bấy lâu
Chân tướng khiến cho con người tránh được [bị] đào thải
Nhân tâm thời mạt thế bị phá hoại
Chân tướng lại bị quá nhiều chấp trước che đậy
Một khi biết được chân tướng thì sẽ minh bạch
Đệ tử Đại Pháp tại sao lại bị bức hại
Chân tướng sẽ tìm về được chính mình
Người hữu duyên nhất định sẽ [thấy] tâm như nước triều dâng trào

Mùa Thu năm 2013

這是你等的歌

我唱的是心裏的歌
這旋律一直伴隨著我
創世主造了天地星河
末世會把福音傳播
眾生都在把他等
這是人的目地別錯過
真相會打開心鎖
別看我們在被迫害
那是為救你趕起的紅魔
別聽信打壓的謊言
別帶著灌輸的偏見
這是你宿世等的歌

二零一三年秋

Phiên âm:

Giá Thị Nhĩ Đẳng Đích Ca

Ngã xướng đích thị tâm lý đích ca
Giá toàn luật nhất trực bạn tùy trước ngã
Sáng Thế Chủ tạo liễu thiên địa tinh hà
Mạt thế hội bả phúc âm truyền bá
Chúng sinh đô tại bả Tha đẳng
Giá thị nhân đích mục địa biệt thác quá
Chân tướng hội đả khai tâm tỏa
Biệt khán ngã môn tại bị bách hại
Na thị vi cứu nhĩ nhạ khởi đích hồng ma
Biệt thính tín đả áp đích hoang ngôn
Biệt đới trước quán thâu đích thiên kiến
Giá thị nhĩ túc thế đẳng đích

Nhị linh nhất tam niên Thu

Diễn nghĩa:

Đây là bài hát bạn mong chờ

Tôi hát là bài hát trong tâm [tôi]
Giai điệu này vẫn luôn đồng hành cùng tôi
Sáng Thế Chủ tạo ra Thiên địa Ngân hà
Thời mạt thế sẽ truyền bá phúc âm
Chúng sinh đều đang chờ đợi Ông
Đây là mục đích của con người chớ bỏ lỡ
Chân tướng sẽ đả khai cái khóa trong tâm
Chớ thấy chúng tôi đang bị bức hại
Đó là vì cứu bạn mà khuấy động ma đỏ
Đừng nghe theo lời giả dối [của cuộc] đàn áp
Đừng mang theo thành kiến bị nhồi nhét
Đây là bài hát bạn chờ đợi từ xa xưa

Mùa Thu năm 2013

唱給你的歌

我有一支神聖的歌
是誰開創了天地萬物
人生為何是苦海迷航
我是誰
誰是我
輪迴中總是努力總是迷茫
大法打開了我的智慧
了悟人生不再為繁事牽腸
創世的主已來世
大難前他叫我喚醒迷途的羔羊
這是你等待的歌
這旋律來自天堂

二零一三年十月

Phiên âm:

Xướng Cấp Nhĩ Đích Ca

Ngã hữu nhất chi thần thánh đích ca
Thị thùy khai sáng liễu thiên địa vạn vật
Nhân sinh vi hà thị khổ hải mê hàng
Ngã thị thùy
Thùy thị ngã
Luân hồi trung tổng thị nỗ lực tổng thị mê mang
Đại Pháp đả khai liễu ngã đích trí huệ
Liễu ngộ nhân sinh bất tái vi phồn sự khiên tràng
Sáng Thế đích Chủ dĩ lai thế
Đại nạn tiền Tha khiếu ngã hoán tỉnh mê đồ đích cao dương
Giá thị nhĩ đẳng đãi đích ca
Giá toàn luật lai tự Thiên đường

Nhị linh nhất tam niên thập nguyệt

Diễn nghĩa:

Bài hát [tôi] hát cho bạn

Tôi có một bài hát thần thánh

Là ai khai sáng ra thiên địa vạn vật

Nhân sinh vì sao là con thuyền mê [lạc] trong bể khổ

Tôi là ai

Ai là tôi

Trong luân hồi vẫn luôn cố gắng, vẫn luôn mê mang

Đại Pháp đả khai trí huệ của tôi

Hiểu rõ nhân sinh không còn bận lòng vì bao chuyện rối ren

Chủ sáng [tạo] ra thế [giới] đã đến thế gian

Trước đại nạn Ông bảo tôi đánh thức [những] chú cừu lạc đường

Đây là bài hát mà bạn chờ đợi

Giai điệu này đến từ Thiên đường

Tháng 10 năm 2013

仙 韻

飄飄抒廣袖
玉立美似仙
翻轉天娥秀
展姿舞翩躚

樂是天上曲
妙音透雲間
歌聲啟塵封
聲聲喚回天

二零一三年冬

Phiên âm:

Tiên Vận

Phiêu phiêu trữ quảng tụ
Ngọc lập mỹ tự tiên
Phiên chuyển thiên nga tú
Triển tư vũ phiên tiên

Nhạc thị Thiên thượng khúc
Diệu âm thấu vân gian
Ca thanh khải trần phong
Thanh thanh hoán hồi thiên

Nhị linh nhất tam niên Đông

Diễn nghĩa:

Tiên vận

Bay bay xòe ra tay áo rộng
Dáng ngọc đẹp tựa [như] tiên
Thanh tú nhào lộn như thiên nữ
Thi triển điệu múa bay bổng

Nhạc là làn điệu trên Thiên thượng
Âm thanh mỹ diệu thấu qua tầng mây
Tiếng ca tan đi lớp bụi trần
Mỗi thanh âm [đều] kêu gọi trở về trời

Mùa Đông năm 2013

真實的理

朋友
神不願放棄你
不是因為你有甚麼了不起
那是對生命的慈悲
真相會告訴你謎底
對大法的抹黑會被清洗
謊言毒害的是你的心裏
身體的創傷可以治癒
中毒的生命會在大難中解體
我只想叫你看清善惡
我想告訴你生命真實的理

二零一三年冬

Phiên âm:

Chân Thực Đích Lý

Bằng hữu
Thần bất nguyện phóng khí nhĩ
Bất thị nhân vi nhĩ hữu thậm ma liễu bất khởi
Na thị đối sinh mệnh đích từ bi
Chân tướng hội cáo tố nhĩ mê để
Đối Đại Pháp đích mạt hắc hội bị thanh tẩy
Hoang ngôn độc hại đích thị nhĩ đích tâm lý
Thân thể đích sang thương khả dĩ trị dũ
Trúng độc đích sinh mệnh hội tại đại nạn trung giải thể
Ngã chỉ tưởng khiếu nhĩ khán thanh thiện ác
Ngã tưởng cáo tố nhĩ sinh mệnh chân thực đích lý

Nhị linh nhất tam niên Đông

Diễn nghĩa:

Lý chân thực

Bạn ơi
Thần không muốn từ bỏ bạn
Không phải bởi vì bạn có gì tài giỏi
Đó là [sự] từ bi đối với sinh mệnh
Chân tướng sẽ nói cho bạn đáp án
Bôi nhọ Đại Pháp sẽ bị thanh tẩy
Bị những lời lừa dối đầu độc ấy là tâm của bạn
Thân thể bị thương tổn có thể chữa lành
Sinh mệnh bị trúng độc sẽ [bị] giải thể trong đại nạn
Tôi chỉ muốn cho bạn nhìn rõ thiện ác
Tôi muốn nói cho bạn lý chân thực của sinh mệnh

Mùa Đông năm 2013

大海是我的胸懷

大海是我的胸懷
藍天下都是我的舞臺
助師救人是我的誓約
傳真相是神的安排
甘露遍撒大地民舍宮宅
千萬年的等待沒有白挨
創世主已來
魔難中大法徒在全力救世人
狂徒腳下卻是懸崖
我們雖然沉冤不白
紅潮托起的是千古英才
因為我們走向神的未來

二零一三年冬

Phiên âm:

Đại Hải Thị Ngã Đích Hung Hoài

Đại hải thị ngã đích hung hoài
Lam thiên hạ đô thị ngã đích vũ đài
Trợ Sư cứu nhân thị ngã đích thệ ước
Truyền chân tướng thị Thần đích an bài
Cam lộ biến tản đại địa dân xá cung trạch
Thiên vạn niên đích đẳng đãi một hữu bạch ai
Sáng Thế Chủ dĩ lai
Ma nạn trung Đại Pháp đồ tại toàn lực cứu thế nhân
Cuồng đồ cước hạ khước thị huyền nhai
Ngã môn tuy nhiên trầm oan bất bạch
Hồng triều thác khởi đích thị thiên cổ anh tài
Nhân vi ngã môn tẩu hướng Thần đích vị lai

Nhị linh nhất tam niên Đông

Diễn nghĩa:

Tấm lòng của tôi như biển lớn

Tấm lòng của tôi như biển lớn
Dưới trời xanh đều là sân khấu của tôi
Trợ Sư cứu người là thệ ước của tôi
Truyền chân tướng là an bài của Thần
Cam lộ rải khắp đại địa, nhà dân [và] cung điện
Nghìn vạn năm chờ đợi không hề uổng phí
Sáng Thế Chủ đã đến
Trong ma nạn đồ đệ Đại Pháp đang toàn lực cứu thế nhân
Dưới chân cuồng đồ chính là vực thẳm
Mặc dù chúng tôi [bị] oan [nhưng] không uổng phí
Triều đại đỏ khởi lên [chỉ làm tôn lên] anh tài thiên cổ
Bởi vì chúng tôi đi hướng về tương lai của Thần

Mùa Đông năm 2013

救 度

宇宙最後一頁已經翻啟
救度中神叫我喚醒你
別看我們被抹黑
真相會把一切清洗
謊言毒害卻在你的心裏
肉體的傷害可以治癒
中毒的生命將在紅朝末日中解體
我只想叫你分辨善惡
選擇由你自己
我只想叫你了解真相
因為你曾經求神別把你放棄

二零一四年一月一日

Phiên âm:

Cứu Độ

Vũ trụ tối hậu nhất hiệt dĩ kinh phiên khải
Cứu độ trung Thần khiếu ngã hoán tỉnh nhĩ
Biệt khán ngã môn bị mạt hắc
Chân tướng hội bả nhất thiết thanh tẩy
Hoang ngôn độc hại khước tại nhĩ đích tâm lý
Nhục thể đích thương hại khả dĩ trị dũ
Trúng độc đích sinh mệnh tương tại hồng triều mạt nhật trung giải thể
Ngã chỉ tưởng khiếu nhĩ phân biện thiện ác
Tuyển trạch do nhĩ tự kỷ
Ngã chỉ tưởng khiếu nhĩ liễu giải chân tướng
Nhân vi nhĩ tằng kinh cầu Thần biệt bả nhĩ phóng khí

Nhị linh nhất tứ niên nhất nguyệt nhất nhật

Diễn nghĩa:

Cứu độ

Trang cuối cùng của vũ trụ đã mở ra

Trong cứu độ Thần bảo tôi đánh thức bạn

Chớ xem chúng tôi bị bôi nhọ

Chân tướng sẽ gột rửa hết thảy

Lời dối trá đầu độc ấy lại ở trong tâm của bạn

Nhục thể bị tổn thương có thể chữa lành

Sinh mệnh bị trúng độc sẽ bị giải thể trong ngày tàn của triều đại đỏ

Tôi chỉ muốn bảo bạn phân biệt thiện ác

Lựa chọn là do tự thân bạn

Tôi chỉ muốn bảo bạn liễu giải chân tướng

Bởi vì bạn đã từng cầu [xin] Thần đừng bỏ rơi bạn

Ngày 01 tháng 01 năm 2014

祖輩留下的歌

我心中有支歌
從祖輩傳到我
紅朝末後來神佛
弟子會替世人解難受過
現世中正在兑現這傳説
旋律間叫我輩一定接上緣
那是生命的最後希望
那是眾生得救的宿願

二零一四年一月九日

Phiên âm:

Tổ Bối Lưu Hạ Đích Ca

Ngã tâm trung hữu chi ca
Tòng tổ bối truyền đáo ngã
Hồng triều mạt hậu lai Thần Phật
Đệ tử hội thế thế nhân giải nạn thụ quá
Hiện thế trung chính tại đoái hiện giá truyền thuyết
Toàn luật gian khiếu ngã bối nhất định tiếp thượng duyên
Na thị sinh mệnh đích tối hậu hy vọng
Na thị chúng sinh đắc cứu đích túc nguyện

Nhị linh nhất tứ niên nhất nguyệt cửu nhật

Diễn nghĩa:

Bài hát tổ tiên lưu lại

Có bài hát trong tâm tôi

Từ tổ tiên truyền đến tôi

Đến lúc cuối triều đại đỏ Thần Phật [sẽ] đến

Đệ tử sẽ giải nạn [và] chịu đựng thay cho thế nhân

Trong thời nay đang thực hiện truyền thuyết này

Trong giai điệu bảo thế hệ chúng ta nhất định [phải] tiếp nối duyên

Đó là hy vọng cuối cùng của sinh mệnh

Đó là nguyện xưa [mong] được đắc cứu của chúng sinh

Ngày 09 tháng 01 năm 2014

神没失言

神有過誓言
末世會救人回天
眾生期盼了千百年
此時招喚卻視而不見
大法一直在傳
聖徒用血承擔著人的難
壓力中救人把真相傳
神没有失言
有人只把利益看
打壓的謊言不分辨
是不願相信這現實是神在兑現

二零一四年一月十五日

Phiên âm:

Thần Một Thất Ngôn

Thần hữu quá thệ ngôn
Mạt thế hội cứu nhân hồi thiên
Chúng sinh kỳ phán liễu thiên bách niên
Thử thời chiêu hoán khước thị nhi bất kiến
Đại Pháp nhất trực tại truyền
Thánh đồ dụng huyết thừa đảm trước nhân đích nạn
Áp lực trung cứu nhân bả chân tướng truyền
Thần một hữu thất ngôn
Hữu nhân chỉ bả lợi ích khán
Đả áp đích hoang ngôn bất phân biện
Thị bất nguyện tương tín giá hiện thực thị Thần tại đoái hiện

Nhị linh nhất tứ niên nhất nguyệt thập ngũ nhật

Diễn nghĩa:

Thần không nuốt lời

Thần có [một] lời thề
Mạt thế sẽ cứu người hồi thiên
Chúng sinh đã chờ đợi [hằng] trăm nghìn năm
Bây giờ kêu gọi lại nhìn mà như không thấy
Đại Pháp vẫn luôn đang truyền
Thánh đồ dùng máu để chịu đựng nạn của con người
Trong áp lực cứu người truyền đi chân tướng
Thần [sẽ] không nuốt lời
[Nhưng] có người chỉ nhìn [vào] lợi ích
Không phân rõ lời dối trá của [cuộc] đàn áp
Là không muốn tin [vào] hiện thực rằng Thần đang thực hiện

Ngày 15 tháng 01 năm 2014

醒來吧

下世太久遠
輪迴千百年
本性在拼搏中削減
純真被利益踏扁
無神論是謊言
進化邪說推倒了神言
災難中卻怨神不管
別用科學把人類推向危險
來世是尋找得度的機緣
回天才是生命的宿願
回天才是你等的機緣

二零一四年一月二十三日

Phiên âm:

Tỉnh Lai Ba

Hạ thế thái cửu viễn
Luân hồi thiên bách niên
Bản tính tại bính bác trung tước giảm
Thuần chân bị lợi ích đạp biển
Vô Thần luận thị hoang ngôn
Tiến hóa tà thuyết thôi đảo liễu Thần ngôn
Tai nạn trung khước oán Thần bất quản
Biệt dụng khoa học bả nhân loại thôi hướng nguy hiểm
Lai thế thị tầm trảo đắc độ đích cơ duyên
Hồi thiên tài thị sinh mệnh đích túc nguyện
Hồi thiên tài thị nhĩ đẳng đích cơ duyên

Nhị linh nhất tứ niên nhất nguyệt nhị thập tam nhật

Diễn nghĩa:

Tỉnh lại đi

Hạ thế quá lâu rồi
Luân hồi [hằng] trăm nghìn năm
Bản tính trong phấn đấu tranh giành [mà] tiêu giảm
Thuần chân bị lợi ích dẫm bẹp
Vô Thần luận là dối trá
Tà thuyết Tiến hóa lật đổ Thần ngôn
Trong tai nạn lại trách Thần không quản
Chớ dùng khoa học đẩy nhân loại về [phía] nguy hiểm
Đến thế gian là [để] tìm kiếm cơ duyên đắc độ
Hồi thiên mới là nguyện xưa của sinh mệnh
Hồi thiên mới là cơ duyên mà bạn chờ đợi

Ngày 23 tháng 01 năm 2014

洪恩浩蕩

天地萬物是創世主開創
宇宙更新他要救人回天上
神來時不會是你要的那樣
信仰別把你得救阻擋
別用感情干擾了人的智商
眾生平等不分形像
得救要看惡還是善良
創世主下世出生在東方
眾神與人都靠他的恩賞
天地萬物是創世主開創
宇宙更新他要救人回天上

二零一四年一月二十三日

Phiên âm:

Hồng Ân Hạo Đãng

Thiên địa vạn vật thị Sáng Thế Chủ khai sáng
Vũ trụ canh tân Tha yếu cứu nhân hồi Thiên thượng
Thần lai thời bất hội thị nhĩ yếu đích na dạng
Tín ngưỡng biệt bả nhĩ thị cứu trở đáng
Biệt dụng cảm tình can nhiễu liễu nhân đích trí thương
Chúng sinh bình đẳng bất phân hình tượng
Đắc cứu yếu khán ác hoàn thị thiện lương
Sáng Thế Chủ hạ thế xuất sinh tại Đông phương
Chúng Thần dữ nhân đô kháo Tha đích ân thưởng
Thiên địa vạn vật thị Sáng Thế Chủ khai sáng
Vũ trụ canh tân Tha yếu cứu nhân hồi Thiên thượng

Nhị linh nhất tứ niên nhất nguyệt nhị thập tam nhật

Diễn nghĩa:

Hồng ân hạo đãng

Thiên địa vạn vật là Sáng Thế Chủ khai sáng
Vũ trụ canh tân Ông muốn cứu con người về Thiên thượng
Khi Thần đến sẽ không như là bạn muốn
Đừng vì tín ngưỡng mà ngăn trở bạn được cứu
Đừng dùng cảm tình can nhiễu đến trí thông minh của con người
Chúng sinh bình đẳng không phân hình tượng
Đắc cứu còn phải xem [là] ác hay là thiện lương
Sáng Thế Chủ hạ thế xuất sinh tại phương Đông
Chúng Thần và người đều dựa vào ân thưởng của Ông
Thiên địa vạn vật là Sáng Thế Chủ khai sáng
Vũ trụ canh tân Ông muốn cứu con người về Thiên thượng

Ngày 23 tháng 01 năm 2014

創世主在招喚

創世主在招喚
眾生為這下塵凡
紅魔同時也把謊言散
良知惡念叫人辨
大劫當前得救難
這是累世業債把人攔
選擇甚麼自己看
你為此時等了千百年
創世主已在招喚

二零一四年一月三十日

Phiên âm:

Sáng Thế Chủ Tại Chiêu Hoán

Sáng Thế Chủ tại chiêu hoán
Chúng sinh vi giá hạ trần phàm
Hồng ma đồng thời dã bả hoang ngôn tán
Lương tri ác niệm khiếu nhân biện
Đại kiếp đương tiền đắc cứu nan
Giá thị lũy thế nghiệp trái bả nhân lan
Tuyển trạch thậm ma tự kỷ khán
Nhĩ vi thử thời đẳng liễu thiên bách niên
Sáng Thế Chủ dĩ tại chiêu hoán

Nhị linh nhất tứ niên nhất nguyệt tam thập nhật

Diễn nghĩa:

Sáng Thế Chủ đang hiệu triệu

Sáng Thế Chủ đang hiệu triệu

Chúng sinh vì điều này [mà] hạ phàm trần

Ma đỏ đồng thời cũng phát tán lời dối trá

Lương tri [và] ác niệm để cho người phân biệt

Trước đại kiếp khó được đắc cứu

Đây là nghiệp tích [tụ] từng đời ngăn [trở] con người

Lựa chọn điều gì tự mình xem

Vì lúc này mà bạn đã đợi [hằng] trăm nghìn năm

Sáng Thế Chủ đã đang hiệu triệu

Ngày 30 tháng 01 năm 2014

隨 筆

婷婷臺上遊
仙樂池外音
男兒展陽剛
麗人秀長巾

人神舞春秋
天音蕩古今
神韻一場秀
五千日月新

二零一四年二月五日

Phiên âm:

Tùy Bút

Đình đình đài thượng du
Tiên nhạc trì ngoại âm
Nam nhi triển dương cương
Lệ nhân tú trường cân

Nhân Thần vũ xuân thu
Thiên âm đãng cổ kim
Thần Vận nhất trường tú
Ngũ thiên nhật nguyệt tân

Nhị linh nhất tứ niên nhị nguyệt ngũ nhật

Diễn nghĩa:

Tuỳ bút

Dáng ngọc di chuyển trên sân khấu
Tiên nhạc [từ] bên ngoài dàn nhạc
Nam nhi triển hiện vẻ nam tính mạnh mẽ
Mỹ nữ thanh tú [với] khăn dài

Nhân [và] Thần múa xuân thu
Thiên âm [làm] rung động cổ kim
Một buổi biểu diễn Thần Vận
Làm mới lại năm nghìn nhật nguyệt

Ngày 05 tháng 02 năm 2014

我在幫你

朋友
我不願把你放棄
是你曾經求神救你
迫害是表相另有目地
阻擋人得救明法理
打壓抹黑神會清洗
身體的傷害會治癒
謊言中毒會被解體
大難前我幫你看清謎底
能否得救看你自己

二零一四年二月六日

Phiên âm:

Ngã Tại Bang Nhĩ

Bằng hữu
Ngã bất nguyện bả nhĩ phóng khí
Thị nhĩ tằng kinh cầu Thần cứu nhĩ
Bách hại thị biểu tướng lánh hữu mục địa
Trở đáng nhân đắc cứu minh Pháp Lý
Đả áp mạt hắc Thần hội thanh tẩy
Thân thể đích thương hại hội trị dũ
Hoang ngôn trúng độc hội bị giải thể
Đại nạn tiền ngã bang nhĩ khán thanh mê để
Năng phủ đắc cứu khán nhĩ tự kỷ

Nhị linh nhất tứ niên nhị nguyệt lục nhật

Diễn nghĩa:

Tôi đang giúp bạn

Bạn ơi

Tôi không muốn từ bỏ bạn

Là bạn đã từng cầu Thần cứu bạn

Bức hại là hiện tượng bề mặt [và] có mục đích khác

[Là] ngăn trở con người đắc cứu và minh bạch Pháp lý

Đàn áp bôi nhọ [Đại Pháp] sẽ bị Thần gột sạch

Thân thể tổn thương [rồi] sẽ chữa lành

Bị lời dối trá đầu độc sẽ bị giải thể

Trước đại nạn tôi giúp bạn nhìn rõ câu trả lời

Có thể đắc cứu hay không [phải] xem bản thân bạn

Ngày 06 tháng 02 năm 2014

我家鄉的傳說

我的家鄉有個傳說
黃花開時紅花落
創世主來救人回天國
掩蓋與迫害會招來天禍
不知大難過後幾人活
難中救人的是聖徒
打壓害人的是紅魔
謊言謗真言用心險惡
找到真相劫難才能過
現實在兌現這傳說
黃花在開紅潮在落
創世主在救人回天國

二零一四年二月十日

Phiên âm:

Ngã Gia Hương Đích Truyền Thuyết

Ngã đích gia hương hữu cá truyền thuyết
Hoàng hoa khai thời hồng hoa lạc
Sáng Thế Chủ lai cứu nhân hồi Thiên quốc
Yểm cái dữ bách hại hội chiêu lai thiên họa
Bất tri đại nạn quá hậu kỷ nhân hoạt
Nạn trung cứu nhân đích thị thánh đồ
Đả áp hại nhân đích thị hồng ma
Hoang ngôn báng chân ngôn dụng tâm hiểm ác
Trảo đáo chân tướng kiếp nạn tài năng quá
Hiện thực tại đoái hiện giá truyền thuyết
Hoàng hoa tại khai hồng triều tại lạc
Sáng Thế Chủ tại cứu nhân hồi Thiên quốc

Nhị linh nhất tứ niên nhị nguyệt thập nhật

Diễn nghĩa:

Truyền thuyết nơi quê nhà tôi

Quê tôi có một truyền thuyết
Khi hoa vàng nở hoa đỏ sẽ rụng
Sáng Thế Chủ [sẽ] đến cứu người về Thiên quốc
Che đậy và bức hại sẽ chiêu mời thiên họa
Không biết đại nạn qua đi còn mấy người sống sót
Cứu người trong nạn là Thánh đồ
Đàn áp hại người là ma đỏ
Lời dối trá phỉ báng chân ngôn, dụng tâm hiểm ác
Tìm được chân tướng mới có thể qua kiếp nạn
Hiện thực đang thực hiện truyền thuyết này
Hoa vàng đang nở, triều đại đỏ đang tàn
Sáng Thế Chủ đang cứu người về Thiên quốc

Ngày 10 tháng 02 năm 2014

正念

疾風電掣上九霄
雷霆萬鈞比天高
橫掃穹宇無盡處
敗類異物一併消

二零一四年二月十三日

Phiên âm:

Chính Niệm

Kích phong điện xiết thượng cửu tiêu
Lôi đình vạn quân tỷ thiên cao
Hoành tảo khung vũ vô tận xứ
Bại loại dị vật nhất tính tiêu

Nhị linh nhất tứ niên nhị nguyệt thập tam nhật

Diễn nghĩa:

Chính niệm

Gió điện [chớp] xung kích tận chín tầng trời
[Lực lượng] nhanh mạnh như sấm sét cao hơn trời
Quét ngang đại khung vũ trụ khắp nơi đến vô tận
Những đồ cặn bã biến dị nhất loạt bị tiêu mất

燒紅魔 煉金鋼

萬人奏訪中南闕
惡黨匪首腦殘缺
賭上紅朝鬥天法
八面陰風放詭譎
古今中外大醜貨
狂飆耗命把墓掘
百煉金鋼紅朝散
法徒回天兑誓約

二零一四年二月十四日

Ngày 13 tháng 02 năm 2014

Phiên âm:

Thiêu Hồng Ma Luyện Kim Cương

Vạn nhân tấu phỏng Trung Nam khuyết
Ác đảng phỉ thủ não tàn khuyết
Đổ thượng hồng triều đấu Thiên Pháp
Bát diện âm phong phóng nguỵ quyệt
Cổ kim trung ngoại đại xú hoạ
Cuồng tiêu háo tận bả mộ quyết
Bách luyện kim cương hồng triều tán
Pháp đồ hồi thiên đoái thệ ước

Nhị linh nhất tứ niên nhị nguyệt thập tứ nhật

Diễn nghĩa:

Nướng ma đỏ luyện kim cương

Vạn người thỉnh nguyện ở tòa nhà Trung Nam [Hải]
Cầm đầu thổ phỉ của đảng tà ác là thứ đầu não cháy hỏng
Đem triều đại đỏ làm đồ đánh cược để đấu với Pháp của Trời
[Làm ra] tám phía [khắp nơi] gió âm, lộ ra xảo quyệt
[Là kẻ gây] hoạ xấu xí lớn nhất xưa nay trong ngoài [Trung Quốc]
Cơn cuồng phong qua đi [hắn] đào mộ [cho mình]
Kim cương trải qua trăm luyện [rèn xong], tan hết triều đại đỏ
Đồ đệ Đại Pháp về trời, hoàn thành thệ ước

Ngày 14 tháng 02 năm 2014

祖輩的歌

我有一首歌
是祖輩的傳說
旋律古樸
詞意叫人琢磨
末劫一到有大禍
大法徒救人被迫害
真言會被謊話塗抹
世人難辨大劫難躲
保持善良不會錯
找到真相才能躲過
這是祖輩的傳說
大難的前兆見證了我的歌
傳說大法徒在講真相把迷破
我要兑現這傳說
我要兑現這首歌

二零一四年二月十五日

Phiên âm:

Tổ Bối Đích Ca

Ngã hữu nhất thủ ca
Thị tổ bối đích truyền thuyết
Toàn luật cổ dạng
Từ ý khiếu nhân trác ma
Mạt kiếp nhất đáo hữu đại họa
Đại Pháp đồ cứu nhân bị bách hại
Chân ngôn hội bị hoang thoại đồ mạt
Thế nhân nan biện đại kiếp nan đóa
Bảo đề thiện lương bất hội thác

Trảo đáo chân tướng tài năng đóa quá
Giá thị tổ bối đích truyền thuyết
Đại nạn đích tiền triệu kiến chứng liễu ngã đích ca
Truyền thuyết Đại Pháp đồ tại giảng chân tướng bả mê phá
Ngã yếu đoái hiện giá truyền thuyết
Ngã yếu đoái hiện giá thủ ca

Nhị linh nhất tứ niên nhị nguyệt thập ngũ nhật

Diễn nghĩa:

Bài hát của tổ tiên

Tôi có một bài hát
Là truyền thuyết của tổ tiên
Giai điệu [theo] phong cách cổ
Ý nghĩa của lời ca khiến con người phải suy ngẫm
Mạt kiếp hễ đến [sẽ] có đại họa
Đồ đệ Đại Pháp cứu người [nhưng lại] bị bức hại
Chân ngôn sẽ bị lời dối trá bôi nhọ
Thế nhân khó phân biệt [thì] khó tránh khỏi đại kiếp
Giữ vững thiện lương sẽ không sai
Tìm được chân tướng mới có thể tránh tai họa
Đây là truyền thuyết của tổ tiên
Điềm báo trước đại nạn sẽ làm chứng cho bài hát của tôi
Truyền thuyết [rằng] đồ đệ Đại Pháp đang giảng chân tướng [để] phá mê
Tôi cần phải thực hiện truyền thuyết này
Tôi cần phải thực hiện [theo] bài hát này

Ngày 15 tháng 02 năm 2014

實現我的夢想

我有一個夢想
總有一天我要回到天上
那是生命真正的故鄉
因為創世主已來世
傳大法救世人回天堂
我不想錯過機緣
我要實現這夢想
這是人的唯一希望

二零一四年二月十五日

Phiên âm:

Thực Hiện Ngã Đích Mộng Tưởng

Ngã hữu nhất cá mộng tưởng
Tổng hữu nhất thiên ngã yếu hồi đáo Thiên thượng
Na thị sinh mệnh chân chính đích cố hương
Nhân vi Sáng Thế Chủ dĩ lai thế
Truyền Đại Pháp cứu thế nhân hồi Thiên đường
Ngã bất tưởng thác quá cơ duyên
Ngã yếu thực hiện giá mộng tưởng
Giá thị nhân đích duy nhất hy vọng

Nhị linh nhất tứ niên nhị nguyệt thập ngũ nhật

Diễn nghĩa:

Thực hiện ước mơ của tôi

Tôi có một ước mơ
Sẽ có một ngày tôi sẽ trở về trời
Đó là quê hương chân chính của sinh mệnh
Bởi vì Sáng Thế Chủ đã đến thế gian
Truyền Đại Pháp cứu thế nhân về Thiên đường
Tôi không muốn lỡ mất cơ duyên
Tôi cần [phải] thực hiện ước mơ này
Đây là hy vọng duy nhất của con người

Ngày 15 tháng 02 năm 2014

追隨你——大法徒

相見時你帶著深情
卻從不把心思表明
神情堅毅透著善良
卻不叫我隨你同行
你說救世人不能停
更不想叫我被魔欺凌
講真相是你的誓約
你的善良像似神靈
我會追隨你到永遠
即使在危難中飄零

二零一四年二月十六日

Phiên âm:

Truy Tùy Nhĩ — Đại Pháp Đồ

Tương kiến thời nhĩ đới trước thâm tình
Khước tòng bất bả tâm tư biểu minh
Thần tình kiên nghị thấu trước thiện lương
Khước bất khiếu ngã tùy nhĩ đồng hành
Nhĩ thuyết cứu thế nhân bất năng đình
Cánh bất tưởng khiếu ngã bị ma khi lăng
Giảng chân tướng thị nhĩ đích thệ ước
Nhĩ đích thiện lương tương tự Thần linh

Ngã hội truy tùy nhĩ đáo vĩnh viễn
Tức sử tại nguy nạn trung phiêu linh

Nhị linh nhất tứ niên nhị nguyệt thập lục nhật

Diễn nghĩa:

Đi theo bạn - đồ đệ Đại Pháp

Khi gặp nhau, bạn mang theo tình cảm sâu đậm
Nhưng lại chưa bao giờ bộc lộ tâm sự
Thần sắc kiên nghị, thể hiện ra sự thiện lương
Nhưng lại không để tôi đồng hành cùng bạn
Bạn nói rằng cứu thế nhân không thể dừng lại
Càng không muốn tôi bị ma [quỷ] ức hiếp
Giảng chân tướng là thệ ước của bạn
[Sự] thiện lương của bạn tựa như Thần linh
Tôi sẽ mãi mãi đi theo bạn
Cho dù là trôi dạt trong nguy nan

Ngày 16 tháng 02 năm 2014

信神就按神說的做

創世主造就了眾神與天體
無論你信的甚麼理
你信的神只是天體結構中一顆粒
放下種族成見
否則教堂去的再多神都鄙視你
無論人甚麼膚底
生命都來自神的故里
無論你是誰
都在等待創世主把你救起
眾神也在等待他能挑選到自己
人類必須同心協力
抵制紅魔撒旦的惡勢力
直到神路通向你

二零一四年三月三十日

Phiên âm:

Tín Thần Tựu An Thần Thuyết Đích Tố

Sáng Thế Chủ tạo tựu liễu chúng Thần dữ thiên thể
Vô luận nhĩ tín đích thậm ma Lý
Nhĩ tín đích Thần chỉ thị thiên thể kết cấu trung nhất khỏa lạp
Phóng hạ chủng tộc thành kiến
Phủ tắc giáo đường khứ đích tái đa Thần đô bỉ thị nhĩ
Vô luận nhân thậm ma phu để
Sinh mệnh đô lai tự Thần đích cố lý
Vô luận nhĩ thị thùy
Đô tại đẳng đãi Sáng Thế Chủ bả nhĩ cứu khởi
Chúng thần dã tại đẳng đãi Tha năng thiêu tuyển đáo tự kỷ

Nhân loại tất tu đồng tâm hiệp lực
Để chế hồng ma Tát Đán đích ác thế lực
Trực đáo Thần lộ thông hướng nhĩ

Nhị linh nhất tứ niên tam nguyệt tam thập nhật

Diễn nghĩa:

Tin Thần thì [hãy] làm theo điều Thần nói

Sáng Thế Chủ tạo ra chúng Thần và thiên thể
Vô luận là bạn tin theo lý nào
Thần mà bạn tin chỉ là một lạp tử trong kết cấu [của] thiên thể
Buông bỏ thành kiến về chủng tộc
Nếu không [thì] có đi giáo đường nhiều hơn nữa thì Thần [cũng] đều xem thường bạn
Vô luận [là] con người [mang] màu da gì
Sinh mệnh đều đến từ quê hương của Thần
Vô luận bạn là ai
Đều đang chờ đợi Sáng Thế Chủ cứu vớt bạn
Chúng Thần cũng đang chờ đợi [để] được Ông lựa chọn
Nhân loại nhất định phải đồng tâm hiệp lực
[Để] ngăn chặn thế lực [tà] ác của ma đỏ sa tăng
Cho đến khi con đường của Thần hướng tới bạn

Ngày 30 tháng 03 năm 2014

神聖的歌

人生總會有迷茫
每當生活失去方向
心中的歌就會輕輕的唱
不要抱怨
守住善良
人多來自天上
為了等待創世主把人當
那是眾生久盼的希望
這歌聲使我清醒
這歌聲給我力量
神聖的旋律使天空變的晴朗

二零一四年春

Phiên âm:

Thần Thánh Đích Ca

Nhân sinh tổng hội hữu mê mang
Mỗi đương sinh hoạt thất khứ phương hướng
Tâm trung đích ca tựu hội khinh khinh đích xướng
Bất yếu bão oán
Thủ trụ thiện lương
Nhân đa lai tự Thiên thượng
Vi liễu đẳng đãi Sáng Thế Chủ bả nhân đương
Na thị chúng sinh cửu phán đích hy vọng
Giá ca thanh sử ngã thanh tỉnh
Giá ca thanh cấp ngã lực lượng
Thần thánh đích toàn luật sử thiên không biến đích tình lãng

Nhị linh nhất tứ niên Xuân

Diễn nghĩa:

Bài ca Thần thánh

Đời người thường [sống trong] mê mang
Mỗi khi cuộc sống mất đi phương hướng
Bài hát trong tâm sẽ nhẹ nhàng cất lên
Đừng oán hận
Giữ vững thiện lương
Con người đa phần đến từ Thiên thượng
Vì để chờ đợi Sáng Thế Chủ [mà] đến làm người
Đó là hy vọng chờ đợi bấy lâu của chúng sinh
Tiếng hát này khiến tôi thanh tỉnh
Tiếng hát này cho tôi sức mạnh
Giai điệu Thần Thánh khiến cho bầu trời trở nên trong sáng

Mùa Xuân năm 2014

神之韻

人間仙境如夢幻
廣袖長舞娉婷漫
滿目華彩古仕女
婷婷玉質仙光燦

身法矯健大舞段
華夏壯士神光綻
正派大氣男子漢
喚回傳統不是盼

Phiên âm:

Thần Chi Vận

Nhân gian Tiên cảnh như mộng ảo
Quảng tụ trường vũ phinh đình mạn
Mãn mục hoa thải cổ sĩ nữ
Đình đình ngọc chất tiên quang xán

Thân pháp kiểu kiện đại vũ đoạn
Hoa Hạ tráng sĩ Thần quang trán
Chính phái đại khí nam tử Hán
Hoán hồi truyền thống bất thị phán

Nhị linh nhất tứ niên Xuân

Diễn nghĩa:

Vận vị của Thần

Nhân gian tiên cảnh như mộng ảo
Múa với ống tay dài rộng đầy tao nhã
Ngợp trước mắt [là] cung nữ cổ xưa rực rỡ sắc mầu
Dáng ngọc mỹ lệ tỏa sáng rực rỡ [như] tiên

Thân pháp cường tráng nhảy bước lớn
Tráng sĩ Hoa Hạ, Thần quang triển hiện
Nam tử hán khí khái chính phái
Kêu gọi trở về truyền thống không chỉ còn là kỳ vọng

Mùa Xuân năm 2014

路過賭城

夜行千里路不清
搖搖欲睡眨眼睛
荒山深處千光閃
疑似銀河落群星
燈紅酒綠為所欲
魚龍一潭各爭腥

二零一四年春

Phiên âm:

Lộ Quá Đổ Thành

Dạ hành thiên lý lộ bất thanh
Diêu diêu dục thụy trát nhãn tình
Hoang sơn thâm xứ thiên quang thiểm
Nghi tự Ngân Hà lạc quần tinh
Đăng hồng tửu lục vi sở dục
Ngư long nhất đàm các tranh tinh

Nhị linh nhất tứ niên Xuân

Diễn nghĩa:

Đi qua thành phố cờ bạc

Đêm đi nghìn dặm đường không rõ
Lơ mơ buồn ngủ, chớp mắt để giữ cho mắt mở
Nơi sâu trong núi hoang nghìn ánh quang lấp lánh
Ngỡ như là các vì sao rơi xuống [từ] ngân hà
Đèn đỏ rượu xanh vì dục vọng
Cá [và] rồng lẫn lộn cùng đua tranh

Mùa Xuân năm 2014

幫你離開險難

人們忘記了神的預言
千年後魔王會再現
撒旦建立了紅色政權
冷戰結束了中共更危險
柏林牆雖倒邪靈未散
世人啊
你們來世為把使命兑現
別離開人傳統的路太遠
現代意識在把人拉向毀滅前沿
結束前的經歷現代人都會看見
只有大法徒會幫你離開險難

二零一四年七月六日

Phiên âm:

Bang Nhĩ Ly Khai Hiểm Nạn

Nhân môn vong ký liễu Thần đích dự ngôn
Thiên niên hậu Ma Vương hội tái hiện
Tát Đán kiến lập liễu hồng sắc chính quyền
Lãnh chiến kết thúc liễu Trung Cộng cánh nguy hiểm
Bách Lâm tường tuy đảo tà linh vị tán
Thế nhân a
Nhĩ môn lai thế vi bả sứ mệnh đoái hiện
Biệt ly khai nhân truyền thống đích lộ thái viễn
Hiện đại ý thức tại bả nhân lạp hướng hủy diệt tiền duyên
Kết thúc tiền đích kinh lịch hiện đại nhân đô hội khán kiến
Chỉ hữu Đại Pháp đồ hội bang nhĩ ly khai hiểm nạn

Nhị linh nhất tứ niên thất nguyệt lục nhật

Diễn nghĩa:

Giúp bạn tránh xa nguy hiểm

Người ta đã quên mất dự ngôn của Thần
Nghìn năm sau Ma Vương sẽ tái hiện
[Quỷ] Sa-tăng xây dựng lên chính quyền đỏ
Chiến tranh lạnh kết thúc, Trung Cộng càng [trở nên] nguy hiểm
Mặc dù bức tường Berlin sụp đổ [nhưng] tà linh chưa tan [biến]
Hỡi thế nhân
Các bạn đến thế gian vì để hoàn thành sứ mệnh
Đừng quá cách xa con đường truyền thống của con người
Ý thức hiện đại đang kéo con người đến ven bờ huỷ diệt
Con người hiện đại đều sẽ nhìn thấy cảnh trước khi kết thúc
Chỉ có đồ đệ Đại Pháp mới có thể giúp bạn tránh xa nguy hiểm

Ngày 06 tháng 07 năm 2014

你再狂

跳腳狂
喉舌謊言嚎如狼
人惡似鬼助瘋浪
不見善念喪天良
秋風起紅變黃
張狂不見日慌慌
現世報應無漏網
人做惡都得償
不信你再狂

二零一四年七月十五日

Phiên âm:

Nhĩ Tái Cuồng

Khiêu cước cuồng
Hầu thiệt hoang ngôn hào như lang
Nhân ác tự quỷ trợ phong lãng
Bất kiến thiện niệm táng thiên lương
Thu phong khởi hồng biến hoàng
Trương cuồng bất kiến nhật hoảng hoảng
Hiện thế báo ứng vô lậu võng
Nhân tố ác đô đắc thường
Bất tín nhĩ tái cuồng

Nhị linh nhất tứ niên thất nguyệt thập ngũ nhật

Diễn nghĩa:

Ngươi cứ cuồng nữa đi

Nhảy nhót cuồng điên
Miệng lưỡi vu khống như sói tru
Người ác như quỷ hùa vào làm ác
Thiện niệm, thiên tính lương thiện mất hết
Gió Thu nổi lên, đỏ biến thành vàng
Điên cuồng nay hoảng sợ không dám ló mặt
Báo ứng trong đời, không lọt lưới
Cái ác đều phải bồi thường
Ngươi không tin thì cứ cuồng điên nữa đi

Ngày 15 tháng 07 năm 2014

期望

無論你來自何方
人真正的家在天堂
我們形像各異人性相仿
生命偏離本性時
我們來到地上
為的是消去罪業重返天鄉
大法徒在傳真相
天門不會久敞
回歸是你的期望

二零一四年七月十九日

Phiên âm:

Kỳ Vọng

Vô luận nhĩ lai tự hà phương
Nhân chân chính đích gia tại Thiên đường
Ngã môn hình tượng các dị nhân tính tương phảng
Sinh mệnh thiên ly bản tính thời
Ngã môn lai đáo địa thượng
Vi đích thị tiêu khứ tội nghiệp trùng phản thiên hương
Đại Pháp đồ tại truyền chân tướng
Thiên môn bất hội cửu xưởng
Hồi quy thị nhĩ đích kỳ vọng

Nhị linh nhất tứ niên thất nguyệt thập cửu nhật

Diễn nghĩa:

Kỳ vọng

Cho dù bạn đến từ nơi nào
Ngôi nhà thật sự của con người ở [trên] Thiên đường
Hình dáng chúng ta khác nhau [nhưng] nhân tính giống [nhau]
Khi sinh mệnh xa rời bản tính
Chúng ta [đã] đến địa cầu [này]
Là để tiêu trừ tội nghiệp [rồi] lại trở về quê hương [trên] trời
Đồ đệ Đại Pháp đang truyền chân tướng
Cổng trời sẽ không mở lâu
Quay trở về là kỳ vọng của bạn

Ngày 19 tháng 07 năm 2014

人生是過客

生活中時常有失落
傷痛時如同走進沙漠
每當人生陷入迷茫
腦中就會有個真念閃過
不要消沉
不要懦弱
人在等創世主把生命重塑
從返天堂別被名利情所惑
這閃念使我振作
人生是過客用心把握
最終我要把生命的目地尋獲

二零一四年八月一日

Phiên âm:

Nhân Sinh Thị Quá Khách

Sinh hoạt trung thời thường hữu thất lạc
Thương thống thời như đồng tẩu tiến sa mạc
Mỗi đương nhân sinh hãm nhập mê mang
Não trung tựu hội hữu cá chân niệm thiểm quá
Bất yếu tiêu trầm
Bất yếu nhu nhược
Nhân tại đẳng Sáng Thế Chủ bả sinh mệnh trùng tố
Tùng phản Thiên đường biệt bị lợi tình sở hoặc
Giá thiểm niệm sử ngã chấn tác
Nhân sinh thị quá khách dụng tâm bả ác
Tối chung ngã yếu bả sinh mệnh đích mục địa tầm hoạch

Nhị linh nhất tứ niên bát nguyệt nhất nhật

Diễn nghĩa:

Đời người [chỉ] là khách qua đường

Trong cuộc sống [vẫn] thường có mất mát
Khi đau khổ cũng như đi trong sa mạc
Mỗi khi nhân sinh lâm vào [cảnh] mê mang
Trong đầu não sẽ lóe lên chân niệm
Không được tiêu trầm
Không được nhu nhược
Con người đang chờ đợi Sáng Thế Chủ để được khôi phục lại sinh mệnh
Lại quay về Thiên đường đừng để danh lợi tình mê hoặc
Ý nghĩ chợt lóe lên này khiến tôi phấn chấn
Đời người là khách qua đường [hãy] dụng tâm nắm chắc
Cuối cùng tôi sẽ tìm được mục đích của sinh mệnh

Ngày 01 tháng 08 năm 2014

對 聯

神在兑現
神韻花開香萬里
真相廣傳度眾生

二零一四年八月二日

Phiên âm:

Đối Liên

Thần tại đoái hiện
Thần Vận hoa khai hương vạn lý
Chân tướng quảng truyền độ chúng sinh

Nhị linh nhất tứ niên bát nguyệt nhị nhật

Diễn nghĩa:

Câu đối

Thần đang thực hiện
Thần Vận hoa nở hương vạn dặm
Chân tướng truyền rộng độ chúng sinh

Ngày 02 tháng 08 năm 2014

人生意義

我用歌聲幫你打開記憶
來世前的承諾是否忘記
為了你天國眾生能得救
為見創世主來到人的地
紅魔猖狂時你被謊言矇蔽
法徒告訴你真相卻回避
慈悲使我不願把你放棄
救眾生我再一次呼喚你
兑現承諾才是人生目的

二零一四年八月七日

Phiên âm:

Nhân Sinh Ý Nghĩa

Ngã dụng ca thanh bang nhĩ đả khai ký ức
Lai thế tiền đích thừa nặc thị phủ vong ký
Vi liễu nhĩ Thiên quốc chúng sinh năng đắc cứu
Vi kiến Sáng Thế Chủ lai đáo nhân đích địa
Hồng ma xương cuồng thời nhĩ bị hoang ngôn mông tế
Pháp đồ cáo tố nhĩ chân tướng khước hồi tị
Từ bi sử ngã bất nguyện bả nhĩ phóng khí
Cứu chúng sinh ngã tái nhất thứ hô hoán nhĩ
Đoái hiện thừa nặc tài thị nhân sinh mục đích

Nhị linh nhất tứ niên bát nguyệt thất nhật

Diễn nghĩa:

Ý nghĩa nhân sinh

Tôi dùng tiếng hát giúp bạn đả khai ký ức
Lời hứa trước khi đến thế gian phải chăng [bạn] đã quên
Vì để chúng sinh Thiên quốc [của] bạn có thể đắc cứu
Vì để gặp Sáng Thế Chủ [mà] đến mảnh đất của con người
Khi ma đỏ điên cuồng ngang ngược, bạn bị lời dối trá che mờ mắt
Đồ đệ Đại Pháp nói cho bạn chân tướng nhưng bạn lại né tránh
Từ bi khiến tôi không muốn bỏ rơi bạn
[Vì] cứu chúng sinh, tôi lại một lần nữa kêu gọi bạn
Thực hiện lời hứa mới là mục đích nhân sinh

Ngày 07 tháng 08 năm 2014

大法弟子没説錯

在名利的成就中歡樂
在情幻的起落中浮没
聚散離合夢圓夢破
名利奔波都是戲作
芳華如曇花一現即落
回首時感慨伴著苦澀
人生到底是甚麼
大法弟子説的没有錯
但願機緣還在没錯過

二零一四年八月十日

Phiên âm:

Đại Pháp Đệ Tử Một Thuyết Thác

Tại danh lợi đích thành tựu trung hoan lạc
Tại tình huyễn đích khởi lạc trung phù một
Tụ tán ly hợp mộng viên mộng phá
Danh lợi bôn ba đô thị hí tác
Phương hoa như đàm hoa nhất hiện tức lạc
Hồi thủ thời cảm khái bạn trước khổ sáp
Nhân sinh đáo để thị thậm ma
Đại Pháp đệ tử thuyết đích một hữu thác
Đãn nguyện cơ duyên hoàn tại một thác quá

Nhị linh nhất tứ niên bát nguyệt thập nhật

Diễn nghĩa:

Đệ tử Đại Pháp không nói sai

Hoan lạc trong thành tựu của danh lợi
Chìm nổi trong thăng trầm ảo mộng của tình
Tụ hợp phân ly giấc mộng [lúc] trọn vẹn [lúc] tan vỡ
Bôn ba trong danh lợi đều là đóng kịch
Mùi thơm như hoa quỳnh chớm nở rồi tàn
Khi quay đầu lại cảm khái kèm theo khổ não
Nhân sinh rốt cuộc là gì
Đệ tử Đại Pháp không hề nói sai
Chỉ mong cơ duyên vẫn còn chưa bỏ lỡ

Ngày 10 tháng 08 năm 2014

心願

晚風吹在臉上
帶來夏夜一絲清涼
往事帶我走進遐想
風浪伴著我的成長
謊言維持的瘋狂
堅定著我的信仰
我慶幸今生得到了大法
為把這喜悅與人分享
因此躲避迫害遠走他鄉
只為使人了解真相
知道人生的目地
危難時找到希望

二零一四年八月十二日

Phiên âm:

Tâm nguyện

Vãn phong xuy tại kiểm thượng
Đới lai hạ dạ nhất ti thanh lương
Vãng sự đới ngã tẩu tiến hà tưởng
Phong lãng bạn trước ngã đích thành trường
Hoang ngôn duy trì đích phong cuồng
Kiên định trước ngã đích tín ngưỡng
Ngã khánh hạnh kim sinh đắc đáo liễu Đại Pháp
Vi bả giá hỷ duyệt dữ nhân phân hưởng
Nhân thử đóa tị bách hại viễn tẩu tha hương
Chỉ vi sử nhân liễu giải chân tướng
Tri đạo nhân sinh đích mục địa
Nguy nạn thời trảo đáo hy vọng

Nhị linh nhất tứ niên bát nguyệt thập nhị nhật

Diễn nghĩa:

Tâm nguyện

Làn gió đêm thổi vào mặt
Mang đến chút mát lạnh buổi đêm hè
Việc cũ dẫn tôi bước vào những suy nghĩ xa xôi
Gió lạnh đồng hành cùng sự trưởng thành của tôi
Lời dối trá vẫn liên tục điên cuồng
Kiên định với tín ngưỡng của tôi
Tôi may mắn [vì] đời này đắc được Đại Pháp
Nguyện mang niềm vui này chia sẻ với mọi người
Vì tránh bức bại mà phải tha hương nơi xa xứ
Chỉ vì để con người liễu giải chân tướng
Biết được mục đích của nhân sinh
Lúc nguy nan tìm thấy được hy vọng

Ngày 12 tháng 08 năm 2014

輪 迴

如果生命真的有輪迴
那生生世世我是誰
我們都從哪裏來
何時才能回歸
生命為何要輪迴
日月星河循環往復誰所為
大法徒說創世主造了一切
這答案灌耳如雷
去天堂得他把眾生救回

二零一四年八月十五日

Phiên âm:

Luân Hồi

Như quả sinh mệnh chân đích hữu luân hồi
Na sinh sinh thế thế ngã thị thùy
Ngã môn đô tùng na lý lai
Hà thời tài năng hồi quy
Sinh mệnh vi hà yếu luân hồi
Nhật nguyệt tinh hà tuần hoàn vãng phục thùy sở vi
Đại Pháp đồ thuyết Sáng Thế Chủ tạo liễu nhất thiết
Giá đáp án quán nhĩ như lôi
Khứ Thiên đường đắc tha bả chúng sinh cứu hồi

Nhị linh nhất tứ niên bát nguyệt thập ngũ nhật

Diễn nghĩa:

Luân hồi

Nếu như sinh mệnh thực sự có luân hồi
Thế thì đời đời kiếp kiếp tôi là ai
Chúng ta đều là từ đâu tới
Khi nào mới có thể trở về
Sinh mệnh vì sao phải luân hồi
Nhật nguyệt tinh hà đến và đi tuần hoàn [là] ai làm [ra]
Đồ đệ Đại Pháp nói rằng Sáng Thế Chủ tạo ra hết thảy
Đáp án này như sấm rót vào tai
[Muốn] lên Thiên đường [thì] chúng sinh phải do Ông cứu vớt

Ngày 15 tháng 08 năm 2014

來世就為這一回

生活為何這麼累
人生在世為了誰
恩怨情仇煙雲過
醒後方知戲中悲
金錢名利帶不走
奮鬥一生都是賠
人生來世為等法
善者回天把家歸
輪迴輾轉千百年
來世就為這一回

二零一四年八月十六日

Phiên âm:

Lai Thế Tựu Vi Giá Nhất Hồi

Sinh hoạt vi hà giá ma lụy
Nhân sinh tại thế vi liễu thùy
Ân oán tình cừu yên vân quá
Tỉnh hậu phương tri hí trung bi
Kim tiền danh lợi đới bất tẩu
Phấn đấu nhất sinh đô thị bồi
Nhân sinh lai thế vi đẳng Pháp
Thiện giả hồi thiên bả gia quy
Luân hồi triển chuyển thiên bách niên
Lai thế tựu vi giá nhất hồi

Nhị linh nhất tứ niên bát nguyệt thập lục nhật

Diễn nghĩa:

Đến thế gian chỉ vì lần này

Cuộc sống tại sao lại mệt như này
Đời người tại thế gian là vì ai
Ân oán tình thù như mây khói [thoáng] qua
Sau khi tỉnh lại mới biết sự bị thương trong vở kịch
Kim tiền danh lợi không mang đi được
Phấn đấu một đời đều mất hết
Con người đến thế gian vì để đợi Pháp
Người thiện hồi thiên trở về nhà
Luân hồi trở qua trở lại [hằng] trăm nghìn năm
Đến thế gian chỉ vì lần này [thôi]

Ngày 16 tháng 08 năm 2014

創世主已來

創世主已來
世人都在把他等待
天地萬物因他而存在
創世主已來
因為天在解體地在敗壞
成住壞滅末劫來的太快
創世主已來
傳大法救眾生掃清陰霾
天體各界法正才能不敗

二零一四年八月十七日

Phiên âm:

Sáng Thế Chủ Dĩ Lai

Sáng Thế Chủ dĩ lai
Thế nhân đô tại bả Tha đẳng đãi
Thiên địa vạn vật nhân Tha nhi tồn tại
Sáng Thế Chủ dĩ lai
Nhân vi thiên tại giải thể địa tại bại hoại
Thành trụ hoại diệt mạt kiếp lai đích thái khoái
Sáng Thế Chủ dĩ lai
Truyền Đại Pháp cứu chúng sinh tảo thanh âm mai
Thiên thể các giới Pháp chính tài năng bất bại

Nhị linh nhất tứ niên bát nguyệt thập thất nhật

Diễn nghĩa:

Sáng Thế Chủ đã tới

Sáng Thế Chủ đã tới

Thế nhân đều đang chờ đợi Ông

Thiên địa vạn vật đều do Ông mà tồn tại

Sáng Thế Chủ đã tới

Bởi vì trời đang giải thể, đất đang bại hoại

Thành trụ hoại diệt mạt kiếp đến quá nhanh

Sáng Thế Chủ đã tới

Đồ đệ Đại Pháp cứu chúng sinh quét sạch khói mù

Pháp chính [lại] thiên thể các giới mới có thể không bại [hoại]

Ngày 17 tháng 08 năm 2014

歷史的教訓

歷史的教訓人總會忘記
釋迦牟尼是怎麼講的佛理
婆羅門當年也排斥這個異己
耶穌同樣觸動了宗教的利益
釘上十字架還戳上一戟
大法洪傳新宇開啟
維護宗教利益的是僧痞
都與無神論紅魔站到了一起
人喜歡把反面教訓放在心裏
正面的教訓講講故事而已
歷史是留給人的智慧珍貴無比
人類最後時刻大法在揭謎底
別再重蹈覆轍叫邪黨喉舌矇住你

二零一四年八月十九日

Phiên âm:

Lịch Sử Đích Giáo Huấn

Lịch sử đích giáo huấn nhân tổng hội vong ký
Thích Ca Mâu Ni thị chẩm ma giảng đích Phật Lý
Bà La Môn đương niên dã bài xích giá cá dị kỷ
Gia-Tô đồng dạng xúc động liễu tông giáo đích lợi ích
Đinh thượng thập tự giá hoàn trạc thượng nhất kích
Đại Pháp hồng truyền tân vũ khai khải
Duy hộ tông giáo lợi ích đích thị tăng bĩ
Đô dữ vô Thần luận hồng ma trạm đáo liễu nhất khởi
Nhân hỷ hoan bả phản diện giáo huấn phóng tại tâm lý
Chính diện đích giáo huấn giảng giảng cố sự nhi dĩ
Lịch sử thị lưu cấp nhân đích trí huệ trân quý vô tỷ
Nhân loại tối hậu thời khắc Đại Pháp tại yết mê để
Biệt tái trùng đạo phúc triệt khiếu tà đảng hầu thiệt mông trụ nhĩ

Nhị linh nhất tứ niên bát nguyệt thập cửu nhật

Diễn nghĩa:

Bài học của lịch sử

Bài học của lịch sử con người thường quên mất
Thích Ca Mâu Ni là giảng Phật lý như thế nào
Bà La Môn năm đó cũng bài xích cái khác biệt với nó
Giê-su cũng động chạm đến lợi ích của tôn giáo giống thế
Đóng đinh lên thập tự giá [vẫn] còn bị đâm [thêm] một kích
Đại Pháp hồng truyền tân vũ trụ mở ra
Duy hộ lợi ích trong tôn giáo là các [nhà] sư côn đồ
Đều đứng cùng một bên với ma đỏ vô Thần luận
Con người thích để những bài học phản diện ở trong tâm
Bài học chính diện thì [coi là] kể [một] câu chuyện mà thôi
Lịch sử lưu lại cho con người trí huệ trân quý vô cùng
Thời khắc cuối cùng của nhân loại, Đại Pháp sẽ vén màn câu trả lời
Đừng lại giẫm lên vết xe đổ, để cho miệng lưỡi tà đảng che mắt bạn

Ngày 19 tháng 08 năm 2014

還有希望

我為甚麼叫你知道真相
世人的大難在從天而降
不要成為紅魔的陪葬
迫害救世的法徒罪無量
如果迫害的真是神會怎樣
聽信謊言者才是被害對像
大法徒再苦卻走在神路上
聽明白真相你才有希望

二零一四年八月二十日

Phiên âm:

Hoàn Hữu Hy Vọng

Ngã vi thậm ma khiếu nhĩ tri đạo chân tướng
Thế nhân đích đại nạn tại tùng thiên nhi giáng
Bất yếu thành vi hồng ma đích bồi táng
Bách hại cứu thế đích Pháp đồ tội vô lượng
Như quả bách hại đích chân thị Thần hội chẩm dạng
Thính tín hoang ngôn giả tài thị bị hại đối tượng
Đại Pháp đồ tái khổ khước tẩu tại Thần lộ thượng
Thính minh bạch chân tướng nhĩ tài hữu hy vọng

Nhị linh nhất tứ niên bát nguyệt nhị thập nhật

Diễn nghĩa:

Vẫn còn hy vọng

Tại sao tôi lại nói cho bạn biết chân tướng
Đại nạn của thế nhân đang từ trời giáng xuống
Đừng trở thành [vật] bồi táng theo ma đỏ
Bức hại đồ đệ Đại Pháp cứu thế nhân là tội ác vô lượng
Nếu như [người bị] bức hại thực sự là Thần thì sẽ thế nào
Những ai nghe theo lời dối trá mới là đối tượng bị bức hại
Đệ tử Đại Pháp [có] khổ nữa [thì] cũng đi trên con đường của Thần
Nghe hiểu chân tướng [thì] bạn mới có hy vọng

Ngày 20 tháng 08 năm 2014

問 天

水向海中流
雲飄天盡頭
輪迴千百世
生生問來由
高歌唱一曲
向天展歌喉
人向何處去
神來何時候

二零一四年九月三日

Phiên âm:

Vấn Thiên

Thủy hướng hải trung lưu
Vân phiêu thiên tận đầu
Luân hồi thiên bách thế
Sinh sinh vấn lai do
Cao ca xướng nhất khúc
Hướng thiên triển ca hầu
Nhân hướng hà xứ khứ
Thần lai hà thời hậu

Nhị linh nhất tứ niên cửu nguyệt tam nhật

Diễn nghĩa:

Hỏi Trời

Nước chảy hướng ra biển
Mây bay tận chân trời
Luân hồi [hằng] trăm nghìn đời
Đời đời hỏi lý do tới đây
Hát vang một ca khúc
Giọng hát hướng lên trời
Con người đi về đâu
Khi nào Thần sẽ tới

Ngày 03 tháng 09 năm 2014

同一條路

親愛的朋友
別把時間荒度
請與我走同一條路
大法是我一生的財富
當今人多來自天上
為等創世主來重塑
同修才會心在一處
共同精進相互幫助
走向神指的歸宿

二零一四年九月四日

Phiên âm:

Đồng Nhất Điều Lộ

Thân ái đích bằng hữu
Biệt bả thời gian hoang độ
Thỉnh dữ ngã tẩu hướng nhất điều lộ
Đại Pháp thị ngã nhất sinh đích tài phú
Đương kim nhân đa lai tự Thiên thượng
Vi đẳng Sáng Thế Chủ lai trùng tố
Đồng tu tài hội tâm tại nhất xứ
Cộng đồng tinh tấn tương hỗ bang trợ
Tẩu hướng Thần chỉ đích quy túc

Nhị linh nhất tứ niên cửu nguyệt tứ nhật

Diễn nghĩa:

Cùng một con đường

Bạn thân mến
Đừng để thời gian trôi qua uổng phí
Xin hãy bước trên một con đường cùng tôi
Đại Pháp là tài phú của đời tôi
Con người hiện nay đa phần [là] đến từ Thiên thượng
Vì để đợi Sáng Thế Chủ đến tạo dựng lại [Thần thể]
Cùng tu thì tâm mới ở cùng một chỗ
Cộng đồng tinh tấn giúp đỡ lẫn nhau
Đi đến chốn về mà Thần chỉ ra

Ngày 04 tháng 09 năm 2014

雲遊

八方遊走伴清風
蒙難難把家門蹬
來去無掛只有法
無名無利心無爭
深更夜讀月是燈
天被地床滿屋星
浪跡塵世講真相
助師正法在今生

二零一四年九月十四日

Phiên âm:

Vân Du

Bát phương du tẩu bạn thanh phong
Mông nạn nan bả gia môn đặng
Lai khứ vô quải chỉ hữu Pháp
Vô danh vô lợi tâm vô tranh
Thâm cánh dạ độc nguyệt thị đăng
Thiên bị địa sàng mãn ốc tinh
Lãng tích trần thế giảng chân tướng
Trợ Sư chính Pháp tại kim sinh

Nhị linh nhất tứ niên cửu nguyệt thập tứ nhật

Diễn nghĩa:

Vân du

Du ngoạn tám phương làm bạn với gió mát
Gặp nạn [nên] khó về đến cửa nhà
Đến đi không vương vấn [mà] chỉ có Pháp
Không danh, không lợi, tâm không tranh [giành]
Đêm khuya đọc sách [lấy] trăng làm đèn
[Lấy] trời làm màn, [lấy] đất làm giường khắp phòng là [ánh] sao
Phiêu bạt trần thế giảng chân tướng
Trợ Sư chính Pháp tại đời này

Ngày 14 tháng 09 năm 2014

大法徒的心

你的眼睛帶著深情
我還你一笑講真相的腳步卻沒停
你的話中帶著溫馨
我總是裝作不明
大法徒在迫害中飄零
怎能再添一份擔心痛苦不寧
我只能把它藏在心靈
兑現我對神的承諾——救人世間行

二零一四年九月二十三日

Phiên âm:

Đại Pháp Đồ Đích Tâm

Nhĩ đích nhãn tình đới trước thâm tình
Ngã hoàn nhĩ nhất tiếu giảng chân tướng đích cước bộ khước một đình
Nhĩ đích thoại trung đới trước ôn hấn
Ngã tổng thị trang tác bất minh
Đại Pháp đồ thị bách hại trung phiêu linh
Chẩm năng tái thiêm nhất phần đam tâm thống khổ bất ninh
Ngã chỉ năng bả tha tàng tại tâm linh
Đoái hiện ngã đối Thần đích thừa nặc ─ cứu nhân thế gian hành

Nhị linh nhất tứ niên cửu nguyệt nhị thập tam nhật

Diễn nghĩa:

Tâm của đồ đệ Đại Pháp

Mắt của em mang theo thâm tình

Tôi cười đáp lại em, bước chân giảng chân tướng vẫn không dừng

Lời của em mang theo [sự] ấm áp

Tôi thường giả bộ như không hiểu

Đồ đệ Đại Pháp phiêu bạt trong bức hại

Làm sao có thể lại thêm một phần lo lắng đau khổ không yên

Tôi chỉ có thể cất giữ nó trong tâm

Thực hiện lời hứa của tôi đối với Thần — cứu nhân thế gian hành

Ngày 23 tháng 09 năm 2014

為你放聲歌唱

我為你放聲歌唱
為了你不在危難中迷蕩
喚醒你久遠的記憶
你會看到生命的希望
天地與神是創世主開創
再讓眾神把人造在地上
當生命掉下時把人當
消去罪業重返天堂
我唱的是真相
大難前創世主已把天門大放

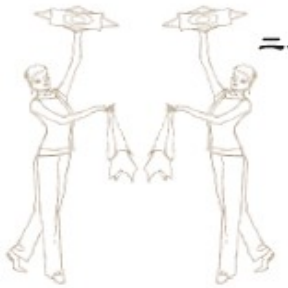

二零一四年十月十五日

Phiên âm:

Vi Nhĩ Phóng Thanh Ca Xướng

Ngã vi nhĩ phóng thanh ca xướng
Vi liễu nhĩ bất tại nguy nạn trung mê đãng
Hoán tỉnh nhĩ cửu viễn đích ký ức
Nhĩ hội khán đáo sinh mệnh đích hy vọng
Thiên địa dữ Thần thị Sáng Thế Chủ khai sáng
Tái nhượng chúng Thần bả nhân tạo tại địa thượng
Đương sinh mệnh điệu hạ thời bả nhân đương
Tiêu khứ tội nghiệp trùng phản Thiên đường
Ngã xướng đích thị chân tướng
Đại nạn tiền Sáng Thế Chủ dĩ bả thiên môn đại phóng

Nhị linh nhất tứ niên thập nguyệt thập ngũ nhật

Diễn nghĩa:

Hát vang lên vì bạn

Tôi hát vang lên vì bạn
Vì để bạn không mê mang trong nguy nan
Đánh thức ký ức xa xưa của bạn
Bạn sẽ nhìn thấy hy vọng của sinh mệnh
Thiên địa và Thần là [do] Sáng Thế Chủ khai sáng
[Rồi] lại để chúng Thần tạo ra con người trên địa cầu
Khi sinh mệnh rớt xuống làm người
[Để] tiêu trừ tội nghiệp [rồi] lại quay về Thiên đường
[Điều] tôi hát là chân tướng
Trước đại nạn Sáng Thế Chủ đã mở rộng cổng trời

Ngày 15 tháng 10 năm 2014

倒出邪黨的灌輸

現實總是改變你的路
冥冥中有定數
是你迷中忘了來世的原故
名利情使你亂了腳步
紅魔用謊言引你入魔性歧途
放下邪黨的定義理念
得法回天才是你的歸宿

二零一四年十一月十日

Phiên âm:

Đảo Xuất Tà Đảng Đích Quán Thâu

Hiện thực chung thị cải biến nhĩ đích lộ
Minh minh trung hữu định số
Thị nhĩ mê trung vong liễu lai thế đích nguyên cố
Danh lợi tình sử nhĩ loạn liễu cước bộ
Hồng ma dụng hoang ngôn dẫn nhĩ nhập ma tính kỳ đồ
Phóng hạ tà đảng đích định nghĩa lý niệm
Đắc Pháp hồi thiên tài thị nhĩ đích quy túc

Nhị linh nhất tứ niên thập nhất nguyệt thập nhật

Diễn nghĩa:

Đổ đi những gì tà đảng nhồi nhét

Hiện thực vẫn luôn thay đổi con đường của bạn

Trong những điều chưa rõ là có định số

Là bạn ở trong mê [mà] quên mất lý do đến thế gian

Danh lợi tình khiến cho bạn đi loạn bước chân

Ma đỏ dùng lời dối trá dẫn bạn đi vào con đường chính trị ma tính

[Hãy] bỏ hết lý niệm định nghĩa của tà đảng

Đắc Pháp hồi thiên mới là chốn về của bạn

Ngày 10 tháng 11 năm 2014

催 促

聽我用歌聲向你講訴
旋律間是慈悲與救度
人生的路還有多遠
看真相能破迷明目
神不會把敗世留住
留善去惡這是劫數
神在救世人快醒悟

二零一四年十一月十二日

Phiên âm:

Thôi Xúc

Thính ngã dụng ca thanh hướng nhĩ giảng tố
Toàn luật gian thị từ bi dữ cứu độ
Nhân sinh đích lộ hoàn hữu đa viễn
Khán chân tướng năng phá mê minh mục
Thần bất hội bả bại thế lưu trụ
Lưu thiện khứ ác giá thị kiếp số
Thần tại cứu thế nhân khoái tỉnh ngộ

Nhị linh nhất tứ niên thập nhất nguyệt thập nhị nhật

Diễn nghĩa:

Thúc giục

[Hãy] nghe tôi dùng tiếng hát để nói cho bạn
Trong giai điệu là từ bi và cứu độ
Con đường nhân sinh còn có bao xa
Xem chân tướng có thể phá mê sáng tỏ
Thần sẽ không lưu lại những gì làm bại hoại thế gian
Giữ lại thiện, bỏ đi cái ác đó là kiếp số
Thần đang cứu thế con người hãy mau tỉnh ngộ

Ngày 12 tháng 11 năm 2014

對 聯

法正大宮
主佛一念造洪宇
法正乾坤新天地

二零一四年十一月十二日

Phiên âm:

Đối Liên

Pháp chính đại khung
Chủ Phật nhất niệm tạo hồng vũ
Pháp chính càn khôn tân thiên địa

Nhị linh nhất tứ niên thập nhất nguyệt thập nhị nhật

Diễn nghĩa:

Câu đối

Pháp chính đại khung
Chủ Phật một niệm tạo ra vũ trụ rộng lớn
Pháp chính càn khôn thiên địa mới

Ngày 12 tháng 11 năm 2014

對 聯

洪恩再造
大法開創天地萬物
法王主掌乾坤眾生

二零一四年十一月十二日

Phiên âm:

Đối Liên

Hồng ân tái tạo
Đại Pháp khai sáng thiên địa vạn vật
Pháp Vương chủ chưởng càn khôn chúng sinh

Nhị linh nhất tứ niên thập nhất nguyệt thập nhị nhật

Diễn nghĩa:

Câu đối

Hồng ân tái tạo
Đại Pháp khai sáng thiên địa vạn vật
Pháp Vương nắm giữ chúng sinh [trong] trời đất

Ngày 12 tháng 11 năm 2014

對 聯

神佛在世
日出霞光散浮雲
念正心寬化險夷

二零一四年十一月十二日

Phiên âm:

Đối Liên

Thần Phật tại thế
Nhật xuất hà quang tán phù vân
Niệm chính tâm khoan hóa hiểm di

Nhị linh nhất tứ niên thập nhất nguyệt thập nhị nhật

Diễn nghĩa:

Câu đối

Thần Phật tại thế gian
Mặt trời lên mây quang tan sương khói
Niệm chính tâm rộng mở hóa giải hiểm nguy

Ngày 12 tháng 11 năm 2014

使 命

夢中我回到了天上
聖境的美好久久難忘
原來無神論是彌天大謊
傳說的神都在天上
我不想再回到人的皮囊
神說美好已不久長
解救的大法正在世上洪揚
找到他生命才有希望
人帶著各自天國囑託生到世上
那些天國都在期盼他們的王
我知道了自己的使命
人生不再迷茫

二零一四年十一月十四日

Phiên âm:

Sứ Mệnh

Mộng trung ngã hồi đáo liễu Thiên thượng
Thánh cảnh đích mỹ hảo cửu cửu nan vong
Nguyên lai vô thần luận thị di thiên đại hoang
Truyền thuyết đích Thần đô tại Thiên thượng
Ngã bất tưởng tái hồi đáo nhân đích bì nang
Thần thuyết mỹ hảo dĩ bất cửu trường
Giải cứu đích Đại Pháp chính tại thế thượng hồng dương
Trảo đáo Tha sinh mệnh tài hữu hy vọng
Nhân đới trước các tự Thiên quốc chúc thác sinh đáo thế thượng
Na ta Thiên quốc đô tại kỳ phán tha môn đích Vương
Ngã tri đạo liễu tự kỷ đích sứ mệnh
Nhân sinh bất tái mê mang

Nhị linh nhất tứ niên thập nhất nguyệt thập tứ nhật

Diễn nghĩa:

Sứ mệnh

Trong mộng tôi đã trở về Thiên thượng

Cảnh đẹp thần thánh mãi khó quên

Thì ra vô Thần luận là lừa dối tày trời

Thần trong truyền thuyết đều ở Thiên thượng

Tôi không muốn lại trở về với túi da người

Thần nói [rằng] [những thứ] tốt đẹp đã không còn lâu nữa

Đại Pháp có thể giải cứu đang được hồng dương tại thế gian

Tìm được Ông [thì] sinh mệnh mới có hy vọng

Con người mang theo [sự] phó thác từ các Thiên quốc của mình đến thế gian

Những Thiên quốc đó đều đang chờ đợi Vương của họ

Tôi đã biết rõ sứ mệnh của mình

Đời người không còn mê mang nữa

Ngày 14 tháng 11 năm 2014

我幫你清洗

大法徒已告訴你謎底
真正被毒害的是大眾是你
聽信謊言將隨紅魔解體
講真相救人這慈悲出自我心裏
沒有報酬寒冷中經常早起
顧不上吃飯酷熱也不休息
救人頂著的是恐怖與壓力
因為我對神承諾危難時喚醒你
你從天上來得大法是目地
那會使你天國眾生把劫難躲避
這是你下世當人的緣起
別被紅魔用黨文化把腦洗
你天國的眾生在盼望

二零一四年十二月二日

Phiên âm:

Ngã Bang Nhĩ Thanh Tẩy

Đại Pháp đồ dĩ cáo tố nhĩ mê để
Chân chính bị độc hại đích thị đại chúng thị nhĩ
Thính tín hoang ngôn tương tùy hồng ma giải thể
Giảng chân tướng cứu nhân giá từ bi xuất tự ngã tâm lý
Một hữu báo thù hàn lãnh trung kinh thường tảo khởi
Cố bất thượng cật phạn khốc nhiệt dã bất hưu tức
Cứu nhân đính trước đích thị khủng bố dữ áp lực
Nhân vi ngã đối Thần thừa nặc nguy nạn thời hoán tỉnh nhĩ
Nhĩ tùng Thiên thượng lai đắc Đại Pháp thị mục địa
Na hội sử nhĩ Thiên quốc chúng sinh bả kiếp nạn đóa tị
Giá thị nhĩ hạ thế đương nhân đích duyên khởi
Biệt bị hồng ma dụng đảng văn hóa bả não tẩy
Nhĩ Thiên quốc đích chúng sinh tại phán vọng

Nhị linh nhất tứ niên thập nhị nguyệt nhị nhật

Diễn nghĩa:

Tôi giúp bạn thanh tẩy

Đồ đệ Đại Pháp đã nói cho bạn câu trả lời
Thực sự bị đầu độc là đại chúng, là bạn
Nghe theo lời dối trá sẽ bị giải thể theo ma đỏ
Giảng chân tướng cứu người, sự từ bi này xuất ra từ nội tâm của tôi
Không [hề] có thù lao, thường xuyên dậy sớm trong giá lạnh
Không quan tâm đến ăn uống, [trời] nóng bức cũng không nghỉ ngơi
Cứu người [phải] đương đầu với khủng bố và áp lực
Bởi vì tôi đã hứa với Thần sẽ đánh thức bạn lúc nguy nan
Mục đích của bạn từ Thiên thượng xuống là để đắc Đại Pháp
Điều đó sẽ khiến chúng sinh trong Thiên quốc của bạn tránh
được kiếp nạn
Đây là căn nguyên mà bạn hạ thế làm người
Đừng bị ma đỏ dùng văn hóa đảng tẩy não [bạn]
Chúng sinh trong Thiên quốc của bạn đang mong đợi

Ngày 02 tháng 12 năm 2014

一揮間

風蕭蕭
雲飄飄
紅潮惡浪擋不住
慈航苦度巨難消
逆風萬里遥
來時紅花如血澆
歸時黃花遍地嬌

二零一四年十二月三日

Phiên âm:

Nhất Huy Gian

Phong tiêu tiêu
Vân phiêu phiêu
Hồng triều ác lãng đáng bất trụ
Từ hàng khổ độ cự nạn tiêu
Nghịch phong vạn lý diêu
Lai thời hồng hoa như huyết kiêu
Quy thời hoàng hoa biến địa kiều

Nhị linh nhất tứ niên thập nhị nguyệt tam nhật

Diễn nghĩa:

Chỉ trong một cái huơ tay

Gió hiu hiu

Mây bồng bềnh

Sóng dữ [của] triều đại đỏ không cản nổi

Con thuyền từ bi khổ độ tiêu trừ nạn lớn

Ngược gió [đi] xa nghìn dặm

Khi đến, hoa đỏ như máu đổ

Khi về, hoa vàng nở khắp nơi

Ngày 03 tháng 12 năm 2014

坐觀紅塵

長空浮著烏色的雲
山風吹過湖光潾
盤坐山亭身神定
靜觀塵世大劫臨
紅朝已落分善惡
快找生路把法尋
身在世外憂天下
當今世人是天神

二零一四年十二月四日

Phiên âm:

Tọa Quan Hồng Trần

Trường không phù trước ô sắc đích vân
Sơn phong xuy quá hồ quang lân
Bàn tọa sơn đình thân thần định
Tĩnh quan trần thế đại kiếp lâm
Hồng triều dĩ lạc phân thiện ác
Khoái trảo sinh lộ bả Pháp tầm
Thân tại thế ngoại ưu thiên hạ
Đương kim thế nhân thị thiên Thần

Nhị linh nhất tứ niên thập nhị nguyệt tứ nhật

Diễn nghĩa:

Ngồi xem hồng trần

Trời cao nổi lên mây sắc đen
Gió núi thổi qua hồ nước trong veo
Ngồi xếp bằng ở sơn đình, thân - thần định
Tĩnh lặng quan sát trần thế đại kiếp [đang] đến gần
Triều đại đỏ đã tàn [hãy] phân [biệt] thiện ác
Mau tìm đường sống, tìm đến Pháp
Thân ở ngoài thế gian, lo lắng việc thiên hạ
Con người thế gian hiện nay là Thần trên trời

Ngày 04 tháng 12 ngày 2014

你的眾生在等你

你已知道迫害的謎底
打壓中毒害的是你
信謊言將隨紅魔解體
我對神承諾喚醒你
你來世得大法是目地
為你天國眾生把難避
這是你來當人的緣起
別叫欺世紅魔害自己
了解真相你的眾生在等你

二零一四年十二月十一日

Phiên âm:

Nhĩ Đích Chúng Sinh Tại Đẳng Nhĩ

Nhĩ dĩ tri đạo bách hại đích mê để
Đả áp trung độc hại đích thị nhĩ
Tín hoang ngôn tương tùy hồng ma giải thể
Ngã đối Thần thừa nặc hoán tỉnh nhĩ
Nhĩ lai thế đắc Đại Pháp thị mục địa
Vi nhĩ Thiên quốc chúng sinh bả nạn tị
Giá thị nhĩ lai đương nhân đích duyên khởi
Biệt khiếu khi thế hồng ma hại tự kỷ
Liễu giải chân tướng nhĩ đích chúng sinh tại đẳng nhĩ

Nhị linh nhất tứ niên thập nhị nguyệt thập nhất nhật

Diễn nghĩa:

Chúng sinh của bạn đang đợi bạn

Bạn đã biết được đáp án của [cuộc] bức hại
Trong đàn áp [bị] đầu độc là bạn
Tin lời dối trá sẽ bị giải thể theo ma đỏ
Tôi đã hứa với Thần [sẽ] đánh thức bạn
Mục đích bạn đến thế gian là [để] đắc Đại Pháp
Vì chúng sinh trong Thiên quốc của bạn tránh khỏi nạn
Đây là căn nguyên mà bạn đến làm người
Đừng để ma đỏ lừa gạt thế giới hại chính mình
Liễu giải chân tướng, chúng sinh của bạn đang đợi bạn

Ngày 04 tháng 12 năm 2014

回天路

朋友為何你只顧忙碌
人類已走上危險的路
無神論毀了人的歸宿
進化論是謊言是毒素
科學是輸掉人類的賭注
紅魔也把邪惡向人灌輸
大法徒在把真相揭露
因為你曾經向神求助
結束前領上你回天路

二零一五年一月二日

Phiên âm:

Hồi Thiên Lộ

Bằng hữu vi hà nhĩ chỉ cố mang lục
Nhân loại dĩ tẩu thượng nguy hiểm đích lộ
Vô thần luận hủy liễu nhân đích quy túc
Tiến hóa luận thị hoang ngôn thị độc tố
Khoa học thị thâu điệu nhân loại đích đổ chú
Hồng ma dã bả tà ác hướng nhân quán thâu
Đại Pháp đồ tại bả chân tướng yết lộ
Nhân vi nhĩ tằng kinh hướng Thần cứu trợ
Kết thúc tiền lĩnh thượng nhĩ hồi thiên lộ

Nhị linh nhất ngũ niên nhất nguyệt nhị nhật

Diễn nghĩa:

Con đường về trời

Bạn ơi, tại sao bạn chỉ biết đến bận rộn
Nhân loại đã đi trên con đường nguy hiểm
Vô Thần luận hủy đi chốn về của con người
Tiến hóa luận là lời dối trá, là độc tố
Khoa học là tiền thua cược của nhân loại
Ma đỏ cũng nhồi nhét [sự] tà ác vào con người
Đồ đệ Đại Pháp đang tiết lộ chân tướng
Bởi vì bạn đã từng cầu xin Thần giúp đỡ
Trước khi kết thúc dẫn bạn lên đường trở về trời

Ngày 02 tháng 01 năm 2015

醒來吧中華民族

六十五年後的中國已不國
粉飾太平的高調還在蠱惑
藍藍的天飄著白白的雲
在過去的記憶中有過
綠色的山野清澈的小河
人們聽過父輩的傳說
那時一伙流氓引來了紅禍
殺掉了中華民族的精英
焚毀民族幾千年的文物古貨
否定著歷史人性傳統
五千年的文明從此衰落
清醒吧中國人
解體這惡鬼紅魔
回歸那天朝古國

二零一五年一月

Phiên âm:

Tỉnh Lai Ba Trung Hoa Dân Tộc

Lục thập ngũ niên hậu đích Trung Quốc dĩ bất quốc
Phấn sức thái bình đích cao điệu hoàn tại cổ hoặc
Lam lam đích thiên phiêu trước bạch bạch đích vân
Tại quá khứ đích ký ức trung hữu quá
Lục sắc đích sơn dã thanh triệt đích tiểu hà
Nhân môn thính quá phụ bối đích truyền thuyết
Na thời nhất hỏa lưu manh dẫn lai liễu hồng họa
Sát điệu liễu Trung Hoa dân tộc đích tinh anh
Phần hủy dân tộc kỷ thiên niên đích văn vật cổ hóa
Phủ định trước lịch sử nhân tính truyền thống

Ngũ thiên niên đích văn minh tòng thử suy lạc
Thanh tỉnh ba Trung Quốc nhân
Giải thể giá ác quỷ hồng ma
Hồi quy na Thiên triều cổ quốc

Nhị linh nhất ngũ niên nhất nguyệt

Diễn nghĩa:

Tỉnh lại đi dân tộc Trung Hoa

Trung Quốc sau 65 năm đã không phải là quốc gia [như cũ]
Giọng điệu về thái bình giả tạo vẫn đang mê hoặc
Áng mây trăng trắng bay trên bầu trời xanh xanh
Trong ký ức quá khứ đã từng có
Núi rừng xanh mướt [với] [dòng] sông nhỏ trong veo
Mọi người từng nghe truyền thuyết [từ] cha ông [kể lại]
Khi đó một nhóm lưu manh đã mang đến tai họa đỏ
Giết hết tinh anh của dân tộc Trung Hoa
Thiêu hủy văn vật, đồ cổ mấy nghìn năm của dân tộc
Phủ định lịch sử, nhân tính và truyền thống
Năm nghìn năm văn minh từ đó suy yếu
Hãy tỉnh lại đi, người Trung Quốc
Giải thể ma đỏ và ác quỷ này
Trở về với Thiên triều cổ quốc

Tháng 01 năm 2015

神韻帶我回漢廷

寬袍大袖舞豪情
陽剛正氣唐宋明
大漢壯歌威風在
騰飛翻旋身法靈
靜女仙妹秀長綾
疑是飛天落廣庭
純真純善美中醉
婀娜翩躚玉步婷
神韻帶我回漢廷

寫給零七班
二零一五年

Phiên âm:

Thần Vận Đới Ngã Hồi Hán Đình

Khoan bào đại tụ vũ hào tình
Dương cương chính khí Đường Tống Minh
Đại Hán tráng ca uy phong tại
Đằng phi phiên toàn thân pháp linh
Tĩnh nữ Tiên muội tú trường lăng
Nghi thị phi thiên lạc quảng đình
Thuần chân thuần thiện mỹ trung túy
A na phiên tiên ngọc bộ đình
Thần Vận đới ngã hồi Hán đình

Tả cấp Linh Thất ban
Nhị linh nhất ngũ niên

Diễn nghĩa:

Thần Vận đưa tôi trở về Triều đình nhà Hán

Áo bào rộng, ống tay lớn với điệu múa hào hùng
Cường tráng chính khí - [triều] Đường - [triều] Tống - [triều] Minh
Đại Hán giọng ca mạnh mẽ uy phong
Bay cao nhào lộn xoay người thân pháp linh hoạt
Cô gái hiền thục như tiên nữ thanh tú với dải lụa dài
Ngỡ là phi thiên hạ xuống đình lớn
Say trong vẻ đẹp thuần chân, thuần thiện
Dáng ngọc bước đi nhẹ nhàng thướt tha
Thần Vận đưa tôi trở về [triều] đình [nhà] Hán

Viết cho lớp 07

Năm 2015

神韻秀出仙界在人間

華服美景襯飛仙
嬌雅靈秀舞翩躚
壯士奇功展古今
仙樂聖曲傳雲天
瓊臺飄飄透霞煙
無瑕佳麗彩裙翩
男兒漢服蕩豪情
秀出仙界在人間

寫給零八班
二零一五年

Phiên âm:

Thần Vận Tú Xuất Tiên Giới Tại Nhân Gian

Hoa phục mỹ cảnh sấn phi Tiên
Kiều nhã linh tú vũ phiên tiên
Tráng sĩ kỳ công triển cổ kim
Tiên nhạc thánh khúc truyền vân thiên
Quỳnh đài phiêu phiêu thấu hà yên
Vô hà giai lệ thải quần phiên
Nam nhi Hán phục đãng hào tình
Tú xuất Tiên giới tại nhân gian

Tả cấp Linh Bát ban
Nhị linh nhất ngũ niên

Diễn nghĩa:

Thần Vận mang đến tiên cảnh tại nhân gian

Trang phục hoa lệ, cảnh đẹp làm tôn lên tiên nữ bay lượn
Yêu kiều tao nhã nhảy múa bay bổng
Tráng sĩ thân pháp phi phàm triển hiện cổ kim
Tiên nhạc Thánh khúc truyền lên tận trời mây
Sân khấu bồng bềnh thấu qua mây khói
[Thiếu nữ] đẹp không tỳ vết nhảy múa trong chiếc váy đầy sắc màu
Nam nhi trong trang phục [thời] Hán khí chất anh hào
Mang đến tiên cảnh tại nhân gian

Viết cho lớp 08

Năm 2015

神韻秀古風

仙樂麗影裙擺蕩
華服男兒豪情漲
周漢唐明舞中現
時光倒流盡遊暢
天真少女群花靚
壯士騰舞正氣昂
華夏古風展全球
回歸傳統百花放
神韻舞臺秀古風

寫給零九班
二零一五年

Phiên âm:

Thần Vận Tú Cổ Phong

Tiên nhạc lệ ảnh quần bãi đãng
Hoa phục nam nhi hào tình trướng
Chu Hán Đường Minh vũ trung hiện
Thời quang đảo lưu tận du sướng
Thiên chân thiếu nữ quần hoa tịnh
Tráng sĩ đằng vũ chính khí ngang
Hoa Hạ cổ phong triển toàn cầu
Hồi quy truyền thống bách hoa phóng
Thần Vận vũ đài tú cổ phong

Tả cấp Linh Cửu ban

Nhị linh nhất ngũ niên

Diễn nghĩa:

Thần Vận diễn xuất phong cách cổ

Tiên nhạc, thân ảnh diễm lệ xoay động trong váy xòe rộng
Nam nhi trong trang phục Trung Hoa khí khái hào hùng
[Các triều] Chu - Hán - Đường - Minh thể hiện trong điệu múa
Ngược dòng thời gian, du ngoạn thỏa thích khôn cùng
Thiếu nữ thiên chân xinh đẹp như hoa
Tráng sĩ bay nhảy chính khí hiên ngang
Phong cách cổ Trung Hoa triển hiện khắp toàn cầu
Trở về truyền thống trăm hoa khai nở
Vũ đài Thần Vận diễn xuất phong cách cổ

Viết cho lớp 09

Năm 2015

神韻打開傳統門

藍天白雲襯佳人
嫩柳仙姿不染塵
千嬌百媚出自然
鮮荷帶露群芳純
氣宇軒昂萬古魂
壯士飛舞天朝臣
華夏自古多英豪
翻轉騰旋人半神
神韻打開傳統門

寫給一三班
二零一五年一月

Phiên âm:

Thần Vận Đả Khai Truyền Thống Môn

Lam thiên bạch vân sấn giai nhân
Nộn liễu Tiên tư bất nhiễm trần
Thiên kiều bách mị xuất tự nhiên
Tiên hà đới lộ quần phương thuần
Khí vũ hiên ngang vạn cổ hồn
Tráng sĩ phi vũ thiên triều thần
Hoa Hạ tự cổ đa anh hào
Phiên chuyển đằng toàn nhân bán Thần

Thần Vận đả khai truyền thống môn

Tả cấp Nhất Tam ban

Nhị linh nhất ngũ niên nhất nguyệt

Diễn nghĩa:

Thần Vận mở ra cánh cửa truyền thống

Trời xanh mây trắng làm tôn lên mỹ nhân
Dáng dấp tiên nhân như liễu không nhuốm hồng trần
Thiên kiều bách mị [mà] rất tự nhiên
Những đóa hoa sen tươi đầy sương [với] hương thơm thuần khiết
Khí khái hiên ngang hồn vạn cổ
Tráng sĩ bay nhảy như các thần [tử] thiên triều
Hoa Hạ từ xa xưa [có] rất nhiều anh hào
Nhào lộn xoay thân, [nửa] người nửa Thần
Thần Vận mở ra cánh cửa truyền thống

Viết cho lớp 13

Tháng 01 năm 2015

Ghi chú (của dịch giả)

Thiên kiều bách mị: Hàng trăm hàng nghìn dáng vẻ khả ái, xinh đẹp

真 誠

我心中那份友情
是那樣的真誠
大法徒受難時
它温熱了我心中的寒冷
當我艱難中
這友情幫我更加堅定
我要把真相告訴你
我的使命無比神聖
我會把你的真誠化作生命的新生

二零一五年二月

Phiên âm:

Chân Thành

Ngã tâm trung na phần hữu tình
Thị na dạng đích chân thành
Đại Pháp đồ thụ nạn thời
Tha ôn nhiệt liễu ngã tâm trung đích hàn lãnh
Đương ngã gian nan trung
Giá hữu tình bang ngã cánh gia kiên định
Ngã yếu bả chân tướng cáo tố nhĩ
Ngã đích sứ mệnh vô tỷ thần thánh
Ngã hội bả nhĩ đích chân thành hóa tác sinh mệnh đích tân sinh

Nhị linh nhất ngũ niên nhị nguyệt

Diễn nghĩa:

Chân thành

Tình bạn đó trong tâm tôi
Là điều chân thành đến thế
Khi đồ đệ Đại Pháp chịu nạn
Nó sưởi ấm sự lạnh lẽo trong tim tôi
Khi tôi đang gặp khó khăn
Tình bạn này giúp tôi càng thêm kiên định
Tôi muốn nói chân tướng cho bạn
Sứ mệnh của tôi vô cùng Thần Thánh
Tôi sẽ khiến sự chân thành của bạn hóa thành sự hồi sinh của sinh mệnh

Tháng 02 năm 2015

再興邦

在大海的另一方
那是我久別的故鄉
五千年神傳文化無比輝煌
山川秀美麗人花香
大法洪傳普照佛光
紅魔欲擋搗海翻江
山不再綠
水不再流
天不再藍
米不再香
大法徒救眾生把難當
紅潮退傳真相
復興傳統再興邦

二零一五年二月二十二日

Phiên âm:

Tái Hưng Bang

Tại đại hải đích lánh nhất phương
Na thị ngã cửu biệt đích cố hương
Ngũ thiên niên Thần truyền văn hóa vô tỷ huy hoàng
Sơn xuyên tú mỹ lệ nhân hoa hương
Đại Pháp hồng truyền phổ chiếu Phật quang
Hồng ma dục đáng đảo hải phiên giang
Sơn bất tái lục
Thủy bất tái lưu
Thiên bất tái lam
Mễ bất tái hương

Đại Pháp đồ cứu chúng sinh bả nạn đương
Hồng triều thoái truyền chân tướng
Phục hưng truyền thống tái hưng bang

Nhị linh nhất ngũ niên nhị nguyệt nhị thập nhị nhật

Diễn nghĩa:

[Làm] hưng thịnh lại đất nước

Ở phía bên kia của biển lớn
Đó là quê hương mà tôi cách biệt từ lâu
Văn hóa Thần truyền năm nghìn năm huy hoàng vô tỷ
Sông núi mỹ lệ, người đẹp, hoa thơm
Đại Pháp hồng truyền phổ chiếu Phật quang
Ma đỏ muốn chặn [khiến] sông biển đảo lộn
Núi không còn biếc
Nước không còn chảy
Trời không còn xanh
Gạo không còn thơm
Đồ đệ Đại Pháp chịu nạn cứu chúng sinh
Triều đại đỏ thoái [lui], chân tướng truyền [ra]
Phục hưng truyền thống [rồi] làm hưng thịnh lại đất nước

Ngày 22 tháng 02 năm 2015

再一次選擇

我為何把真相講給你聽
謊言毒害了太多的眾生
紅魔為何傾盡國力打壓法輪功
它知道末後大法救人叫你理不清
你是被它用謊言欺騙的大眾
可是末劫救人神有規定
打壓中不作聲的不救度
助紂為虐詆毀者已在淘汰中
慈悲是神的天性
創世主要再給人一次選擇
為了眾生能得救
我要頂著迫害喚回你的生命

二零一五年三月一日

Phiên âm:

Tái Nhất Thứ Tuyển Trạch

Ngã vi hà bả chân tướng giảng cấp nhĩ thính
Hoang ngôn độc hại liễu thái đa đích chúng sinh
Hồng ma vi hà khuynh tận quốc lực đả áp Pháp Luân Công
Tha tri đạo mạt hậu Đại Pháp cứu nhân khiếu nhĩ lý bất thanh
Nhĩ thị bị tha dụng hoang ngôn khi phiến đích đại chúng
Khả thị mạt kiếp cứu nhân Thần hữu quy định
Đả áp trung bất tác thanh đích bất cứu độ
Trợ Trụ vi ngược để hủy giả dĩ tại đào thải trung
Từ bi thị Thần đích thiên tính
Sáng Thế Chủ yếu tái cấp nhân nhất thứ tuyển trạch
Vi liễu chúng sinh năng đắc cứu
Ngã yếu đính trước bách hại hoán hồi nhĩ đích sinh mệnh

Nhị linh nhất ngũ niên tam nguyệt nhất nhật

Diễn nghĩa:

Lựa chọn một lần lữa

Vì sao tôi lại giảng chân tướng cho bạn nghe
Lời dối trá đầu độc quá nhiều chúng sinh
Ma đỏ vì sao dốc hết quốc lực [để] đàn áp Pháp Luân Công
Nó biết đến mạt hậu Đại Pháp cứu người, [nên] khiến bạn mơ hồ
Bạn là đại chúng bị nó dùng lời dối trá lừa gạt
Nhưng Thần có quy định vào thời mạt kiếp cứu người
Trong [cuộc] đàn áp [mà] không lên tiếng [thì] không cứu độ
Trợ Trụ vi ngược [giúp] những kẻ phỉ báng đã đang bị đào thải
Từ bi là thiên tính của Thần
Sáng Thế Chủ muốn cho con người lựa chọn một lần nữa
Vì để chúng sinh có thể đắc cứu
Tôi phải chống lại [cuộc] bức hại kêu gọi sinh mệnh bạn trở về

Ngày 01 tháng 03 năm 2015

領你回天堂

我的歌是你久等的真相
人類的危難是因道德變了樣
無神論是撒旦散佈的大謊
進化之說是憑空的遐想
科學把人類領入危險的航向
宇宙是創世主的傑作
人是他叫神造在地上
我們是在等他領回天堂
別被紅魔欺騙
迫害打壓是叫人自毀希望
大法弟子是神的使者
正在把人領回神指的路上

二零一五年三月六日

Phiên âm:

Lĩnh Nhĩ Hồi Thiên Đường

Ngã đích ca thị nhĩ cửu đẳng đích chân tướng
Nhân loại đích nguy nạn thị nhân đạo đức biến liễu dạng
Vô Thần luận thị Tát Đán tán bố đích đại hoang
Tiến hóa chi thuyết thị bằng không đích hà tưởng
Khoa học bả nhân loại lĩnh nhập nguy hiểm đích hàng hướng
Vũ trụ thị Sáng Thế Chủ đích kiệt tác
Nhân thị tha khiếu Thần tạo tại địa thượng
Ngã môn thị tại đẳng Tha lĩnh hồi Thiên đường
Biệt bị hồng ma khi phiến
Bách hại đả áp thị khiếu nhân tự hủy hy vọng
Đại Pháp đệ tử thị Thần đích sứ giả
Chính tại bả nhân lĩnh hồi Thần chỉ đích lộ thượng

Nhị linh nhất ngũ niên tam nguyệt lục nhật

Diễn nghĩa:

Dẫn bạn về Thiên đường

Bài hát của tôi là chân tướng [mà] bạn chờ đợi từ lâu
Nhân loại bị nguy nan là do đạo đức đã biến dạng
Vô Thần luận là lời nói dối lớn mà Sa-tăng phát tán
Thuyết tiến hóa là hoang tưởng vô căn cứ
Khoa học dẫn dắt nhân loại đi vào con đường nguy hiểm
Vũ trụ là kiệt tác của Sáng Thế Chủ
Con người là do Ông bảo Thần tạo ra trên địa cầu
Chúng ta là đang chờ đợi Ông dẫn về Thiên đường
Đừng bị ma đỏ lừa gạt
Đàn áp bức hại là khiến con người tự hủy đi hy vọng
Đệ tử Đại Pháp là sứ giả của Thần
Đang dẫn dắt con người trở về con đường mà Thần chỉ ra

Ngày 06 tháng 03 năm 2015

曙 光

萬物迎朝陽
陰邪逞不強
禍亂十五載
大地已蒼涼
人心不再古
毒到百姓糧
惡報收壞人
看誰笑的長

二零一五年三月十七日

Phiên âm:

Thự Quang

Vạn vật nghênh triều dương
Âm tà sính bất cường
Họa loạn thập ngũ tải
Đại địa dĩ thương lương
Nhân tâm bất tái cổ
Độc đáo bách tính lương
Ác báo thu hoại nhân
Khán thùy tiếu đích trường

Nhị linh nhất ngũ niên tam nguyệt thập thất nhật

Diễn nghĩa:

Ánh sáng ban mai

Vạn vật nghênh đón ánh triều dương
Âm tà cậy mạnh không được nữa
Họa loạn mười lăm năm
Đại địa đã trở nên thê lương
Nhân tâm không còn như xưa
Đầu độc cả lương thực của người dân
Ác báo bắt người xấu
Xem ai cười được lâu

Ngày 17 tháng 03 năm 2015

中國之歌

五千年的文明
神傳文化的輝煌
我們是神的子民
勤勞勇敢文明善良
深厚歷史是民族的榮耀
千古英豪星光燦爛
錦繡江山是神的恩賜
這是創世主降臨之地
救眾生復正道洪恩浩蕩
中華文明萬古流長

二零一五年三月十七日

Phiên âm:

Trung Quốc Chi Ca

Ngũ thiên niên đích văn minh
Thần truyền văn hóa đích huy hoàng
Ngã môn thị Thần đích tử dân
Cần lao dũng cảm văn minh thiện lương
Thâm hậu lịch sử thị dân tộc đích vinh diệu
Thiên cổ anh hào tinh quang xán lạn

Cẩm tú giang sơn thị Thần đích ân tứ
Giá thị Sáng Thế Chủ giáng lâm chi địa
Cứu chúng sinh phục chính Đạo hồng ân hạo đãng
Trung Hoa văn minh vạn cổ lưu trường

Nhị linh nhất ngũ niên tam nguyệt thập thất nhật

Diễn nghĩa:

Bài ca Trung Quốc

Văn minh năm nghìn năm
[Sự] huy hoàng của văn hóa Thần truyền
Chúng ta là con dân của Thần
Cần lao, dũng cảm, văn minh và thiện lương
Lịch sử thâm hậu là vinh diệu của dân tộc
Anh hào thiên cổ như ánh sao chói sáng
Giang sơn gấm vóc là [sự] ban ơn của Thần
Đây là mảnh đất mà Sáng Thế Chủ giáng lâm
Cứu chúng sinh [khôi] phục chính Đạo hồng ân hạo đãng
Văn minh Trung Hoa chảy mãi muôn đời

Ngày 17 tháng 03 năm 2015

何時醒

寒風未去
雨飄零
迫害中救人急
身體創傷
可治癒
謊言中毒難救
劫難無情
大疫有眼
別陪紅魔滅
快找真相
識善惡是俊傑
大法徒顯慈悲
為救你才受難
千辛萬苦
巨難不退
不為回報
修煉人
心願了圓滿歸

二零一五年三月十八日

Phiên âm:

Hà Thời Tỉnh

Hàn phong vị khứ

Vũ phiêu linh

Bách hại trung cứu nhân cấp

Thân thể sang thương

Khả trị dũ

Hoang ngôn trúng độc nan cứu

Kiếp nạn vô tình

Đại dịch hữu nhãn

Biệt bồi hồng ma diệt

Khoái trảo chân tướng

Thức thiện ác thị tuấn kiệt

Đại Pháp đồ hiển từ bi

Vi cứu nhĩ tài thụ nạn

Thiên tân vạn khổ
Cự nan bất thoái
Bất vi hồi báo
Tu luyện nhân
Tâm nguyện liễu viên mãn quy

Nhị linh nhất ngũ niên tam nguyệt thập bát nhật

Diễn nghĩa:

Khi nào tỉnh

Gió lạnh chưa đi
Mưa rơi rả rích
Cấp bách cứu người trong bức hại
Vết thương trên thân thể
Có thể chữa lành
[Bị] trúng độc [bởi] lời dối trá [thì] khó cứu
Kiếp nạn vô tình
Đại dịch có mắt
Chớ bị diệt cùng ma đỏ
Mau tìm chân tướng
Biết được thiện ác là tuấn kiệt
Đồ đệ Đại Pháp triển hiện từ bi
Vì cứu bạn nên mới chịu nạn
Muôn vàn đắng cay
[Trước] đại nạn không lùi bước
Không cần báo đáp
Người tu luyện
Hoàn thành tâm nguyện, viên mãn trở về

Ngày 18 tháng 03 năm 2015

神韻舞蹈

長袖揮舞仙娥嬌
身韻柔動神袖搖
仙舞聖歌美如畫
光華萬千陰霾消

二零一五年春

Phiên âm:

Thần Vận Vũ Đạo

Trường tụ huy vũ Tiên Nga kiều
Thân vận nhu động Thần tụ diêu
Tiên vũ thánh ca mỹ như họa
Quang hoa vạn thiên âm mai tiêu

Nhị linh nhất ngũ niên Xuân

Diễn nghĩa:

Vũ đạo Thần Vận

Tiên nga kiều diễm múa với tay áo dài
Thân vận uyển chuyển lay động tay áo Thần
Múa như tiên, giọng ca Thần thánh đẹp như tranh [vẽ]
Rực rỡ muôn vàn, khói mù tiêu [tan]

Mùa Xuân năm 2015

回歸正道

青山綠水古樓亭
飛天飄落舞娉婷
仙風古韻展傳統
回歸正道是光明

二零一五年三月二十五日

Phiên âm:

Hồi Quy Chính Đạo

Thanh sơn lục thủy cổ lâu đình
Phi Thiên phiêu lạc vũ phinh đình
Tiên phong cổ vận triển truyền thống
Hồi quy chính đạo thị quang minh

Nhị linh nhất ngũ niên tam nguyệt nhị thập ngũ nhật

Diễn nghĩa:

Trở về chính Đạo

Non xanh nước biếc lầu đình cổ
Phi thiên bay xuống múa tao nhã
Phong thái tiên vận vị cổ triển hiện truyền thống
Trở về chính đạo là quang minh

Ngày 25 tháng 03 năm 2015

正在救度機緣一霎那

望長空天宇大
無限繁星恆河沙
肉眼看不見漫天神佛在廣度
無神論是騙人的謊話
進化學說在把人糟蹋
科學換來的是外星控制人類代價太大
人來自天堂在世上小榻
末劫中天宇都在解體熔化
創世主在重造天上地下
萬王萬主下世當人等他救納
紅魔為掩蓋真相而瘋狂打壓
不要迷失聽信謊言欺嚇
你來世就為等救人這一霎那

二零一五年三月三十日

Phiên âm:

Chính Tại Cứu Độ Cơ Duyên Nhất Sáp Na

Vọng trường không thiên vũ đại
Vô hạn phồn tinh Hằng hà sa
Nhục nhãn khán bất kiến mạn thiên Thần Phật tại quảng hạ
Vô thần luận thị phiến nhân đích hoang thoại
Tiến hóa học thuyết tại bả nhân tao đạp
Khoa học hoán lai đích thị ngoại tinh khống chế
nhân loại đại giá thái đại
Nhân lai tự Thiên đường tại thế thượng tiểu tháp
Mạt kiếp trung thiên vũ đô tại giải thể dung hóa
Sáng Thế Chủ tại trùng tạo Thiên thượng địa hạ

Vạn Vương vạn Chủ hạ thế đương nhân đẳng Tha cứu nạp
Hồng ma vi yểm cái chân tướng nhi phong cuồng đả áp
Bất yếu mê thất thính tín hoang ngôn khi hách
Nhĩ lai thế tựu vi đẳng cứu nhân giá nhất sáp na

Nhị linh nhất ngũ niên tam nguyệt tam thập nhật

Diễn nghĩa:

Cơ duyên cứu độ trong nháy mắt

Nhìn [lên] trời cao thiên thể vũ trụ rộng lớn
Vô hạn ngôi sao dày đặc [như] cát sông Hằng
Mắt thịt nhìn không thấy Thần Phật khắp trời trong các tòa nhà lớn
Vô Thần luận là lời dối trá lừa người
Học thuyết tiến hóa đang sỉ nhục con người
Khoa học đổi lấy là người ngoài hành tinh khống chế,
nhân loại trả cái giá quá lớn
Con người đến từ Thiên đường, ở thế gian này [chỉ tá túc]
trên chiếc giường nhỏ
Trong mạt kiếp thiên thể vũ trụ đều đang giải thể dung hóa
Sáng Thế Chủ đang trùng tạo trên trời dưới đất
Vạn Vương vạn Chủ hạ thế làm người đợi Ông cứu rỗi
Ma đỏ vì che đậy chân tướng mà điên cuồng đàn áp
Đừng có mê lạc tin theo lời dối trá lừa gạt dọa nạt
Bạn đến thế gian chỉ vì đợi đến giây phút cứu người này thôi

Ngày 30 tháng 03 năm 2015

靈不靈

善惡有報天理明
滿天神佛觀人行
迫害法徒罪滔天
現世就報靈不靈

二零一五年四月三日

Phiên âm:

Linh Bất Linh

Thiện ác hữu báo thiên lý minh
Mãn thiên Thần Phật quan nhân hành
Bách hại Pháp đồ tội thao thiên
Hiện thế tựu báo linh bất linh

Nhị linh nhất ngũ niên tứ nguyệt tam nhật

Diễn nghĩa:

Có linh hay không

Thiện ác hữu báo Thiên lý rõ ràng
Khắp trời Thần Phật quan sát hành vi con người
Bức hại đồ đệ Đại Pháp tội tày trời
Kiếp này sẽ báo ứng, có linh hay không

Ngày 03 tháng 04 năm 2015

怎麼辦

天無道在解體
地無德眾災起
人心變無底限
大難到誰管你

二零一五年四月二十

Phiên âm:

Chẩm Ma Biện

Thiên vô Đạo tại giải thể
Địa vô Đức chúng tai khởi
Nhân tâm biến vô để hạn
Đại nạn đáo thùy quản nhĩ

Nhị linh nhất ngũ niên tứ nguyệt nhị thập nhị nhật

Diễn nghĩa:

Phải làm sao

Trời vô Đạo đang giải thể
Đất vô đức các loại tai họa nổi lên
Nhân tâm biến đổi không có giới hạn
Đại nạn đến [thì] ai quản bạn

Ngày 22 tháng 04 năm 2015

明白真相已被救

眾神失道天解體
世人無德大難起
創世主已來世間
再造乾坤傳法理

人多神來不識己
求救重塑來這裏
明白真相洗生命
正念一出已救你

二零一五年四月二十三日

Phiên âm:

Minh Bạch Chân Tướng Dĩ Bị Cứu

Chúng Thần thất Đạo thiên giải thể
Thế nhân vô Đức đại nạn khởi
Sáng Thế Chủ dĩ lai thế gian
Tái tạo càn khôn truyền Pháp lý

Nhân đa Thần lai bất thức kỷ
Cầu cứu trùng tố lai giá lý
Minh bạch chân tướng tẩy sinh mệnh
Chính niệm nhất xuất dĩ cứu nhĩ

Nhị linh nhất ngũ niên tứ nguyệt nhị thập tam nhật

Diễn nghĩa:

Minh bạch chân tướng đã được cứu

Chúng thần mất Đạo, trời giải thể
Thế nhân vô đức đại nạn nổi lên
Sáng Thế Chủ đã đến thế gian
Tái tạo càn khôn truyền Pháp lý

Con người đa phần là Thần đến, [nhưng] không còn biết mình là ai
Cầu cứu tái tạo [Thần thể] [nên] đến đây
Minh bạch chân tướng gột rửa sinh mệnh
Chính niệm xuất ra [là] bạn đã được cứu

Ngày 23 tháng 04 năm 2015

我們展現的是真相

為救眾生我們在遠航
飛過平原高山和海洋
傳遞著創世主的招喚
展現神傳文化的輝煌

舞臺上我把真相傳揚
多少人醒悟不再迷茫
喚醒眾生是我的使命
大法徒在救人回天堂

二零一五年四月二十八日

Phiên âm:

Ngã Môn Triển Hiện Đích Thị Chân Tướng

Vi cứu chúng sinh ngã môn tại viễn hàng
Phi quá bình nguyên cao sơn hòa hải dương
Truyền đệ trước Sáng Thế Chủ đích chiêu hoán
Triển hiện Thần truyền văn hóa đích huy hoàng

Vũ đài thượng ngã bả chân tướng truyền dương
Đa thiểu nhân tỉnh ngộ bất tái mê mang
Hoán tỉnh chúng sinh thị ngã đích sứ mệnh
Đại Pháp đồ tại cứu nhân hồi Thiên đường

Nhị linh nhất ngũ niên tứ nguyệt nhị thập bát nhật

Diễn nghĩa:

Chúng tôi triển hiện là chân tướng

Vì cứu chúng sinh chúng tôi đi một hành trình dài
Bay qua bình nguyên, núi cao và đại dương
Truyền đạt lời kêu gọi của Sáng Thế Chủ
Triển hiện [sự] huy hoàng của văn hóa Thần truyền

Trên vũ đài tôi truyền đạt chân tướng
Bao nhiêu người tỉnh ngộ không còn mê mang
Đánh thức chúng sinh là sứ mệnh của tôi
Đồ đệ Đại Pháp đang cứu người trở về Thiên đường

Ngày 28 tháng 04 năm 2015

神舞仙韻

仙子飄然落九天
婀娜翻旋走世間
曼舞娉婷身姿俏
朵朵淨蓮帶露鮮
麗影絕艷踏雲煙
輕歌飛花長袖翩
滴翠飄香仙娥秀
玉質嬋娟舞翩躚

二零一五年五月十九日

Phiên âm:

Thần Vũ Tiên Vận

Tiên tử phiêu nhiên lạc cửu thiên
A na phiên toàn tẩu thế gian
Mạn vũ phinh đình thân tư tiếu
Đóa đóa tịnh liên đới lộ tiên
Lệ ảnh tuyệt diễm đạp vân yên
Khinh ca phi hoa trường tụ phiên
Tích thúy phiêu hương Tiên Nga tú
Ngọc chất thiền quyên vũ phiên tiên

Nhị linh nhất ngũ niên ngũ nguyệt thập cửu nhật

Diễn nghĩa:

Thần vũ Tiên vận

Tiên nữ bồng bềnh hạ xuống từ chín tầng trời
Thướt tha nhào lộn xoay chuyển đi khắp thế gian
Múa mềm mại tao nhã tư thế xinh đẹp
Những đóa sen tinh khiết mang theo [giọt] sương ban mai
Bóng dáng xinh đẹp kiều diễm tuyệt vời bước qua khói mây
Ca hát nhẹ nhàng như những cánh hoa rơi, ống tay áo dài tung bay
Tiên Nga thanh tú trẻ trung hương thơm bay
Dáng ngọc xinh đẹp múa nhẹ nhàng uyển chuyển

Ngày 19 tháng 05 năm 2015

用歌聲喚起希望

我站在世界的舞臺上
用歌聲喚起人的希望
旋律間傳遞著神的招喚
詞意中我把真相傳揚
我頂著壓力為你解危難
世人多來自天堂
為救自己天國眾生把人當
因為天宇末後在解體
下世得法
洗淨罪業
重修神體
圓滿回天堂

二零一五年五月二十九日

Phiên âm:

Dụng Ca Thanh Hoán Khởi Hy Vọng

Ngã trạm tại thế giới đích vũ đài thượng
Dụng ca thanh hoán khởi nhân đích hy vọng
Toàn luật gian truyền đệ trước Thần đích chiêu hoán
Từ ý trung ngã bả chân tướng truyền dương
Ngã đính trước áp lực vi nhĩ giải nguy nạn
Thế nhân đa lai tự Thiên đường
Vi cứu tự kỷ Thiên quốc chúng sinh bả nhân đương
Nhân vi thiên vũ mạt hậu tại giải thể
Hạ thế đắc Pháp
Tẩy tịnh tội nghiệp
Trùng tu Thần thể
Viên mãn hồi Thiên đường

Nhị linh nhất ngũ niên ngũ nguyệt nhị thập cửu nhật

Diễn nghĩa:

Dùng tiếng hát khơi dậy hy vọng

Tôi đứng trên vũ đài của thế giới
Dùng tiếng hát [để] khơi dậy hy vọng của con người
Trong giai điệu truyền đạt lời kêu gọi của Thần
Tôi truyền đạt chân tướng qua ý nghĩa của lời hát
Tôi chịu đựng áp lực vì để giúp bạn thoát khỏi nguy nan
Thế nhân đa phần là đến từ Thiên đường
Vì để cứu chúng sinh trong Thiên quốc của mình mà làm người
Bởi vì thiên thể vũ trụ [lúc] cuối cùng đang giải thể
Hạ thế đắc Pháp
Rửa sạch tội nghiệp
Trùng tu Thần thể
Viên mãn trở về Thiên đường

Ngày 29 tháng 05 năm 2015

禪亭下

小風吹過禪榻
鳥語嘰嘰樹下
青山綠水依舊
幾度山亭觀夏

二零一五年六月十三日

Phiên âm:

Thiền Đình Hạ

Tiểu phong xuy quá thiền tháp
Điểu ngữ kỷ kỷ thụ hạ
Thanh sơn lục thủy y cựu
Kỷ độ sơn đình quan hạ

Nhị linh nhất ngũ niên lục nguyệt thập tam nhật

Diễn nghĩa:

Dưới thiền đình

Gió nhẹ thổi qua sạp thiền
Tiếng chim ríu rít dưới cây
Non xanh nước biếc vẫn như xưa
Mấy lượt ngắm mùa hạ tại sơn đình

Ngày 13 tháng 06 năm 2015

信不信由你

望著星空找尋我的家園
人多是天上的王下世間
末後為救天國眾生等法傳
歲月久遠忘了來時的願
當今人已被領入深淵
無神論毀著生命的神性
進化邪說罵人是獸是猿
現代科學把人帶向災難
人類已走向最後的危險
慈悲是神的天性
拯救的大法在洪傳接緣
找到他是人的希望
找到他就能回到天上的家園

二零一五年六月十三日

Phiên âm:

Tín Bất Tín Do Nhĩ

Vọng trước tinh không trảo tầm ngã đích gia viên
Nhân đa thị Thiên thượng đích Vương hạ thế gian
Mạt hậu vi cứu Thiên quốc chúng sinh đẳng Pháp truyền
Tuế nguyệt cửu viễn vong liễu lai thời đích nguyện
Đương kim nhân dĩ bị lĩnh nhập thâm uyên
Vô thần luận hủy trước sinh mệnh đích Thần tính
Tiến hóa tà thuyết mạ nhân thị thú thị viên
Hiện đại khoa học bả nhân đới hướng tai nạn
Nhân loại dĩ tẩu hướng tối hậu đích nguy hiểm
Từ bi thị Thần đích thiên tính
Chửng cứu đích Đại Pháp tại hồng truyền tiếp duyên
Trảo đáo Tha thị nhân đích hy vọng
Trảo đáo Tha tựu năng hồi đáo Thiên thượng đích gia viên

Nhị linh nhất ngũ niên lục nguyệt thập tam nhật

Diễn nghĩa:

Tin hay không do bạn

Nhìn lên trời sao tìm gia viên của tôi
Con người đa phần là Vương trên Thiên thượng hạ xuống thế gian
Đến cuối cùng chờ đợi Pháp truyền để cứu chúng sinh trong Thiên quốc
Năm tháng đằng đẵng quên mất nguyện khi đến đây
Con người hiện nay đã bị dẫn đến vực thẳm
Vô Thần luận hủy đi Thần tính của sinh mệnh
Tà thuyết tiến hóa nhục mạ người là thú, là vượn
Khoa học hiện đại đưa con người đến tai nạn
Nhân loại đã đi đến nguy hiểm cuối cùng
Từ bi là thiên tính của Thần
Đại Pháp [có thể] cứu vớt đang hồng truyền tiếp duyên
Tìm được Ông là hy vọng của con người
Tìm được Ông liền có thể trở về nhà trên Thiên thượng

Ngày 13 tháng 06 năm 2015

報應

心惶惶
知不長
日惶惶
警車響
迫害過後都得償
邪惡手段全在帳
樣樣滋味斷鬼腸
爛魔頭你再狂
狗頭軍師小流氓
一肚壞水黃鼠狼
窮途末路無處藏
人間報應不算完
天鉤穿皮掛廣場
陰曹地獄夠鬼忙

二零一五年六月十五日

Phiên âm:

Báo Ứng

Tâm hoàng hoàng
Tri bất trường
Nhật hoàng hoàng
Cảnh xa hưởng
Bách hại quá hậu đô đắc thường
Tà ác thủ đoạn toàn tại trướng
Dạng dạng tư vị đoạn quỷ tràng
Lạn ma đầu nhĩ tái cuồng
Cẩu đầu quân sư tiểu lưu manh
Nhất đỗ hoại thủy hoàng thử lang
Cùng đồ mạt lộ vô xứ tàng

Nhân gian báo ứng bất toán hoàn
Thiên câu xuyên bì quải quảng trường
Âm tào địa ngục cú quỷ mang

Nhị linh nhất ngũ niên lục nguyệt thập ngũ nhật

Diễn nghĩa:

Báo ứng

Tâm hoang mang
Biết [sẽ] không còn lâu
Ngày kinh hoàng
Tiếng còi xe cảnh sát
Bức hại qua đi đều phải bồi thường
Thủ đoạn tà ác đều [ghi] ở [trong] sổ sách
[Sẽ phải] nếm trải mọi dư vị khi con ma bị đứt ruột
Tên ma đầu thối nát, ngươi cứ cuồng điên nữa đi
Quân sư đầu cẩu [là tên] tiểu lưu manh
Con chồn bụng toàn nước bẩn
Cùng đường mạt lộ không còn nơi chốn thoát
Báo ứng tại nhân gian chưa tính là hết
Móc câu của trời xuyên qua da treo trên quảng trường
Quỷ dưới địa ngục âm tào sẽ rất bận [rộn]

Ngày 15 tháng 06 năm 2015

駛向神指的岸

人生要偏離了航向
就像大海中的小船
順利時揚起風帆
更多的是大浪險灘
不知航向
沒有港灣
人別忘了史前的宿願
宇宙正在經歷著巨變
人多來自天堂
下世為了等大法接聖緣
消去罪業
重塑神體
才能解救各自天國的危難
揚起風帆
追尋機緣
駛向神指的岸

二零一五年六月

Phiên âm:

Sử Hướng Thần Chỉ Đích Ngạn

Nhân sinh yếu thiên ly liễu hàng hướng
Tựu tượng đại hải trung đích tiểu thuyền
Thuận lợi thời dương khởi phong phàm
Cánh đa đích thị đại lãng hiểm than
Bất tri hàng hướng
Một hữu cảng loan
Nhân biệt vong liễu sử tiền đích túc nguyện
Vũ trụ chính tại kinh lịch trước cự biến
Nhân đa lai tự Thiên đường

Hạ thế vi liễu đẳng Đại Pháp tiếp thánh duyên
Tiêu khứ tội nghiệp
Trùng tố Thần thể
Tài năng giải cứu các tự Thiên quốc đích nguy nạn
Dương khởi phong phàm
Truy tầm cơ duyên
Sử hướng Thần chỉ đích ngạn

Nhị linh nhất ngũ niên lục nguyệt

Diễn nghĩa:

Chạy đến bến bờ [mà] Thần chỉ

Nhân sinh nếu lệch khỏi phương hướng
Sẽ giống như con thuyền nhỏ trong đại dương
Khi thuận lợi [thì] giương cánh buồm
Phần nhiều thì toàn là sóng to [và] bãi hiểm
Không biết hướng đi
Không có bến cảng
Con người chớ quên mất nguyện ban đầu từ tiền sử
Vũ trụ đang trải qua [sự] biến đổi to lớn
Con người phần nhiều là đến từ Thiên đường
Hạ thế là vì đợi Đại Pháp tiếp Thánh duyên
Tiêu trừ tội nghiệp
Trùng tổ Thần thể
Mới có thể giải cứu nguy nan ở các Thiên quốc của mình
Giương cánh buồm lên
Tìm kiếm cơ duyên
Chạy đến bến bờ [mà] Thần chỉ ra

Tháng 06 năm 2015

天國樂團

法鼓法號顯天威
去邪除惡喚回歸
末世救人驚天地
法正乾坤放光輝

二零一五年八月一日

Phiên âm:

Thiên Quốc Nhạc Đoàn

Pháp cổ Pháp hiệu hiển Thiên uy
Khứ tà trừ ác hoán hồi quy
Mạt thế cứu nhân kinh thiên địa
Pháp Chính Càn Khôn phóng quang huy

Nhị linh nhất ngũ niên bát nguyệt nhất nhật

Diễn nghĩa:

Đoàn nhạc Thiên Quốc

Trống Pháp kèn Pháp thể hiện ra cái uy của Trời
Đuổi tà trừ ác gọi [chúng sinh] trở về
Thời mạt thế cứu người chấn kinh cả trời đất
Pháp Chính Càn Khôn phóng ánh sáng rực rỡ

Ngày 01 tháng 08 năm 2015

幾人醒

人間再好也比不了天堂
人情不定難久長
榮華百年帶不走
名利拼搏為誰忙
人來自天上為得法
消去罪業塑神體
你的天國迎新王

二零一五年八月

Phiên âm:

Kỷ Nhân Tỉnh

Nhân gian tái hảo dã tỉ bất liễu Thiên đường
Nhân tình bất định nan cửu trường
Vinh hoa bách niên đới bất tẩu
Danh lợi bính bác vi thùy mang
Nhân lai tự Thiên thượng vi đắc Pháp
Tiêu khứ tội nghiệp tố Thần thể
Nhĩ đích Thiên quốc nghịnh tân Vương

Nhị linh nhất ngũ niên bát nguyệt

Diễn nghĩa:

Mấy người tỉnh

Nhân gian tốt đẹp đến mấy cũng không thể bằng Thiên đường
Nhân tình bất định khó được lâu dài
Vinh hoa trăm năm không mang đi được
Phấn đấu tranh giành danh lợi bận rộn vì ai
Con người đến từ Thiên thượng vì để đắc Pháp
Tiêu trừ tội nghiệp khôi phục Thần thể
Thiên quốc của bạn chào đón tân Vương

Tháng 08 năm 2015

與神共舞架天橋

世界巡演萬里遥
穿城跨海山路高
救度眾生傳真相
與神共舞架天橋
末後會來創世主
眾神下世把他找
天體再造傳大道
得法重塑眾生笑
你曾求神救回天
我用歌聲來相告
世界巡迴把人叫

二零一五年八月

Phiên âm:

Dữ Thần Cộng Vũ Giá Thiên Kiều

Thế giới tuần diễn vạn lý diêu
Xuyên thành khóa hải sơn lộ cao
Cứu độ chúng sinh truyền chân tướng
Dữ thần cộng vũ giá thiên kiều
Mạt hậu hội lai Sáng Thế Chủ
Chúng Thần hạ thế bả Tha trảo
Thiên thể tái tạo truyền đại Đạo
Đắc Pháp trùng tố chúng sinh tiếu
Nhĩ tằng cầu Thần cứu hồi thiên
Ngã dụng ca thanh lai tương cáo
Thế giới tuần hồi bả nhân khiếu

Nhị linh nhất ngũ niên bát nguyệt

Diễn nghĩa:

Múa cùng Thần bắc cầu lên trời

Lưu diễn [khắp] thế giới xa xôi vạn dặm
Đi qua các thành phố, vượt biển cả [và] đường núi trên cao
Cứu độ chúng sinh truyền chân tướng
Múa cùng Thần bắc cầu lên trời
Đến cuối cùng Sáng Thế Chủ sẽ đến
Chúng Thần hạ thế xuống tìm Ông
Tái tạo thiên thể truyền đại Đạo
Đắc Pháp khôi phục lại [Thần thể] chúng sinh cười
Bạn từng cầu Thần cứu về trời
Tôi dùng tiếng hát để nói ra
Lưu diễn [khắp] thế giới kêu gọi con người

Tháng 08 ngày 2015

月為誰圓

千古中秋月高懸
他日月圓心內寒
法徒有難誰看月
年年十五月空閒
今又中秋醜戲完
邪黨如秋看誰煩
有心賞月舉目難
紅潮一落月更圓

二零一五年中秋

Phiên âm:

Nguyệt Vi Thùy Viên

Thiên cổ Trung Thu nguyệt cao huyền
Tha nhật nguyệt viên tâm nội hàn
Pháp đồ hữu nạn thùy khán nguyệt
Niên niên thập ngũ nguyệt khống nhàn
Kim hựu Trung Thu xú hí hoàn
Tà đảng như thu khán thùy phiền
Hữu tâm thưởng nguyệt cử mục nan
Hồng triều nhất lạc nguyệt cánh viên

Nhị linh nhất ngũ niên Trung Thu

Diễn nghĩa:

Trăng tròn vì ai

Trung thu [từ] nghìn xưa trăng treo cao
Ngày đó trăng tròn [nhưng] tâm lạnh lẽo
Đồ đệ Đại Pháp bị nạn, ai ngắm trăng
[Ngày] 15 hàng năm trăng bỏ không [ai ngắm]
Trung Thu năm nay, vở kịch xấu xí [đã] kết thúc
Tà đảng như [mùa] thu, xem ai [sẽ phải] phiền [muộn]
Có tâm ngắm trăng, ngước mắt lên [cũng] khó
Triều đại đỏ hễ sụp [thì] trăng càng tròn

Trung Thu năm 2105

月為人明

月照長夜幾千年
不叫黑暗把人鉗
春去秋來幾多變
明月依舊光萬千
滄海桑田輪番換
千古正道從未偏
輪迴輾轉為何事
皓月不語問蒼天
末世才知等神救
天路又在善惡間

二零一五年中秋

Phiên âm:

Nguyệt Vi Nhân Minh

Nguyệt chiếu trường dạ kỷ thiên niên
Bất khiếu hắc ám bả nhân kiềm
Xuân khứ thu lai kỷ đa biến
Minh nguyệt y cựu quang vạn thiên
Thương hải tang điền luân phiên hoán
Thiên cổ chính Đạo tùng vị thiên
Luân hồi triển chuyển vi hà sự
Hạo nguyệt bất ngữ vấn thương thiên
Mạt thế tài tri đẳng Thần cứu
Thiên lộ hựu tại thiện ác gian

Nhị linh nhất ngũ niên Trung Thu

Diễn nghĩa:

Trăng sáng vì người

Trăng chiếu đêm dài mấy nghìn năm
Không để cho bóng đêm kìm kẹp con người
Xuân đi thu đến thay đổi quá nhiều
Trăng sáng vẫn như xưa soi vạn dặm
Bãi bể nương dâu luân phiên thay đổi
Chính Đạo từ thiên cổ chưa từng bị lệch
Luân hồi trở qua trở lại vì điều gì
Trăng sáng im lặng, hỏi trời xanh
Mạt thế mới biết đợi Thần cứu
Đường lên trời lại ở giữa thiện và ác

Trung Thu năm 2015

中秋聯歡

翩翩起舞仙娥在人間
身法矯健壯士英姿顯
中秋共舞自編自己演
歡歌笑語紅潮落更淺
神傳文化蘊蓄待復興
今日明星它日更耀眼

二零一五年中秋

Phiên âm:

Trung Thu Liên Hoan

Phiên phiên khởi vũ Tiên Nga tại nhân gian
Thân pháp kiểu kiện tráng sĩ anh tư hiển
Trung Thu cộng vũ tự biên tự kỷ diễn
Hoan ca tiếu ngữ hồng triều lạc cánh thiển
Thần truyền văn hóa uẩn súc đãi phục hưng
Kim nhật minh tinh tha nhật cánh diệu nhãn

Nhị linh nhất ngũ niên Trung Thu

Diễn nghĩa:

Liên hoan Trung Thu

Múa bay bổng, Tiên Nga tại nhân gian
Thân Pháp cường tráng lộ ra tư thế oai hùng [của] tráng sĩ
Trung Thu cùng múa tự biên tự diễn
Vui vẻ hát ca cười nói triều đại đỏ sụp đổ càng thảm
Văn hóa Thần truyền tiềm tàng chờ đợi phục hưng
Ngôi sao sáng hôm nay, ngày kia càng rạng rỡ

Trung Thu năm 2015